

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011

WWW.SSI.COM.VN



TÂM NHÌN

CHÚNG TA CÙNG THÀNH CÔNG

SSI hoạt động dựa trên tầm nhìn “Chúng ta cùng thành công”.

Điều cốt lõi ở các sản phẩm và dịch vụ của SSI là nỗ lực đem lại thành công cho Khách hàng, Cộng sự và các Đối tác. Chúng tôi phát hiện những cơ hội đầu tư mới trong thị trường tài chính và biến những cơ hội này thành lợi nhuận trong tầm tay.

Thành công của SSI chính là được tận tâm, tận lực đem lại hiệu quả tối ưu cho Khách hàng, Cộng sự, Đối tác, Cổ đông và Cộng đồng.

SỨ MỆNH

KẾT NỐI VỐN VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ

SSI được thành lập với mục đích gắn kết cơ hội đầu tư với các nguồn lực tài chính.

Sứ mệnh này luôn định hướng tất cả sản phẩm và dịch vụ của SSI tại thời điểm hiện thời cũng như trong tương lai.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

SẴN SÀNG GIẢI PHÁP: Chúng tôi lắng nghe và chuyên tâm tìm kiếm giải pháp ưu việt nhất cho từng nhu cầu cụ thể của khách hàng.

SÂU SÁT CHUYÊN MÔN: Là chuyên gia đầu ngành tài chính, chúng tôi vẫn không ngừng cập nhật, nâng cao kĩ năng chuyên môn để đáp ứng hoàn hảo mọi tiêu chuẩn khách hàng kì vọng ở SSI.

IN DẤU SÁNG TẠO: Chúng tôi khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các cộng sự được toàn quyền tư duy sáng tạo trong chuyên môn vì quyền lợi của SSI và khách hàng.

MỤC LỤC

	TÂM NHÌN - SỨ MỆNH	
	Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	02
	Lịch sử phát triển	06
	Ngành nghề kinh doanh chính	08
	Một số chỉ tiêu tài chính	10
12	BỘ MÁY TỔ CHỨC	
	Cơ cấu tổ chức	14
	Hội đồng Quản trị	16
	Hoạt động của Hội đồng Quản trị	18
	Hoạt động của Ban Kiểm soát	20
	Nhân sự chủ chốt	22
24	KINH TẾ 2011 VÀ TRIỂN VỌNG KINH TẾ 2012	
	Tổng quan Kinh tế 2011	26
	Triển vọng Kinh tế 2012	32
38	LĨNH VỰC KINH DOANH	
	Dịch vụ Chứng khoán	40
	Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư	46
	Quản lý Quỹ	52
	Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính	56
60	QUẢN TRỊ RỦI RO	
	Tóm tắt hệ thống quản trị rủi ro tại SSI	62
	Rủi ro thị trường	63
	Rủi ro tín dụng	64
	Rủi ro thanh khoản	65
	Rủi ro vận hành	66
	Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin	66
	Rủi ro tuân thủ	67
	Rủi ro thương hiệu	68
	Rủi ro quản trị nguồn nhân lực	69
	Rủi ro pháp luật	70
	Kế hoạch hoạt động năm 2012	71
72	YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG	
	Công nghệ thông tin	74
	Quản trị nguồn nhân lực	78
	Quan hệ Nhà đầu tư	80
	Văn hóa doanh nghiệp	82
	Trách nhiệm cộng đồng	84
86	BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011	
	Thông tin chung	88
	Báo cáo của ban Tổng Giám đốc	90
	Báo cáo của Kiểm toán độc lập	91
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất	92
	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	96
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	98
	Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất	100
	Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất	102
146	THÔNG TIN KHÁC	
	Thông tin cổ đông và quản trị công ty	148
	Thông tin doanh nghiệp	154
	Mạng lưới hoạt động	156

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN DUY HƯNG
Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám đốc

“ Nhận thức rất rõ những khó khăn trong thời gian tới, với thông điệp 2012 **"Tìm cơ hội trong khó khăn"**, chúng tôi đã sẵn sàng đối mặt với những thách thức và nắm bắt, hiện thực hóa các cơ hội để SSI tiếp tục phát triển lớn mạnh. ”



Thưa các Quý vị,

Năm 2011, nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng tiếp tục đối mặt với rất nhiều khó khăn. Kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi một loạt các yếu tố như giá cả hàng hóa tăng cao, lạm phát tăng mạnh, S&P hạ mức định giá tín nhiệm nợ công của Mỹ, khủng hoảng nợ công tại Châu Âu, sự trì trệ của nền kinh tế Trung Quốc, bất ổn chính trị tại Bắc Phi và thiên tai tại Nhật Bản. Những khó khăn của kinh tế thế giới đã tác động đến tăng trưởng GDP của Việt Nam với cơ cấu xuất nhập khẩu chiếm trên 160% GDP. Năm 2011, tăng trưởng GDP của Việt Nam chỉ đạt 5,89%, thấp hơn kế hoạch Chính phủ đề ra từ đầu năm. Nếu loại mức tăng trưởng 5,3% của năm 2009, là năm Việt Nam chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, thì con số 5,89% tăng trưởng GDP năm 2011 là mức thấp nhất kể từ năm 2000. Mức lạm phát năm 2011 tăng cao tới 18,13% và các biện pháp kiểm chế lạm phát cũng gây ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế cả trong ngắn hạn và dài hạn.

Sự âm ỉ của nền kinh tế và kết quả hoạt động kinh doanh yếu kém của các doanh nghiệp trong năm 2011 đã gây tổn thương sâu đến thị trường chứng khoán và lòng tin của Nhà Đầu tư. Tâm lý của Nhà Đầu tư liên tục biến động theo sự lên xuống của thị trường, từ lạc quan với các chính sách mới của Chính phủ đến lo lắng về tác động của chính những chính sách ấy đến nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Sự lo lắng đối với sức khỏe nền kinh tế và thiếu lòng tin vào đồng nội tệ đã khiến các Nhà Đầu tư quyết định đứng ngoài thị trường để chờ đợi. Kết quả, dòng tiền rông vào thị trường chứng khoán ở mức rất khiêm tốn với 320 tỷ đồng từ các Nhà Đầu tư trong nước và 1.460 tỷ đồng từ các Nhà Đầu tư nước ngoài. Với rất nhiều yếu tố bất lợi cuối năm 2011, chỉ số VN-Index sụt giảm gần 30% và chỉ số HNX-Index cũng mất điểm gần 50% so với năm 2010.

Trong bối cảnh khó khăn đó, SSI tiếp tục tập trung tái cơ cấu tổ chức theo hướng tăng cường hiệu quả hoạt động, cắt giảm

chi phí đối với các bộ phận hoạt động kém hiệu quả, phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới, và đầu tư có chiều sâu vào hạ tầng công nghệ. Từ vài năm nay, chúng tôi đã luôn chuẩn bị để đương đầu với những khó khăn của thị trường nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực và sẵn sàng đón lấy cơ hội khi thị trường có dấu hiệu hồi phục. Bên cạnh đó, việc tuân thủ chặt chẽ nguyên tắc quản trị rủi ro song vẫn đảm bảo tính linh hoạt trong điều hành hoạt động kinh doanh đã giúp SSI có lợi nhuận trong năm 2011. Doanh thu 2011 của SSI đạt 848.043 tỷ đồng, giảm 43,59% so với năm 2010; lợi nhuận trước thuế đạt 126,6 tỷ đồng, giảm 86% so với năm 2010. Việc SSI trở thành cổ đông lớn tại một số công ty và hợp nhất báo cáo tài chính của những công ty này vào SSI đã giúp công ty giảm trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán 161 tỷ đồng trong năm 2011.

Mặc dù doanh thu và lợi nhuận năm 2011 sụt giảm so với năm 2010, nhưng kết quả SSI đạt được ghi nhận nỗ lực của Công ty trong điều kiện nền kinh tế và thị trường tài chính gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, SSI tiếp tục được Khách hàng và Nhà Đầu tư tích cực ủng hộ. Công ty giữ vững vị trí số 1 về thị phần môi giới tại HOSE trong suốt cả năm 2011 với thị phần ấn tượng 13,21%. Giá trị giao dịch tại Dịch vụ Chứng khoán SSI năm 2011 giảm 40% trong khi giá trị giao dịch toàn thị trường giảm 60% so với năm 2010 đã cho thấy những nỗ lực của công ty. Trong một năm được xem là rất khó khăn cho hoạt động huy động vốn, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI vẫn giúp Công Ty Cổ Phần Hoàng Anh Gia Lai phát hành thành công 90 triệu USD trái phiếu ra nước ngoài và tư vấn IPO thành công cho Petrolimex vào tháng 07/2011. Cuối quý II/2011, SSI đã điều chuyển toàn bộ nhân sự của Bộ phận Đầu tư về Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM). Cùng với đó, SSI chuyển phần lớn các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết mà công ty được ủy thác sang SSIAM quản lý. SSIAM đã tái cơ cấu danh mục đầu tư tự doanh của SSI theo hướng tập trung vào đầu tư dài hạn.

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong bối cảnh khó khăn chung, nền kinh tế Việt Nam 2011 vẫn có những điểm sáng nổi bật đáng ghi nhận. Nông nghiệp, vốn là ngành mà Việt Nam có sức cạnh tranh cao, đã ghi nhận sản lượng xuất khẩu kỷ lục, góp phần mang lại thặng dư thương mại, tái khẳng định vị trí quan trọng của ngành trong chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam, cũng như khẳng định vị thế của Việt Nam trên bản đồ nông nghiệp thế giới. Các ngành xuất khẩu như may mặc, giày dép, thủy sản cũng vượt xa các ngành khác và thu hút được nhiều khoản đầu tư lớn. Với chiến lược đầu tư dài hạn, tập trung vào các ngành, lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh, các khoản đầu tư của SSI trong năm 2011 đã gặt hái được những kết quả khả quan.

Đối với chúng tôi, chất lượng của các khoản đầu tư là vấn đề rất quan trọng. Vì vậy, mặc dù thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2011 giao dịch tại mức PE rất thấp so với các nước khác trong khu vực, thậm chí nhiều cổ phiếu được giao dịch dưới giá trị sổ sách với khối lượng giao dịch lớn, song SSI không đầu tư vào những cổ phiếu này nếu đây không phải là cổ phiếu của những doanh nghiệp kinh doanh tốt hoặc có tiềm năng tăng trưởng tốt. SSI rất thận trọng và chọn lọc khi thực hiện đầu tư trong năm 2011 và đã luôn tư vấn cho các khách hàng của mình để cùng thực hiện chiến lược đầu tư này. Đây chính là điểm tạo nên sự khác biệt của SSI.

Bước sang năm 2012, chúng tôi cho rằng kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức. Nhiệm vụ quan trọng và khẩn cấp đối với Việt Nam là khôi phục sự ổn định của nền kinh tế, kiểm soát lạm phát và phục hồi tăng trưởng. Chính phủ cũng sẽ tập trung tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng duy trì tăng trưởng và phát triển bền vững thông qua việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; từ đó giúp các doanh nghiệp trong nước có thể tham gia vào mạng lưới sản xuất và các kênh phân phối trong khu vực và quốc tế. Để thực hiện mục tiêu này, quá trình tái cấu trúc nền kinh tế sẽ tập trung nâng cao chất lượng, năng suất và hiệu quả của các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Chúng tôi tin rằng, nếu mục tiêu tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả được thực hiện thì các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ sẽ tăng trưởng nhanh và bền vững. Với nhận định về thị trường như trên, SSI đã, đang và sẽ cùng đầu tư, giúp các doanh nghiệp hoạch định chiến lược phát triển dài hạn cũng như tìm kiếm các đối tác chiến lược có tiềm lực và kinh nghiệm.

Năm 2012 sẽ tiếp tục là một năm khó khăn cho hoạt động huy động vốn do thị trường tài chính còn nhiều bất ổn và chính sách thắt chặt tín dụng nhiều khả năng vẫn được duy trì. Năm 2011, nhiều dự án của Chính phủ và doanh nghiệp gặp khó khăn về

tài chính và phải tìm nguồn vốn thay thế từ bên ngoài do ảnh hưởng của chính sách thắt chặt tín dụng. Đây là cơ hội để các doanh nghiệp nước ngoài thực hiện các thương vụ đầu tư chiến lược. Chúng tôi tin rằng các hoạt động đầu tư như trên sẽ gia tăng cả về số lượng và quy mô trong năm 2012 do ngân hàng sẽ vẫn rất thận trọng trong việc cấp tín dụng và Việt Nam tiếp tục thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế. Với các lợi thế cạnh tranh như am hiểu thị trường nội địa và có mạng lưới khách hàng rộng lớn, SSI sẽ cùng các đối tác trong và ngoài nước giúp các Nhà Đầu tư nước ngoài thực hiện thành công các thương vụ đầu tư chiến lược nói trên.

Thị trường tài chính nói chung và ngành dịch vụ tài chính nói riêng sẽ tiếp tục đối mặt với những tác động lớn do những biến chuyển không ngừng của nền kinh tế gây ra. Với vai trò và vị trí của một nhà tư vấn, một chuyên gia tài chính, một nhà tạo lập thị trường và một công ty quản lý tài sản, chúng tôi luôn có dự phòng trước những thay đổi của thị trường và chuẩn bị sẵn sàng để đón nhận những thay đổi đó. Gần gũi với khách hàng để lắng nghe và thấu hiểu những yêu cầu dù là nhỏ nhất của khách hàng là yếu tố giúp chúng tôi luôn thích ứng và hòa nhập nhanh với những thay đổi của thị trường. Đây chính là chìa khóa làm nên sự thành công của SSI.

Nhận thức rất rõ những khó khăn trong thời gian tới, với thông điệp năm 2012 "**Tim cơ hội trong khó khăn**", chúng tôi đã sẵn sàng đối mặt với những thách thức và nắm bắt, hiện thực hóa các cơ hội để SSI tiếp tục phát triển lớn mạnh.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng tới Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Đối tác đã luôn ủng hộ, đồng hành cùng SSI, cảm ơn toàn thể cán bộ nhân viên Công ty vì những đóng góp, sáng tạo và nỗ lực mà các bạn đã làm để cùng SSI vượt qua mọi thách thức, hướng tới mục tiêu thực hiện sứ mệnh "**Kết nối vốn và cơ hội đầu tư**".

Xin trân trọng cảm ơn Quý vị,

TP. HCM ngày 09/03/2012
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Hưng



1999 - 2000

- 30/12/1999: SSI được thành lập, đặt trụ sở chính tại TP. HCM và hoạt động với hai nghiệp vụ: Môi giới Chứng khoán và Tư vấn Đầu tư Chứng khoán. Vốn điều lệ ban đầu là 6.000.000.000 VNĐ.

2001

- 02/2001: SSI tăng vốn điều lệ lên 9.000.000.000 VNĐ.
- 07/2001: SSI tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 VNĐ, và có 4 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh và Lưu ký Chứng khoán.

2002

- 09/07/2002: Thành lập Chi nhánh tại Hà Nội, mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh phía Bắc.

2004

- 4/2004: SSI tăng vốn điều lệ lên 23.000.000.000 VNĐ.



2005

- 02/2005: SSI tăng vốn điều lệ lên 26.000.000.000 VNĐ và mở rộng hoạt động với 5 nghiệp vụ chính: Tư vấn đầu tư chứng khoán, Môi giới chứng khoán, Tự doanh, Lưu ký chứng khoán và Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
- 06/2005: SSI tăng vốn điều lệ lên 52.000.000.000 VNĐ và hoạt động với 6 nghiệp vụ, trong đó nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán là nghiệp vụ được bổ sung.

2006

- 02/2006: SSI tăng vốn điều lệ lên 120.000.000.000 VNĐ.
- 05/2006: SSI tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 VNĐ.
- 09/2006: Vốn điều lệ đạt 500.000.000.000 VNĐ.
- 15/12/2006: Cổ phiếu SSI đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

2007

- 07/2007: SSI tăng vốn điều lệ lên 799.999.170.000 VNĐ.
- 03/08/2007: Công ty Quản lý Quỹ SSI, Công ty TNHH MTV của SSI được thành lập.
- 29/10/2007: SSI chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

2008

- 03/03/2008: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.199.998.710.000 VNĐ.
- 16/04/2008: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.366.666.710.000 VNĐ.
- SSI được tạp chí danh tiếng Finance Asia trao giải "Nhà Môi giới tốt nhất Việt Nam".

2009

- 30/01/2009: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.533.334.710.000 VNĐ.
- SSI được Finance Asia trao giải "Nhà Môi giới tốt nhất Việt Nam" và "Nhà Tư vấn tốt nhất Việt Nam" lần thứ 2 liên tiếp.

2010

- 03/03/2010: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.755.558.710.000 VNĐ.
- 18/05/2010: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.511.117.420.000 VNĐ.
- SSI nằm trong danh sách 10 doanh nghiệp tư nhân đóng thuế nhiều nhất.
- SSI được Finance Asia trao giải "Nhà Môi giới tốt nhất Việt Nam", "Nhà Tư vấn tốt nhất Việt Nam" lần thứ 3 liên tiếp và là Công ty đầu tiên được nhận giải "Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam".
- Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) trở thành Công ty Quản lý Quỹ đầu tiên tại Việt Nam nhận giải thưởng "Best Vietnam Onshore Fund House" của tạp chí danh tiếng Asian Investor.

2011

- SSI vinh dự đón nhận Huân Chương Lao Động Hạng Ba cho những thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển Thị trường chứng khoán giai đoạn 2000-2010, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
- SSI chính thức có chiến thắng kép khi đạt hai giải thưởng "Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam" và "Nhà Môi giới tốt nhất Việt Nam" do Finance Asia trao giải.
- SSI là Công ty duy nhất được tạp chí Alpha South East Asia trao tặng ba giải thưởng "Ngân hàng Đầu tư tốt nhất tại Việt Nam", "Nhà Tư vấn phát hành trái phiếu tốt nhất" và "Nhà Môi giới Tổ chức tốt nhất".
- SSI là Công ty duy nhất đạt được 2 giải thưởng của The Asset, bao gồm: "Ngân hàng Đầu tư tốt nhất" và "Nhà Tư vấn tốt nhất".

30/01/2012: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.526.117.420.000 VNĐ.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI - HOSE) là định chế tài chính hàng đầu và uy tín trên thị trường Việt Nam. SSI cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính theo tiêu chuẩn quốc tế cho các đối tượng khách hàng tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước bao gồm:

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

- Sản phẩm, dịch vụ cơ bản đối với chứng khoán niêm yết như mở tài khoản giao dịch; Môi giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền, Lưu ký, và Hỗ trợ Chuyển nhượng đối với Chứng khoán chưa niêm yết.
- Sản phẩm dịch vụ tài chính Hợp tác Đầu tư Chứng khoán và Hỗ trợ Khách hàng Giao dịch Chứng khoán.
- Sản phẩm dịch vụ giao dịch điện tử gồm có Smart Trading, Web Trading, Contact Center, SMS.
- Sản phẩm Báo cáo Nhận định thị trường, Phân tích ngành, Phân tích cổ phiếu, tổ chức đi thăm các công ty niêm yết, tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư... đáp ứng nhu cầu của khách hàng tổ chức và khách hàng cá nhân.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

- Tư vấn Tài chính doanh nghiệp: Định giá doanh nghiệp, Tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, Mua bán & Sáp nhập (M&A), Chia tách giải thể doanh nghiệp...
- Tư vấn huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước, bao gồm thị trường chứng khoán và thị trường nợ: Tư vấn cổ phần hóa, Tư vấn & Bảo lãnh phát hành (phát hành lần đầu ra công chúng, phát hành riêng lẻ), Tư vấn niêm yết, Tư vấn phát hành các sản phẩm cấu trúc và phái sinh.

QUẢN LÝ QUỸ

- Quỹ đầu tư bao gồm huy động và quản lý các quỹ đầu tư thành viên trong nước, các quỹ đầu tư nước ngoài với thời hạn trung và dài hạn.
- Quản lý danh mục đầu tư gồm danh mục đầu tư toàn bộ và danh mục đầu tư chỉ định cho các Khách hàng Tổ chức, Cá nhân trong và ngoài nước.
- Quản lý tài sản cho Khách hàng cá nhân có giá trị tài sản lớn.
- Các dịch vụ giá trị gia tăng khác.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH



MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

KẾT QUẢ KINH DOANH	2009	2010	2011
Doanh thu thuần (VNĐ)	1.121.526.055.660	1.503.616.689.880	848.042.922.890
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (VNĐ)	881.789.621.544	899.895.527.639	163.330.324.796
Tổng lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	955.711.514.448	902.819.486.257	126.604.379.877
Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)	804.079.895.938	689.469.002.878	82.753.235.555

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI SẢN	2009	2010	2011
Tổng tài sản (VNĐ)	7.076.985.421.509	8.792.894.565.983	6.507.513.198.854
Vốn điều lệ (VNĐ)	1.533.334.710.000	3.511.117.420.000	3.526.117.420.000(*)
Tổng số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành	153.322.201	350.711.972	349.611.742
Nguồn vốn chủ sở hữu (VNĐ)	4.818.501.330.788	5.459.312.028.182	5.080.665.298.616

CÁC CHỈ TIÊU KHÁC	2009	2010	2011
-------------------	------	------	------

Cơ cấu tài sản

Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	66,25%	72,40%	49,54%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	33,75%	27,60%	50,46%

Cơ cấu nguồn vốn

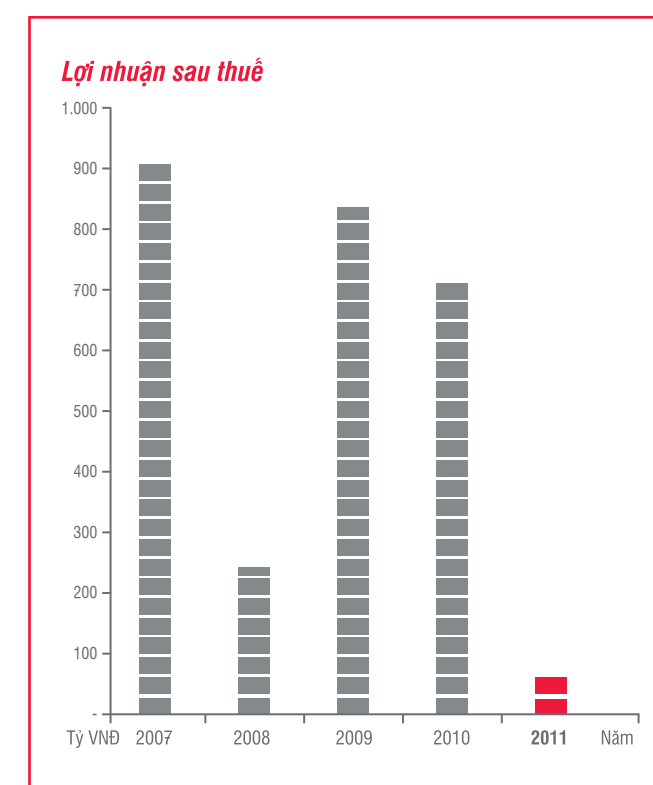
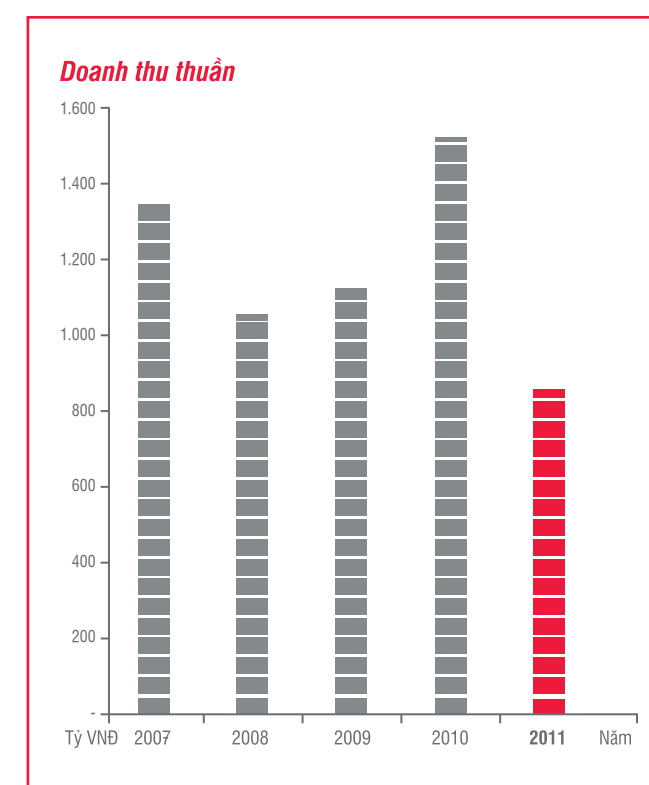
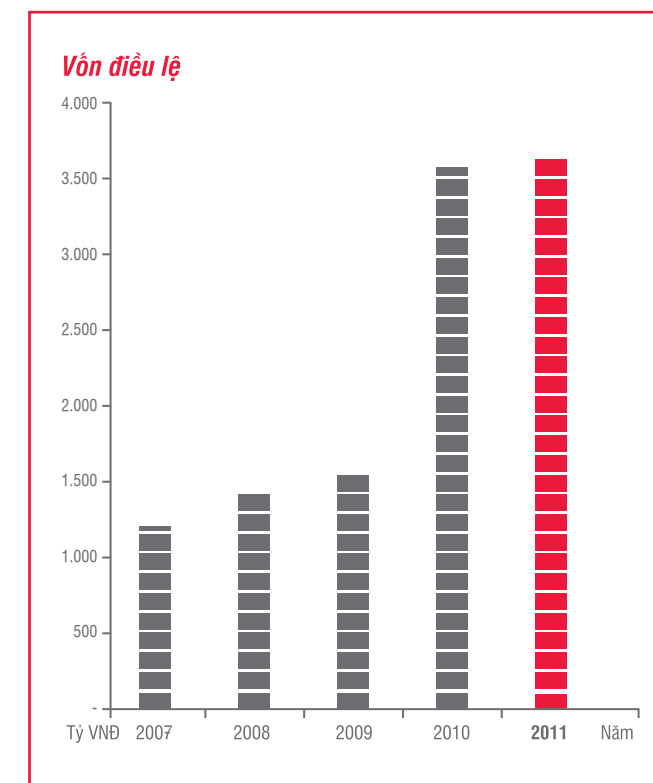
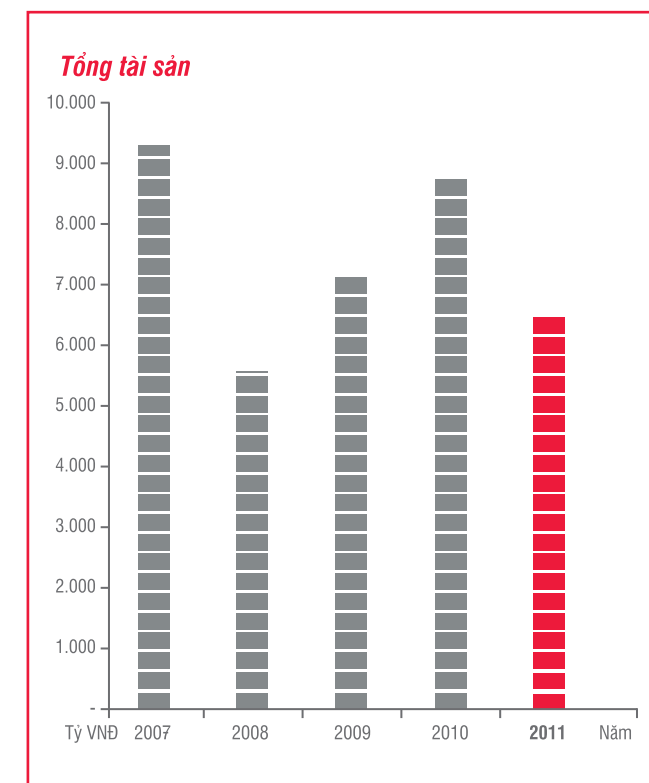
Nợ phải trả/Tổng tài sản	31,91%	37,08%	20,75%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	68,09%	62,09%	78,07%

TỶ SUẤT LỢI NHUẬN	2009	2010	2011
-------------------	------	------	------

Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	11,36%	7,84%	1,27%
Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	16,69%	12,63%	1,63%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	52,44%	19,64%	2,35%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	71,70%	45,85%	9,76%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) (VNĐ)	5.360	1.982	227

(*) Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2011: Ngày 30/01/2012, Chủ tịch UBCKNN đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 72/GPĐC-UBCK để điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPHĐKD của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ghi nhận mức vốn điều lệ mới là 3.526.117.420.000 đồng (Ba nghìn năm trăm hai mươi sáu tỷ, một trăm mười bảy triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

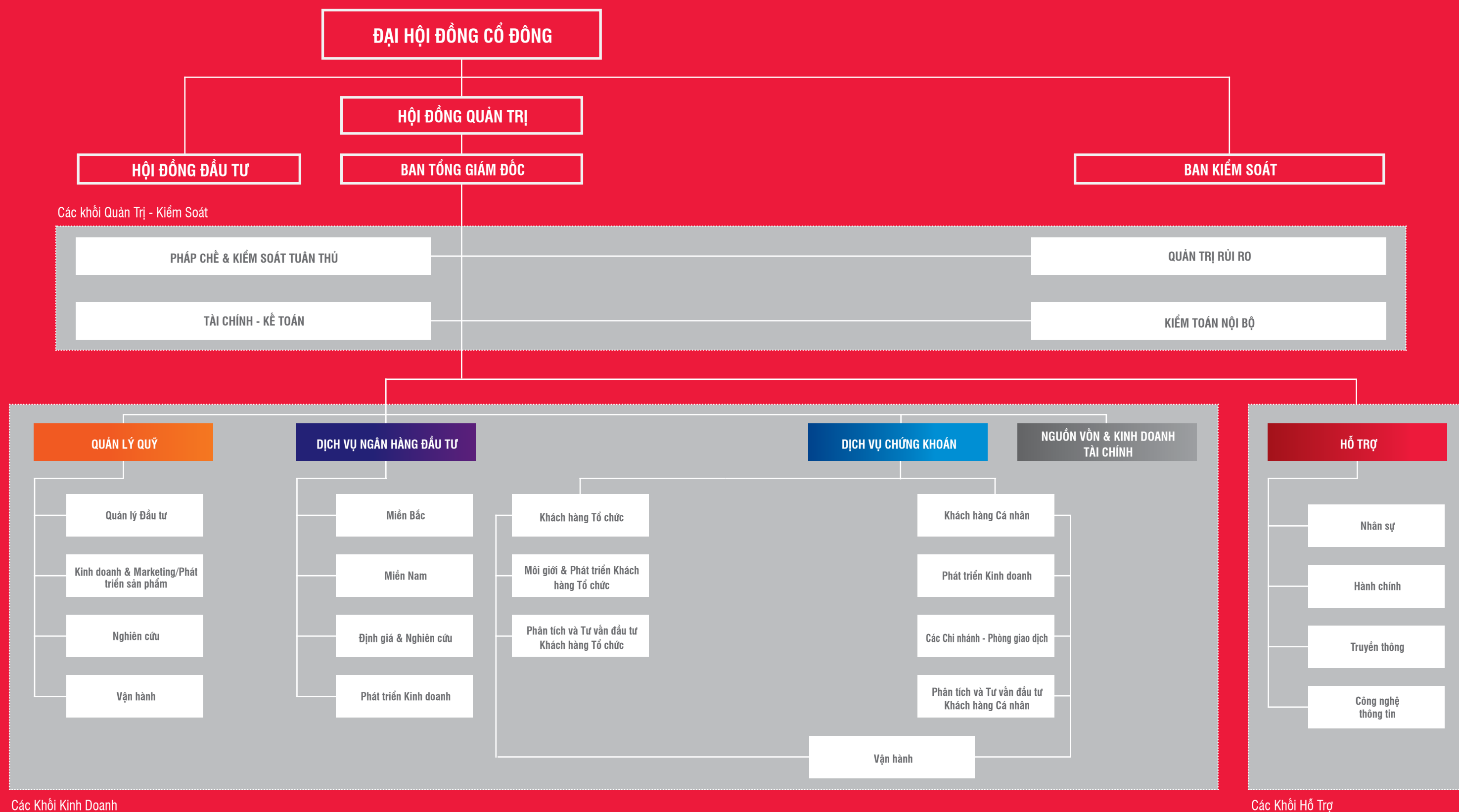




BỘ MÁY TỔ CHỨC

Cơ cấu tổ chức	14
Hội đồng Quản trị	16
Hoạt động của Hội đồng Quản trị	18
Hoạt động của Ban Kiểm soát	20
Nhân sự chủ chốt	22

CƠ CẤU TỔ CHỨC



Các Khối Kinh Doanh

Các Khối Hỗ Trợ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Duy Hưng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc SSI.
Ông cũng là người sáng lập SSI.



Ông Ngô Văn Điềm

Ủy Viên HĐQT
Ông Điềm có bề dày kinh nghiệm hơn 30 năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư trong nước và nước ngoài, cải cách doanh nghiệp nhà nước, phát triển khu công nghiệp và hội nhập kinh tế ở các chức vụ trung, cao cấp trong các cơ quan của Chính phủ. Ông đã từng đảm nhiệm các vị trí như Chánh Văn phòng Ủy Ban Nhà nước về Hợp tác đầu tư, Vụ trưởng Hội đồng Thẩm định Nhà nước, Vụ trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp Việt Nam và Phó trưởng ban Ban nghiên cứu của Thủ tướng đặt tại Văn phòng Chính phủ. Ông Điềm tốt nghiệp Đại học tổng hợp Leipzig và là tiến sĩ kinh tế Đại học Martin Luther University Halle tại Đức.



Ông Nguyễn Hồng Nam

Ủy Viên HĐQT
Ông Nam là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Ông Nam có bằng Thạc sĩ Khoa học tại Trường Đại học Bách khoa Lugansk - Ukraina.



Bà Đàm Bích Thủy

Ủy Viên HĐQT
Bà Thủy hiện nay là Tổng Giám đốc Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam. Bà có nhiều năm kinh nghiệm làm Giám đốc Ban tài nguyên Thiên nhiên, cho vay tài trợ theo Dự án khu vực Châu Á tại Ngân hàng Đầu tư ANZ Singapore, thành viên Tập đoàn Tài chính ANZ. Bà Thủy có bằng Thạc Sĩ Quản trị Kinh doanh tại The Wharton School of Business.



Ông Bùi Quang Nghiêm

Ủy Viên HĐQT
Ông Nghiêm hiện nay là Giám đốc Công ty Luật Hợp danh Nghiêm & Chính, Phó Chủ nhiệm Đoàn Luật sư TP. HCM. Ông Nghiêm tốt nghiệp trường Đại học Tổng hợp Halle - Cộng hòa Dân chủ Đức.



Ông Yoshio Urata

Ủy Viên HĐQT
Ông Yoshio Urata hiện đang là Chủ tịch Công ty Daiwa Capital Markets Hong Kong Limited. Là thành viên kỳ cựu của ngành ngân hàng Nhật Bản, ông Yoshio Urata đã gắn bó với Tập đoàn Daiwa nhiều năm nay và lần lượt đảm nhận nhiều vị trí quan trọng trong tập đoàn này.



Ông Alistair Marshall Bulloch

Ủy Viên HĐQT
Ông Alistair hiện là Giám đốc điều hành và Cố vấn cao cấp khu vực châu Á - Thái Bình Dương, châu Âu và Mỹ của Ngân hàng ANZ. Ông đã có hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành ngân hàng.

Họ và tên	Chức danh	Mức độ độc lập (*)	Nhiệm kỳ
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Thành viên HĐQT kiêm chức danh điều hành, người có liên quan của Cổ đông lớn Công ty TNHH Nguyễn Duy Hưng	Được bầu ngày 01 tháng 11 năm 1999 Bầu lại ngày 27 tháng 09 năm 2003 Bầu lại ngày 28 tháng 04 năm 2010
Ông Ngô Văn Điềm	Ủy viên	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành	Được bầu ngày 21 tháng 04 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Thành viên HĐQT kiêm chức danh điều hành	Được bầu ngày 01 tháng 11 năm 1999 Bầu lại ngày 24 tháng 04 năm 2009
Bà Đàm Bích Thủy	Ủy viên	Thành viên HĐQT không điều hành, người có liên quan của Cổ đông lớn	Được bầu ngày 24 tháng 04 năm 2009
Ông Bùi Quang Nghiêm	Ủy viên	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành	Được bầu ngày 24 tháng 04 năm 2009
Ông Yoshio Urata	Ủy viên	Thành viên HĐQT không điều hành, người có liên quan của Cổ đông lớn	Được bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2011 (HĐQT bổ nhiệm tạm thời theo đề nghị của Cổ đông Daiwa Securities Group Inc.)
Ông Alistair Marshall Bulloch	Ủy viên	Thành viên HĐQT không điều hành, người có liên quan của Cổ đông lớn	Được bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2010 và chấp thuận bởi ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2011

(*) Ghi chú: Thành viên HĐQT độc lập được xác định căn cứ điểm D khoản 1 Điều 2 Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

HOẠT ĐỘNG CỦA **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Tiếp tục nguyên tắc hoạt động đã được nêu từ các năm trước, Hội đồng Quản trị SSI (HĐQT) luôn:

- Cùng với Ban Điều hành hành động vì quyền lợi tối cao của các Cổ đông;
- Chịu trách nhiệm cao nhất trước các Cổ đông trong việc lãnh đạo, kiểm tra giám sát và điều hành hoạt động của Công ty;
- Tôn trọng lợi ích của những người có liên quan đến Công ty thông qua việc tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và các quy tắc đạo đức kinh doanh.

HĐQT có bảy thành viên và có cơ cấu phù hợp cho việc thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Năm trong số bảy thành viên HĐQT là thành viên không điều hành và hai thành viên độc lập (không điều hành và không phải là Cổ đông lớn hoặc người có liên quan của Cổ đông lớn). Tất cả thành viên HĐQT là những người có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị Công ty, quản trị tài chính, nghiên cứu chính sách, tư vấn pháp luật. Các thành viên đã đóng góp có kết quả cho việc hoạch định chính sách, phương hướng hoạt động của Công ty trong giai đoạn thị trường có nhiều khó khăn và cạnh tranh gay gắt. Một trong những thành công của HĐQT trong năm 2011 là đã xác định chiến lược hoạt động an toàn và kiên trì định hướng này trong suốt năm, không chạy theo việc cạnh tranh thị phần bằng mọi giá và bất chấp rủi ro. Kết quả hoạt động năm 2011 cho thấy tính đúng đắn của chính sách này, bảo đảm an toàn cho hoạt động của Công ty và tài sản của Nhà Đầu tư trong tình hình thị trường có nhiều biến động.

Một kênh thông tin quan trọng giữa các thành viên HĐQT là Báo cáo hoạt động hàng tháng được gửi cho các thành viên HĐQT trước ngày 10 của mỗi tháng để các thành viên HĐQT cập nhật nội dung về kết quả kinh doanh của tháng, tiến độ triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết của HĐQT, kế hoạch hoạt động của HĐQT tháng tiếp theo. Qua đó, thành viên HĐQT nắm được hoạt động của Công ty, đánh giá khách quan, trung thực về hoạt động của Công ty, đưa ra ý kiến chỉ đạo kịp thời, góp phần nâng cao năng lực hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển của Công ty. Quy chế quản trị nội bộ của Công ty cũng cho phép các thành viên HĐQT có thể trực tiếp làm việc với bất kỳ thành viên nào của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được phân công và chuẩn bị ý kiến cho cuộc họp. Khi làm việc, thành viên HĐQT có thể chất vấn, trao đổi, yêu cầu cung cấp thông tin, số liệu trên cơ sở tôn trọng quyền điều hành của Tổng Giám đốc.

Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị trong năm 2011

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2011/NQ-HĐQT	28/02/2011	Thông qua giá chuyển đổi trái phiếu SSICB2010 thành cổ phiếu là 35.639 đồng/cổ phiếu
2	02/2011/NQ-HĐQT	15/07/2011	Chấp thuận triển khai dịch vụ giao dịch ký quỹ và quản lý tài sản cá nhân theo quy định của pháp luật về chứng khoán
3	03/2011/NQ-HĐQT	20/10/2011	Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt
4	04/2011/NQ-HĐQT	28/11/2011	<ul style="list-style-type: none"> • Chấp thuận đơn từ nhiệm của Ông Yuichi Akai • Bổ nhiệm Ông Yoshio Urata làm thành viên HĐQT từ 28/11/2011 • Châm dứt hoạt động của Chi nhánh Hàm Long chậm nhất vào 31/12/2011



HĐQT đã họp định kỳ vào cuối mỗi quý để thảo luận tình hình thị trường, định hướng hoạt động cho Ban Tổng Giám đốc, ban hành 04 Nghị quyết về: Giá chuyển đổi trái phiếu SSICB2010; Chấp thuận triển khai giao dịch ký quỹ; Thông qua phát hành cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt; Thay đổi thành viên HĐQT và Châm dứt hoạt động của Chi nhánh Hàm Long.

Trong năm 2011, HĐQT giám sát hoạt động đối với Ban Tổng Giám đốc: Thực hiện đáo hạn trái phiếu chuyển đổi SSICB2010; Mua 3 triệu cổ phiếu quỹ; Tăng cường kiểm soát rủi ro và tuân thủ; Đưa nội dung số liệu sơ bộ về kết quả kinh doanh và trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán vào báo cáo hàng tháng của Hội đồng Quản trị để các thành viên HĐQT được cập nhật tình hình và có ý kiến khi cần thiết; Thực hành tiết kiệm; chống lãng phí; Lập kế hoạch kinh doanh 2012 trình HĐQT cho ý kiến để trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2012 xin ý kiến; Sắp xếp tổ chức và tinh giản biên chế của các bộ phận cho phù hợp với tình hình hiện tại và định hướng phát triển trong thời gian tới, bảo đảm quyền lợi cho người lao động đúng quy định của pháp luật; Triển khai nghiệp vụ ký quỹ.

HĐQT chưa lập các tiểu ban như tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban kiểm toán nội bộ, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng,... do chưa phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2011, hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) cũng là thành tố quan trọng góp phần vào sự thành công của Công ty.

Với kinh nghiệm quản lý, trình độ cao về nghiệp vụ kế toán, tài chính, các thành viên BKS đã phát huy vai trò là người đại diện của Cổ đông thực hiện giám sát HĐQT và Ban Điều hành để đảm bảo sự tuân thủ pháp luật, tuân thủ Điều Lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ Đông. HĐQT và Ban Điều hành cũng có những hỗ trợ thiết thực tạo điều kiện cho các thành viên BKS thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình qua việc cụ thể hoá các quy định hoạt động của BKS trong Quy chế Quản trị Công ty và các văn bản nội bộ khác.

Bên cạnh việc thực hiện kiểm tra khi có phát sinh thông tin hay yêu cầu từ Cổ đông, BKS thường xuyên tham dự định kỳ các cuộc họp cấp quản lý Công ty, các cuộc họp của Hội đồng Quản trị hoặc giám sát thông qua tài liệu họp.

Song song với hoạt động của BKS là hoạt động của Bộ phận Kiểm soát nội bộ. Hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng theo quy định của Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Bộ phận Kiểm soát nội bộ với đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm, đủ chứng chỉ hành nghề thực hiện việc kiểm soát việc tuân thủ quy trình, quy chế của Công ty. Để tăng cường khả năng giám sát, BKS định kỳ làm việc cùng bộ phận Kiểm soát nội bộ, đồng thời các báo cáo kết quả kiểm soát của Kiểm soát nội bộ cũng là nguồn thông tin quan trọng giúp cho BKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

Thành viên Ban Kiểm Soát

Họ và tên	Chức danh	Mức độ độc lập	Nhiệm kỳ
Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	Không phải là người lao động của Công ty	Được bầu ngày 01/11/1999 Bầu lại ngày 08/04/2006 Bầu lại ngày 28/04/2011
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	Không phải là người lao động của Công ty	Được bầu ngày 26/03/2005 Bầu lại ngày 28/04/2010
Bà Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	Không phải là người lao động của Công ty	Được bầu ngày 21/04/2007

THAY ĐỔI NHÂN SỰ

Thay đổi nhân sự trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

- Trong năm 2011 có sự thay đổi thành viên HĐQT, miễn nhiệm ông Yuichi Akai ngày 28/11/2011, đồng thời bầu bổ sung tạm thời ông Yoshio Urata.
- Không có sự thay đổi nhân sự trong Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc hoặc Kế toán trưởng.
- Công ty đã công bố thông tin về việc thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị tại công văn số 1246/2011/CV-SSIHO ngày 28/11/2011.



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Ban Tổng Giám Đốc

Ông Nguyễn Duy Hưng
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Hồng Nam
Phó Tổng Giám đốc

Các Khối Quản Trị - Kiểm Soát



Ông Nguyễn Kim Long
Giám đốc Luật & Kiểm soát Nội bộ



Ông Trần Dương Anh Việt
Giám đốc Kiểm toán Nội bộ



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính



Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kê toán trưởng

Các Khối Kinh Doanh

QUẢN LÝ QUỸ



Bà Lê Thị Lệ Hằng
Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Khắc Hải
Phó Tổng Giám đốc



Ông Phạm Trường Sơn
Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Phan Dũng
Giám đốc Đầu tư

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



Bà Nguyễn Thanh Hương
Giám đốc Khối



Bà Nguyễn Ngọc Anh
Giám đốc phụ trách phía Bắc



Ông Peter Sorensen
Giám đốc Phát triển Kinh doanh



Ông Phạm Quang Thắng
Quyền Giám đốc phụ trách phía Bắc



Ông Phạm Đình Huy
Giám đốc

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN



Ông Bùi Thế Tân
Giám đốc Khối



Ông Mai Hoàng Khánh Minh
Phó Giám đốc Khối
Phụ trách Môi giới KHTC



Ông Phạm Ngọc Bích
Giám đốc Khối
Phụ trách Phát triển KHTC



Bà Hoàng Việt Phương
Giám đốc PT & TVĐT
Khách hàng Tổ chức



Bà Hoàng Thị Xuân
Phó Giám đốc Khối
Phụ Trách Nghiệp vụ
Giám đốc GDĐT



Bà Đỗ Thị Thanh Thúy
Phó Giám đốc Khối
Phụ trách Phát triển Kinh doanh



Ông Nguyễn Đức Hùng Linh
Giám đốc PT & TVĐT
Khách hàng Cá nhân

NGUỒN VỐN & KD TÀI CHÍNH



Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương
Giám đốc Khối



Bà Trần Thị Thúy
Giám đốc Chi nhánh Hà Nội



Ông Vũ Văn Hoan
Phó Giám đốc Chi nhánh Mỹ Đình



Bà Đào Nhật Mai
Giám đốc Chi nhánh Nguyễn Công Trứ



Ông Nguyễn Chí Trung
Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng



Ông Huỳnh Thành Nam
Giám đốc Chi nhánh Vũng Tàu



Ông Lâm Thiên Phi
Trưởng phòng Giao dịch Hồng Bàng



Ông Phan Ngọc Sơn
Giám đốc Chi nhánh Nha Trang



Ông Thân Đức Cường
Phó Trưởng Phòng Giao dịch Trần Bình Trọng

Các Khối Hỗ Trợ



Bà Thân Hiền Anh
Giám đốc Điều hành
Giám đốc Khối Truyền thông



Bà Đặng Hồng Ngọc
Quyền Giám đốc Nhân sự



Bà Ngô Thị Thanh Tâm
Phó Giám đốc Khối Truyền thông



Ông Bùi Việt Dũng
Giám đốc CNTT



Bà Trần Thị Hương Quyên
Giám đốc Hành chính

ĐỘI NGŨ NÒNG CỐT TẠI CÁC CHI NHÁNH & PHÒNG GIAO DỊCH



KINH TẾ 2011 VÀ TRIỂN VỌNG 2012

Tổng quan Kinh tế 2011 26

Triển vọng Kinh tế 2012 32



TỔNG QUAN KINH TẾ 2011

TỔNG QUAN KINH TẾ 2011

KINH TẾ VĨ MÔ

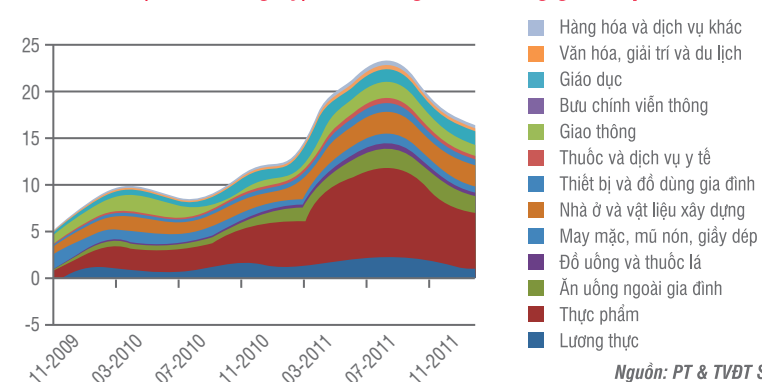
LẠM PHÁT VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ TIẾP TỤC ĐÓNG VAI TRÒ CHỦ ĐẠO

Năm 2011 là một năm đầy khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam, trong đó lạm phát là vấn đề nổi cộm nhất. Để đối phó với lạm phát leo thang liên tục, Chính phủ tiếp tục sử dụng chính sách tiền tệ thắt chặt để điều hành nền kinh tế. Đó là nguyên nhân chính và quan trọng nhất dẫn tới những biến động mạnh về các biến số vĩ mô trong năm 2011.

Lạm phát gia tăng khiến lãi suất liên tục duy trì ở mức cao

Năm 2011, chỉ số giá tiêu dùng CPI tăng 18,13% so với cuối năm 2010 (trung bình cả năm tăng 18,58%), gấp hai lần dự kiến ban đầu của Chính phủ. Các nhóm hàng có mức tăng mạnh nhất bao gồm Lương thực thực phẩm (24,8%), Giáo dục (20,41%), Giao thông vận tải (19,04%) và Nhà ở và vật liệu xây dựng (17,29%). Theo ước tính, nếu không tính nhóm hàng lương thực và thực phẩm, CPI chỉ tăng khoảng 7,8% trong năm 2011. Lạm phát 2011 có nhiều diễn biến bất thường so với các năm trước, trong đó giá cả hàng hóa đã tăng mạnh sau dịp Tết Nguyên Đán và có xu hướng ổn định hơn vào cuối năm. Điều này có thể lý giải bằng sự thay đổi đột ngột về giá điện và giá xăng vào đầu năm, trong khi VNĐ mất giá 9% vào tháng 02 khiến lạm phát không diễn ra như xu hướng thường thấy.

Chỉ số CPI (so với cùng kỳ), theo từng nhóm hàng giai đoạn 2009-2011

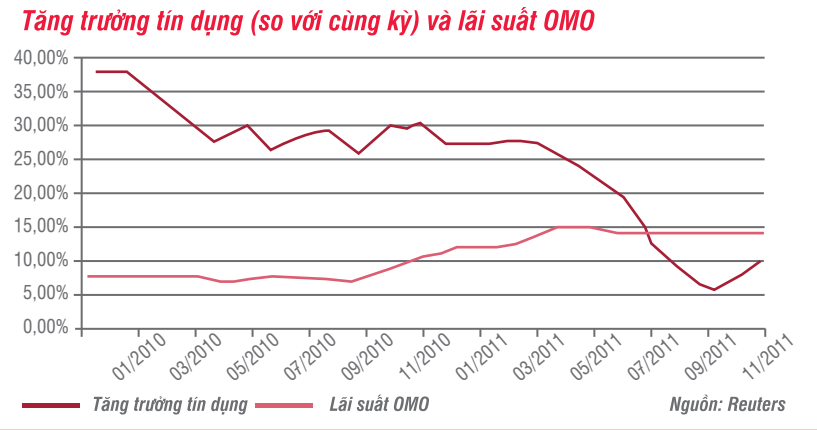


Chính sách tiền tệ đóng vai trò quá lớn

Đối mặt với áp lực lạm phát cao, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) áp dụng chính sách tiền tệ thắt chặt với hàng loạt các biện pháp bao gồm: 6 lần sử dụng lãi suất trên thị trường mở (OMO) với vai trò lãi suất định hướng, kết hợp sử dụng công cụ lãi suất tái cấp vốn (áp dụng chủ yếu sau thời điểm lãi suất OMO đã được điều chỉnh); thắt chặt tín dụng phi sản xuất; thực hiện một loạt các biện pháp quản lý mang tính hành chính, bao gồm áp trần lãi suất huy động ở mức 14%, quản lý nghiêm ngặt thị trường vàng miếng và thị trường ngoại hối, giảm mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2011.

Trong năm 2011, đặc biệt vào giai đoạn đầu năm, một số ngân hàng thương mại liên tục lách quy định về trần lãi suất huy động và đẩy lãi suất tiền gửi lên tới 20%. Lãi suất liên ngân hàng có thời điểm lên tới mức đỉnh 30-40% đối với các ngân hàng nhỏ, do các ngân hàng này đã phải sử dụng tiền gửi ngắn hạn để tài trợ cho các khoản cho vay trung và dài hạn. Những khó khăn về thanh khoản buộc NHNN thực hiện kế hoạch tái cấu trúc hệ thống ngân hàng.

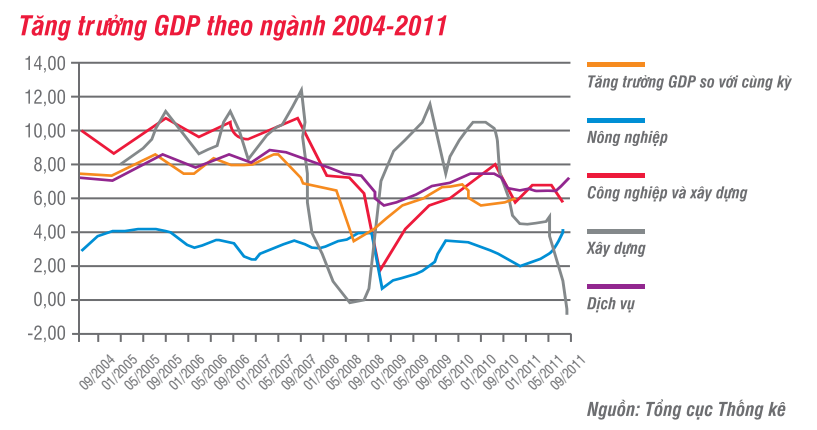




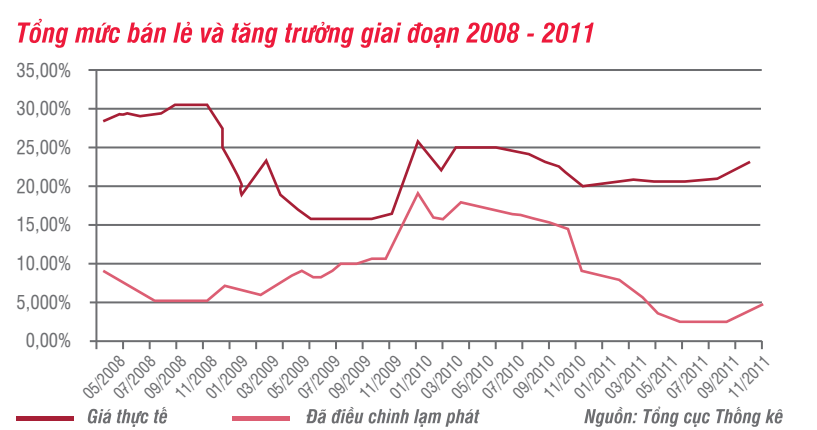
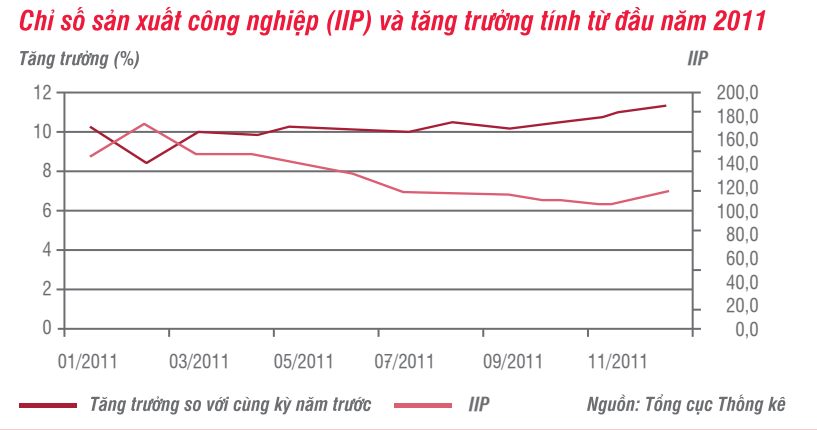
Tăng trưởng GDP chậm lại, sức mua yếu và hàng tồn kho gia tăng

Mục tiêu tăng trưởng GDP do Chính phủ đưa ra ban đầu là 6-6,5% đã được hạ xuống 6% và kết quả thực hiện đạt 5,89%. Tuy vậy, trong năm 2011, thị trường chứng khoán Việt Nam thực tế không quá nhạy cảm với mục tiêu GDP này mà quan trọng hơn, Chính phủ cần đảm bảo ổn định vĩ mô để giữ được lòng tin của các Nhà Đầu tư trong và ngoài nước.

Các ngành công nghiệp và xây dựng là những ngành có tăng trưởng thấp nhất, đặc biệt ngành xây dựng tăng trưởng âm trong năm 2011, do chịu ảnh hưởng nặng nề trong quý IV, vốn là mùa cao điểm nhất trong năm. Sự suy giảm này chính là kết quả của chính sách tiền tệ thắt chặt, đẩy lãi suất cho vay tăng cao làm thị trường bất động sản đình trệ và đầu tư tư nhân bị thu hẹp. Mặt khác, tăng trưởng của ngành nông nghiệp có sự cải thiện do thời tiết thuận lợi và năng suất tăng cao (đổi với sản xuất gạo và nuôi trồng thủy sản).



Chỉ số sản xuất công nghiệp (theo phương pháp tính chỉ số mới được đưa ra vào tháng 06/2011) chỉ đạt trung bình 6,8% sau khi đạt mức 7,1% và 9,3% trong năm 2009 và 2010. Đối với một số ngành bao gồm dầu khí, xi măng, thép và dược, sự sụt giảm xuất phát từ cầu suy yếu (có thể thấy từ tổng mức bán lẻ trong biểu đồ dưới đây) khiến cho hàng tồn kho tăng cao.

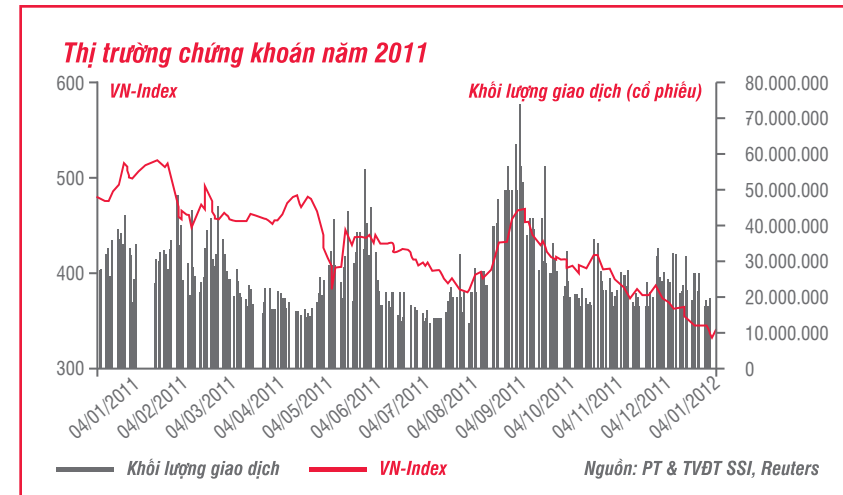




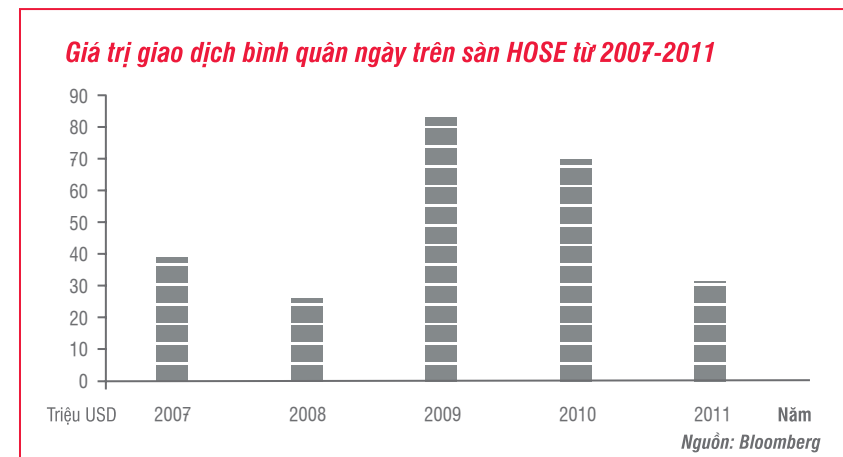
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2011

Cổ phiếu trở lại mức giá của năm 2006

Năm 2011, chỉ số VN-Index đã giảm 27,7% từ 485,97 điểm xuống 351,55 điểm, quay trở lại mức của năm 2006 tại thời điểm trước khi VN-Index tăng mạnh lên mức đỉnh 1.158 điểm vào ngày 13/03/2007.



Thanh khoản của thị trường chứng khoán (TTCK) cũng giảm mạnh với giá trị giao dịch bình quân trên sàn HOSE ở mức 30,8 triệu USD mỗi ngày, trong đó, 20 cổ phiếu vốn hóa lớn (trong tổng số 302 cổ phiếu niêm yết trên sàn HOSE) chiếm khoảng 50% giá trị giao dịch toàn thị trường.



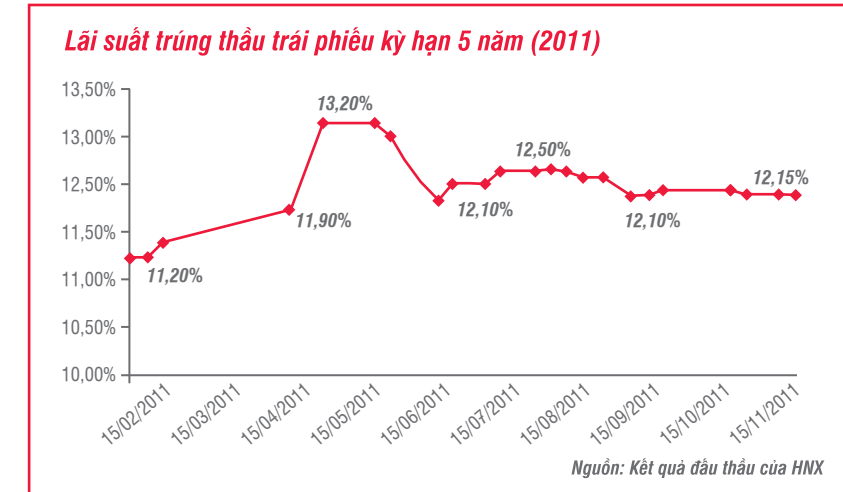
Niềm tin của Nhà Đầu tư vào TTCK suy giảm khiến giá cổ phiếu đã xuống nhanh hơn mức giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết. Trên thực tế, lợi nhuận của các công ty niêm yết bắt đầu giảm trong nửa sau năm 2011 và mức sụt giảm có thể kéo dài đến nửa đầu năm 2012. Đó là lý do khiến cho PE và PB của nhiều cổ phiếu xuống đến mức thấp nhất trong lịch sử. Theo phân tích của SSI, vào ngày 17/01/2012, ước tính PE 2012 chung của thị trường ở mức 7,22x, so với các mức 7,94x, 10,71x và 12,55x tương ứng của các năm 2011, 2010 và 2009.

TỔNG QUAN KINH TẾ 2011

Thị trường trái phiếu

Trong năm 2011, hoạt động phát hành trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp biến động trái chiều.

Hoạt động phát hành trái phiếu chính phủ có cải thiện: Năm 2011, tổng khối lượng trái phiếu chính phủ (TPCP) và TPCP bảo lãnh (VDB và VBSP) trúng thầu là 81.715 tỷ, chiếm 42,77% khối lượng TPCP gọi thầu. Đây là con số cải thiện hơn nhiều so với tỷ lệ 32,2% năm 2010. Lãi suất trúng thầu ở mức thấp và có xu hướng giảm dần. Ví dụ trần lãi suất kỳ hạn 5 năm cao nhất ở mức 13,2% quý II/2011 đã hạ xuống 12,15% trong quý IV.



Năm 2011 có trên 150 đợt phát hành TPCP và TPCP bảo lãnh với tổng giá trị gọi thầu là 191.050 tỷ. Tổng giá trị TPCP và TPCP bảo lãnh đáo hạn trong năm là 46.021 tỷ đồng.

Khối lượng TPCP trúng thầu cao hơn năm 2010 nhưng hoạt động giao dịch thứ cấp lại giảm. Nếu như năm 2010, tổng giá trị giao dịch đạt trên 90.000 tỷ với giá trị giao dịch trung bình một phiên là 490 tỷ đồng thì năm 2011, các con số tương ứng là 87.000 tỷ và 240 tỷ.

Trái phiếu doanh nghiệp giảm mạnh cả về số lượng và khối lượng phát hành: ước tính tổng khối lượng vốn huy động năm 2011 chỉ khoảng 7.000 tỷ đồng, bằng 12,5% so với năm 2010 (nguồn Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam - VBMA). Sự sụt giảm trên thị trường trái phiếu năm 2011 có nhiều nguyên nhân, bao gồm khủng hoảng nợ, suy thoái kinh tế trên thế giới tác động mạnh đến nhu cầu đầu tư trái phiếu; áp lực từ khối lượng lớn TPCP đến hạn cùng với bội chi ngân sách và lạm phát ở mức cao; chính sách tiền tệ thắt chặt trong nước; tình hình bạch của thị trường giảm đáng kể do tình trạng lách trần tăng trưởng tín dụng bằng hình thức mua trái phiếu doanh nghiệp.





TRIỂN VỌNG KINH TẾ 2012

TRIỂN VỌNG KINH TẾ 2012

KINH TẾ VĨ MÔ

2012 TIẾP TỤC LÀ NĂM THÁCH THỨC CỦA NỀN KINH TẾ

Kinh tế Việt Nam 2011 có rất nhiều điểm tương đồng với những gì đã diễn ra năm 2008: Tăng trưởng GDP giảm; khu vực xây dựng không có tăng trưởng; lạm phát cao tới gần 20% buộc NHNN phải nâng lãi suất, dẫn đến sự leo thang của lãi suất huy động; người gửi tiền có thể thương lượng lãi suất với các ngân hàng; giá xăng và giá thực phẩm lại là các mặt hàng tăng giá nhiều nhất trong rổ CPI; Cầu khá yếu với tăng trưởng tổng mức bán lẻ chỉ dừng lại ở một con số sau khi đã loại trừ yếu tố lạm phát; VND mất giá khoảng 10%; Giá vàng liên tục biến động.

Nếu năm 2008 có nhiều điểm tương đồng với năm 2011, liệu năm 2012 có lặp lại kịch bản của năm 2009? Theo SSI nhận định, kinh tế 2012 thậm chí còn gặp nhiều thách thức hơn năm 2009 bởi rất khó có thể lại áp dụng chính sách kích thích kinh tế toàn diện đã được thực hiện trong hoàn cảnh khủng hoảng diễn ra trên phạm vi toàn cầu.

Đầu tư công: sẽ được thắt chặt hơn trong năm 2012: SSI cho rằng đầu tư công năm 2012 sẽ không thể tăng mạnh và tiêu chí đầu tư sẽ chọn lọc hơn. Vai trò của đầu tư tư nhân có thể dẫn được cải thiện thông qua Mô hình hợp tác công - tư (PPP) hoặc thông qua thị trường chứng khoán. Đây là một điểm rất tích cực bởi khu vực tư nhân cần nâng cao vai trò đầu tư hiệu quả của mình để giảm hệ số ICOR của nền kinh tế. Mặc dù vậy, hiệu quả đầu tư nói chung khó có thể cải thiện ngay trong ngắn hạn.

Lạm phát: đang có xu hướng giảm, và các yếu tố có thể tác động lên lạm phát năm 2012 bao gồm áp lực từ giá cả hàng hóa giảm đi so với 2011; lương cơ bản tăng khoảng 26% từ tháng 05/2012; giá điện tăng; mục tiêu tăng trưởng tín dụng trong năm 2012 tăng hơn 15% so với năm 2011; khả năng đưa ra gói kích thích toàn diện là rất khó và đầu tư công khả năng sẽ chặt chẽ hơn. Áp lực lên giá tiêu dùng vẫn còn nhưng đã bớt nghiêm trọng so với năm 2011 do tăng giá phần lớn đã diễn ra trong năm 2011. SSI kỳ vọng áp lực lên lạm phát năm 2012 của Việt Nam sẽ thấp hơn năm 2011 nhưng vẫn sẽ cao hơn khá nhiều mức của năm 2009, khi CPI chỉ tăng 6,52%.

Mục tiêu tăng trưởng tín dụng: năm 2012 ở mức 15%, trong khi tăng trưởng tín dụng năm 2011 ở mức thấp nhất là 10,9%. Trên thực tế, mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2012 khiêm tốn hơn nhiều so với năm 2009 (37,73%) do trong năm 2009 có gói hỗ trợ lãi suất 4%. Trong năm 2012, khi nhiều ngân hàng nhỏ vẫn đang đối mặt với tỷ lệ nợ xấu cao và rủi ro về thanh khoản thì rất khó có thể lặp lại mức tăng trưởng tín dụng cao như năm 2009. Nhiều khả năng, việc hỗ trợ thanh khoản sẽ được thực hiện một cách chọn lọc và tập trung vào một số nhóm cụ thể.

Tái cấu trúc tập trung vào hai khu vực là hệ thống ngân hàng và các doanh nghiệp nhà nước: Theo quan điểm của Phân tích và Tư vấn Đầu tư SSI (PT & TVĐT SSI), đây là điểm khác biệt cơ bản so với năm 2009. Quá trình tái cấu trúc sẽ khó khăn hơn và có thể mất nhiều thời gian. Một mặt, thị trường bất động sản đang gặp nhiều vấn đề lớn. Lần đầu tiên trong lịch sử, giá nhà ở Hà Nội giảm và thậm chí đã giảm vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại. Mặt khác, quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân





hàng mới được bắt đầu vào tháng 12/2011 và có thể sẽ phải kéo dài tới 3 năm. Trong quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, bước khó nhất vẫn sẽ là phân loại và đánh giá khối tài sản ngân hàng có chất lượng thấp.

Tái cấu trúc các doanh nghiệp nhà nước sẽ được thực hiện: Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng mức đầu tư ngoài ngành của 11 tập đoàn kinh tế lớn lên tới 19.500 tỷ đồng (gần 1 tỷ USD). Trong đó, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam có mức đầu tư cao nhất (6.708 tỷ đồng), tiếp theo là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (3.848 tỷ đồng) rồi đến Tập đoàn Điện lực Việt Nam (2.107 tỷ đồng). Tất cả các khoản đầu tư này cần phải được thoái vốn trước năm 2015.

Ngoài ra, vẫn còn một số vấn đề khác cần lưu ý trong năm 2012:

Thâm hụt thương mại: Xuất khẩu có thể sẽ gặp nhiều khó khăn trong năm 2012. Các ngành chịu ảnh hưởng có thể bao gồm: dệt may, da giày và gạo. Đối với hai ngành đầu tiên, lương và giá đầu vào tăng (do Việt Nam vẫn còn phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu) trong khi nhu cầu từ nước ngoài có thể sẽ yếu đi (Mỹ, châu Âu và Nhật). Do suy thoái kinh tế toàn cầu là không thể tránh khỏi, SSI đưa ra ước tính về tăng trưởng xuất nhập khẩu 2012 thấp hơn so với năm 2011.

Từ tháng 07 năm 2011, thâm hụt thương mại bắt đầu giảm do một trong những nguyên nhân là Việt Nam xuất khẩu vàng. Các yếu tố chính tác động đến nhập khẩu trong năm 2012 bao gồm: (1) Xuất khẩu vàng có thể giảm, nhập khẩu vàng có thể tăng; (2) Áp lực lên nhập khẩu giảm do cầu trong nước suy yếu, nhu cầu xuất khẩu cũng khó tăng mạnh; Do rất nhiều ngành của Việt Nam vẫn phải phụ thuộc vào nguyên vật liệu nhập khẩu (50-60% giá trị nhập khẩu là máy móc, nguyên vật liệu và các đầu vào khác phục vụ sản xuất/ xuất khẩu). Trên thực tế thì thâm hụt thương mại giảm chưa chắc đã là dấu hiệu tốt.

Nhìn chung, đối với năm 2012, PT & TVĐT SSI dự kiến thâm hụt thương mại sẽ tăng về giá trị tuyệt đối, do xuất nhập khẩu vẫn có tăng trưởng và nhập khẩu có thể sẽ tăng nhanh hơn xuất khẩu.

Tỷ giá hối đoái: NHNN đã chuyển sang cơ chế điều hành tỷ giá linh hoạt. Do đó, khả năng mất giá với biên độ lớn sẽ không còn tiếp diễn như năm 2011 mà sẽ được thực hiện dần dần từng bước với áp lực thấp hơn năm 2011. NHNN cũng đã tuyên bố mục tiêu giữ mức giảm giá tiền VNĐ ở mức 3% trong năm 2012.

Cán cân thanh toán năm 2011 đã được cải thiện nhiều nhờ thâm hụt thương mại giảm, lượng kiều hối từ nước ngoài gửi về tăng (ước tính khoảng 9 tỷ USD, dù năm 2011 Việt Nam bị mất một số thị trường xuất khẩu lao động lớn) và tiền độ giải ngân vốn FDI vẫn giữ ổn định. Hoạt động trên thị trường vàng sẽ được giám sát chặt chẽ hơn trong năm 2012. Mặc dù điều này có thể làm gia tăng áp lực lên nhập khẩu vàng qua kênh chính thức, song NHNN sẽ kiểm soát chặt hơn hoạt động mua bán vàng và USD nhằm tác động tích cực lên tỷ giá.

Quan trọng hơn, biến động về lạm phát cũng cần theo dõi bởi cho đến nay đó vẫn là yếu tố tác động mạnh nhất tới VNĐ.

TRIỂN VỌNG KINH TẾ 2012

Lãi suất: Năm 2011, các doanh nghiệp Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề chủ yếu do lãi suất cho vay tăng và cầu tiêu dùng sụt giảm ở hầu hết các ngành kinh tế. Năm 2012 rất khó xảy ra khả năng Chính phủ sử dụng một gói kích thích kinh tế tổng thể mà sẽ tập trung vào một số ngành được ưu tiên như nông nghiệp, các ngành liên quan tới xuất khẩu hay thậm chí một số lĩnh vực nhỏ thuộc bất động sản.

Kể từ cuối năm 2011, áp lực lạm phát đang dần dịu bớt nhờ chính sách tiền tệ thắt chặt cũng như giá hàng hóa thế giới hạ nhiệt, tuy nhiên áp lực này vẫn chưa hoàn toàn chấm dứt nên khó có thể hy vọng lãi suất giảm mạnh và nhanh do các vấn đề của hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, trong bối cảnh các nền kinh tế lớn trên thế giới đang bắt đầu chuyển sang xu hướng nới lỏng tiền tệ, NHNN cũng đã cắt giảm các lãi suất chủ chốt 1% trong tháng 03/2012 và hy vọng sẽ giảm tiếp 1% mỗi quý nếu xu hướng lạm phát cho phép. Việc giảm lãi suất này cũng cần phải có thời gian để nguồn vốn đến được với doanh nghiệp với mức lãi suất chấp nhận được trong hoàn cảnh nhu cầu còn yếu như hiện nay.

SSI đưa ra quan điểm thận trọng về triển vọng kinh tế năm 2012 do quá trình tái cấu trúc đòi hỏi nhiều thời gian, không thể giải quyết trong chốc lát, cũng như một cơn suy thoái trên phạm vi toàn cầu có khả năng sẽ diễn ra. Trong trung hạn, lãi suất có thể hạ dần dần phục vụ tăng trưởng kinh tế một khi áp lực lạm phát được hạ nhiệt nhằm đảm bảo cho ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô.





TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2012

Thị trường cổ phiếu: Thận trọng trong quyết định đầu tư

PT & TVĐT SSI cho rằng chính sách nới lỏng tiền tệ một cách mạnh tay hay một gói kích thích diện rộng như những năm 2008-2009 khó có thể xảy ra. Ngược lại, như đã đề cập trong phần phân tích vĩ mô, nhiều khả năng Chính phủ sẽ thận trọng hơn trong việc áp dụng chính sách tiền tệ và đầu tư. Trường hợp Chính phủ áp dụng chính sách nới lỏng trong nửa đầu năm 2012 thì sự nới lỏng này sẽ rất giới hạn và chỉ mang tính chọn lọc. Do đó, năm 2012 sẽ không giống năm 2009 và được kỳ vọng sẽ là một năm đặc biệt với những điểm nhấn sau:

Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng: Quá trình tái cấu trúc này liên quan trực tiếp tới câu hỏi lớn của Nhà Đầu tư rằng bao giờ lãi suất sẽ giảm và giảm như thế nào. Trên thực tế, PT & TVĐT SSI coi việc tái cấu trúc lần này như nền móng cho việc giảm lãi suất một cách bền vững. Theo quan điểm của PT & TVĐT SSI, quá trình tái cơ cấu sẽ bao gồm 3 giai đoạn: (1) Phân loại các ngân hàng mạnh và yếu; (2) Quá trình mua lại và sáp nhập các ngân hàng và (3) Tái cấu trúc vốn của các ngân hàng (thực hiện cùng với quá trình mua lại và sáp nhập). Quá trình tái cấu trúc có thể kéo dài trong vài năm và hiện mới ở giai đoạn đầu tiên.

Vấn đề thanh khoản của hệ thống ngân hàng sẽ chưa thể được giải quyết sớm trong năm 2012: Do tỷ lệ cấp tín dụng từ nguồn vốn huy động (LDR) của hệ thống ngân hàng gần đây luôn giữ ở mức cao khoảng 100%, do vậy, cơ hội để nâng tỷ lệ tăng trưởng tín dụng là không nhiều, trong khi đây lại là nguồn thu chính của các ngân hàng. Các ngân hàng cần phải thu hút nguồn vốn huy động và trong bối cảnh tiền tệ thắt chặt như hiện nay sẽ làm tình hình thanh khoản căng thẳng. Thanh khoản yếu cũng là điều kiện để giúp phân loại các ngân hàng mạnh/yếu và thực hiện quá trình mua lại và sáp nhập.

Giảm lãi suất sẽ là một trong những tin tức mà thị trường mong đợi: Tuy nhiên, cùng với vấn đề thanh khoản và việc tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ nới lỏng rất khó có thể thực hiện một cách mạnh mẽ trong nửa đầu năm 2012. Động thái đầu tiên được kỳ vọng sẽ diễn ra trong đầu quý II/2012 với việc các ngân hàng thương mại nhà nước từ từ giảm lãi suất cho vay nhưng chỉ cho một số lượng khách hàng chọn lọc.

Tái cấu trúc các doanh nghiệp nhà nước (DNNN): Trong khi tổng tín dụng cho các DNNN chiếm phần lớn trong tổng tín dụng còn lưu thông trong nền kinh tế, quá trình loại bỏ các hoạt động kinh doanh ngoài ngành của các DNNN sẽ có thể có những ảnh hưởng sau: (1) Thị trường cần có thời gian và nguồn lực để hấp thu hoạt động thoái vốn của các DNNN. (2) Quá trình có thể làm tăng áp lực lên dòng tiền của các DNNN và thu hẹp hoạt động đầu tư trong năm 2012. (3) Trong dài hạn, việc tái cấu trúc có thể làm tăng hiệu quả đầu tư trong khu vực công.

TRIỂN VỌNG KINH TẾ 2012

Một số quỹ đầu tư dạng đóng có thể sẽ thoái vốn vào năm 2012: Điều này sẽ làm tăng áp lực bán lên thị trường mặc dù đây có thể là cơ hội cho các Nhà Đầu tư tổ chức mua cổ phiếu trong bối cảnh thanh khoản thị trường đang yếu.

Theo ước tính của PT & TVĐT SSI, PE 2012 của 61 công ty trong danh mục nghiên cứu với tổng vốn hóa chiếm trên 70% vốn hóa thị trường là 7,22x vào ngày 17/01/2012. Nếu loại trừ MSN, VIC và BVH, PE 2012 sẽ là 6,10x.

Việc định giá thấp không đồng nghĩa với việc thị trường đã chạm đáy do vẫn còn những yếu tố vĩ mô và các yếu tố khác đã nêu trên gây ảnh hưởng tới thị trường. Xét về lợi nhuận của doanh nghiệp, chúng tôi thấy rằng hầu hết các công ty đều hiểu rõ họ đang ở trong hoàn cảnh rất khó khăn nên rất thận trọng trong việc đặt mục tiêu cho năm 2012.

Do vậy, thị trường được định giá thấp có thể là cơ hội cho các Nhà Đầu tư dài hạn khi vấn đề của nền kinh tế được giải quyết triệt để và niềm tin của Nhà Đầu tư được duy trì và củng cố. Khi lãi suất tiền đồng giảm, Nhà Đầu tư có thể tìm kiếm thêm các kênh đầu tư khác, trong đó cổ phiếu có thể là một lựa chọn do định giá giảm mạnh và giá nhiều cổ phiếu đã ở mức tương đối hấp dẫn so với giá trị nội tại của doanh nghiệp.

Hoạt động mua lại và sáp nhập sẽ rất sôi động, đặc biệt trong ngành ngân hàng, bất động sản và cả các ngành khác. Giá một số cổ phiếu có thể chịu ảnh hưởng từ yếu tố mua bán sáp nhập.

Trong khi PT & TVĐT SSI vẫn bảo lưu quan điểm thận trọng về thị trường chứng khoán với những lý do trên, ngành hàng tiêu dùng thiết yếu, dược phẩm và nông nghiệp vẫn là những lựa chọn hàng đầu của PT & TVĐT SSI trong thời điểm hiện tại do tính ổn định cao và dựa vào cầu tiêu dùng trong nước.

Thị trường trái phiếu: Khó tăng trưởng đột phá

Với mong muốn tăng cường tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý thị trường trái phiếu, cơ quan quản lý nhà nước đã nỗ lực để thúc đẩy vai trò cầu nối tích cực giữa thành viên thị trường và cơ quan quản lý nhà nước của VBMA. Đồng thời, Bộ Tài chính thực hiện cơ cấu lại hàng hóa/loại nghiệp vụ giao dịch và thành phần thành viên thị trường (triển khai hệ thống nhà tạo lập thị trường - Primary Dealers). Sau những động thái trên, thị trường trái phiếu có những thuận lợi để phát triển.

Tuy nhiên, PT & TVĐT SSI cho rằng năm 2012 thị trường trái phiếu chưa có sự tăng trưởng đột phá do còn có những khó khăn sau:

- Chính phủ tiếp tục duy trì thắt chặt chính sách tiền tệ, quy định chặt chẽ hơn trong hoạt động tín dụng liên quan tới dư nợ mua trái phiếu doanh nghiệp.
- Thành phần thành viên tham gia thị trường bị hạn chế.
- Rủi ro tỷ giá làm chùn bước Nhà Đầu tư nước ngoài.
- Rủi ro và tính thiếu minh bạch trong hoạt động của nhiều doanh nghiệp.
- Việt Nam chưa có cơ quan định giá tín nhiệm chủ thể phát hành trái phiếu.

Thị trường được định giá thấp có thể là cơ hội cho các Nhà Đầu tư dài hạn, và giá nhiều cổ phiếu đã ở mức tương đối hấp dẫn so với giá trị nội tại của doanh nghiệp.



LĨNH VỰC

KINH DOANH

Dịch vụ Chứng khoán 40

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư 46

Quản lý Quỹ 52

Nguồn vốn & Kinh doanh Tài chính 56



DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2011

Những khó khăn chung của nền kinh tế trong và ngoài nước kéo theo tình trạng giảm điểm và trầm lắng kéo dài của thị trường chứng khoán trong năm 2011 đã ảnh hưởng rất tiêu cực đến tâm lý Nhà Đầu tư. Nhiều công ty niêm yết không hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra hoặc thậm chí thua lỗ cũng là nhân tố làm cho các Nhà Đầu tư xa rời thị trường chứng khoán. Đặt trong bối cảnh đó, Dịch vụ Chứng khoán SSI đã kịp thời áp dụng các biện pháp, chính sách đồng bộ để đứng vững trong khó khăn.

Kết quả hoạt động 2011 với lợi nhuận dương khẳng định những nỗ lực của SSI trong mảng Dịch vụ Chứng khoán và là điểm sáng đáng khích lệ trong điều kiện thị trường khó khăn.

Năm 2011, giá trị giao dịch của toàn thị trường giảm gần 60% so với năm 2010 nhưng giá trị giao dịch qua SSI chỉ giảm 40%, ít hơn 20% so với mức giảm của thị trường. Khi mức doanh thu của các công ty chứng khoán khác không đủ bù đắp chi phí hoạt động, thì kết quả lợi nhuận dương của SSI đạt được ở mảng dịch vụ chứng khoán và dịch vụ gia tăng kèm theo đã chứng minh tính phù hợp và kịp thời của các biện pháp, chính sách đồng bộ bao gồm không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, đa dạng hóa sản phẩm để tạo ra nhiều nguồn thu phí khác nhau, xây dựng chính sách phù hợp cho nhân viên môi giới theo từng giai đoạn phát triển của thị trường, đồng thời, thực hiện kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí theo quan điểm đầu tư và chi tiêu hiệu quả. Xét về cơ cấu doanh thu của Dịch vụ Chứng khoán SSI trong 2011, dịch vụ môi giới giữ vai trò tạo doanh thu chủ lực, mảng sản phẩm dịch vụ tài chính đóng góp một phần đáng kể vào doanh thu chung do mặt bằng lãi suất ở mức cao trong năm 2011.

Giữ vững vị trí dẫn đầu về thị phần giá trị giao dịch môi giới tại HOSE trong suốt năm 2011 xét trên cả giá trị giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và trái phiếu.

Khi thị trường càng đổi mới với khó khăn thì mức độ cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán trong mảng môi giới càng trở nên gay gắt, song con số 13,21% thị phần áp đảo tại HOSE đối với giá trị giao dịch cổ phiếu và chứng chỉ quỹ năm 2011 và 39,33% đối với giá trị giao dịch trái phiếu đã phản ánh sự tin tưởng của khách hàng đối với dịch vụ môi giới của SSI.

Về mảng giao dịch, SSI luôn được khách hàng đánh giá cao về khả năng thực hiện lệnh lớn với hiệu quả cao, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế khắt khe; đồng thời SSI luôn dẫn đầu thị trường về khả năng dàn xếp các giao dịch thỏa thuận có giá trị lớn, đáp ứng nhu cầu của các tổ chức trong và ngoài nước.

// ĐIỂM NHẤN 2011

Giữ vững vị trí số 1 về giá trị giao dịch môi giới tại HOSE.

Tiếp tục giữ thị phần môi giới áp đảo lên tới 38,12% tại mảng khách hàng nước ngoài.

Được tạp chí uy tín Finance Asia vinh danh là Nhà Môi giới tốt nhất Việt Nam (Best Broker) trong 4 năm liên tiếp (2008, 2009, 2010, 2011).



DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

phù hợp hơn. Trong năm 2011, SSI đã cho ra đời thêm 5 sản phẩm phân tích phục vụ Khách hàng Tổ chức, nâng tổng số sản phẩm phục vụ đối tượng khách hàng này lên 10 loại báo cáo khác nhau, và nhận được phản hồi rất tích cực. SSI cũng tập trung phát triển các sản phẩm phục vụ riêng cho các khách hàng cá nhân lớn, thường xuyên giao dịch với cốt lõi là các báo cáo hàng ngày để cập nhật kịp thời diễn biến thị trường và khuyến nghị đầu tư. Với nỗ lực không ngừng, mảng Tư vấn đầu tư của SSI tiếp tục giữ vị trí hàng đầu thị trường với hệ thống báo cáo phân tích khuyến nghị chuyên nghiệp, đa dạng, đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng Khách hàng Tổ chức, Cá nhân trong và ngoài nước.

Bên cạnh đẩy mạnh hoạt động tư vấn, SSI tập trung phát triển các ứng dụng giao dịch trực tuyến nhằm mang đến cho Khách hàng công cụ giao dịch có tốc độ nhanh, giao diện thân thiện và dễ dàng sử dụng. Trong năm 2011, tỷ lệ khách hàng đặt lệnh trực tuyến đã tăng gần 30% so với năm 2010 trên tất cả các nhóm khách hàng. Đây là cơ sở và là động lực quan trọng để SSI tiếp tục đẩy mạnh phát triển kênh giao dịch này trong tương lai.

Tiếp tục phát triển khách hàng mới và duy trì cơ cấu doanh thu trong điều kiện thị trường rất khó khăn

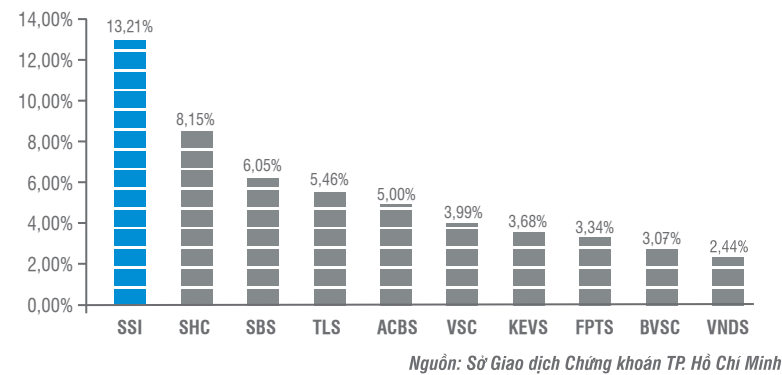
Trong năm 2011, SSI gặp khó khăn trong hoạt động phát triển khách hàng mới do Nhà Đầu tư mất niềm tin vào thị trường. Số lượng tài khoản mở mới chỉ bằng 51% con số này của năm 2010 nhưng số lượng tài khoản tổ chức mở mới tăng hơn so với năm 2010 phản ánh nỗ lực và hiệu quả hoạt động của bộ phận Phát triển Khách hàng Tổ chức mới được thành lập trong năm 2011. Song song với việc mở rộng hoạt động, Dịch vụ Chứng khoán SSI vẫn duy trì được cơ cấu doanh thu môi giới ở tỷ lệ 60:40 giữa Khách hàng Tổ chức và Cá nhân, trong đó khách hàng nước ngoài chiếm hơn 50%. Điều này một lần nữa khẳng định vị thế và uy tín của SSI đối với các tổ chức nước ngoài, trong đó có không ít các định chế tài chính hàng đầu thế giới như Deutsch Bank London, Vaneck, KITMC, Daiwa, Templeton, Horizon, Credit Suisse, Lion Capital, Fullerton, Prudential VN, Société Générale, Morgan Stanley, HSBC, CLSA, Manulife VN...

Dịch vụ Chứng khoán SSI được Tạp chí uy tín Finance Asia vinh danh Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam năm thứ 4 liên tiếp (2008, 2009, 2010, 2011)

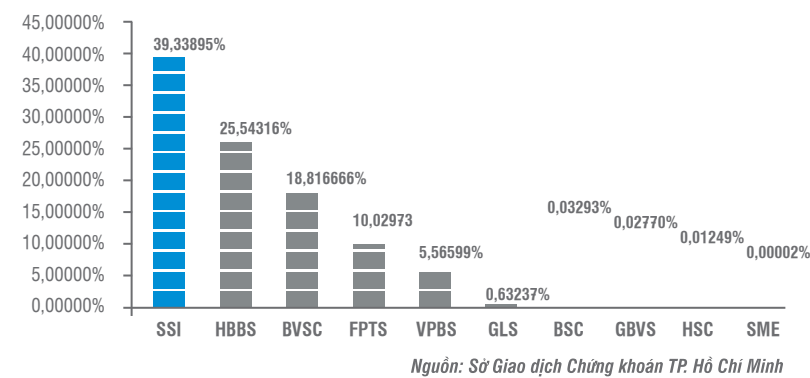
2011 là năm thứ 4 liên tiếp, Dịch vụ Chứng khoán SSI vinh dự được tạp chí uy tín Finance Asia trao tặng giải thưởng này, qua đó, thể hiện mức độ tin tưởng và sự đánh giá cao của các tổ chức quốc tế đối với mảng môi giới của SSI. Giải thưởng là động lực, đồng thời cũng là thách thức yêu cầu Dịch vụ Chứng khoán liên tục thay đổi, nâng cao chất lượng theo sự phát triển của thị trường, đáp ứng các đòi hỏi ngày càng khắt khe của khách hàng và tiếp tục khẳng định vị thế, uy tín của mình đối với các Nhà Đầu tư cá nhân, tổ chức trong, ngoài nước.



Thị phần giá trị giao dịch môi giới Cổ phiếu và Chứng chỉ quỹ năm 2011 tại HOSE của 10 CTCK hàng đầu



Thị phần giá trị giao dịch môi giới Trái phiếu năm 2011 tại HOSE của 10 CTCK hàng đầu



Tuy nhiên, thị phần của SSI tại sàn HNX trong năm 2011 có sụt giảm khi SSI chỉ đứng thứ 6 với 3,73% thị phần, giảm so với thị phần năm 2010 và so với kế hoạch đề ra. Kết quả này có nguyên nhân từ việc khách hàng tổ chức chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá trị giao dịch của SSI, trong khi cổ phiếu tại HNX chưa nhận được nhiều quan tâm của đối tượng khách hàng này, đặc biệt là tổ chức nước ngoài. Khách hàng của SSI cũng vốn có quan điểm đầu tư dài hạn, ít mua bán hàng ngày, hạn chế đầu tư vào những cổ phiếu biến động mạnh theo thị trường... Bên cạnh đó, PT & TVĐT SSI luôn giữ quan điểm tư vấn thận trọng trong năm 2011; và mảng môi giới khách hàng cá nhân hoạt động chưa đạt hiệu quả như mong muốn trong năm 2011.

Tái cấu trúc Dịch vụ Chứng khoán kết hợp đẩy mạnh xây dựng và phát triển các công cụ hỗ trợ với mục tiêu hướng đến khách hàng và mang lại cho khách hàng nhiều tiện ích và sự hỗ trợ hiệu quả

Năm 2011, Dịch vụ Chứng khoán SSI được tái cấu trúc với việc tách bộ phận Phân tích và Tư vấn đầu tư thành hai nhóm Phân tích và tư vấn khách hàng tổ chức (Institutional Research) và Phân tích và tư vấn khách hàng cá nhân (Retail Research). Mô hình hoạt động sau tái cơ cấu giúp SSI tiếp cận gần hơn với nhu cầu của khách hàng để từ đó phát triển thêm nhiều sản phẩm mới, hiệu quả và



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 2012

Duy trì vị trí số 1 về thị phần môi giới tại HOSE và top 10 tại HNX, trong đó tiếp tục khẳng định vị trí dẫn đầu thị phần môi giới nước ngoài với tỷ trọng trên 35% là mục tiêu số 1 của Dịch vụ Chứng khoán SSI đặt ra trong năm 2012. Nhận thức rõ về bối cảnh nền kinh tế trong và ngoài nước vẫn được dự đoán còn nhiều khó khăn và thách thức, SSI hướng đến triển khai chiến lược nhất quán, với sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả các chính sách về khách hàng, đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ cung cấp trên nền tảng công nghệ tiên tiến và quản trị rủi ro chặt chẽ.

Không ngừng mở rộng mạng lưới khách hàng trong và ngoài nước. Phát triển và duy trì được mạng lưới khách hàng rộng lớn là một trong những điều kiện tiên quyết đảm bảo thành công của hoạt động dịch vụ chứng khoán. Bên cạnh các chính sách chăm sóc tốt các khách hàng hiện tại, SSI sẽ phát triển có chọn lọc khách hàng mới thông qua các tổ chức, đối tác trung gian và bằng chính đội ngũ nhân viên môi giới chuyên nghiệp của mình.

Phát triển khách hàng tổ chức nước ngoài tiếp tục là ưu tiên và thế mạnh của SSI. SSI chú trọng mở rộng phát triển kinh doanh với các tổ chức trung gian lớn ở các thị trường tiềm năng như Mỹ, Nhật, Châu Âu, Hong Kong, Singapore... SSI tiếp tục đồng hành cùng các đối tác quảng bá thị trường tài chính Việt Nam và cũng là cơ hội tìm kiếm khách hàng tiềm năng mới. Quy định pháp lý mới về việc cho phép Nhà Đầu tư được mở tài khoản tại nhiều công ty chứng khoán mở ra cho SSI cơ hội tiếp cận với những khách hàng đã có tài khoản tại các công ty khác đến mở tài khoản tại SSI.

Phát triển các sản phẩm tư vấn, các sản phẩm tài chính và hệ thống giao dịch trực tuyến, hệ thống Contact Center nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng và tăng doanh thu cho dịch vụ chứng khoán. Trong đó, hoạt động tư vấn đầu tư tiếp tục được đẩy mạnh với việc nâng cao cả về số lượng và chất lượng của các báo cáo theo hướng đa dạng kịp thời trên cơ sở kết hợp chặt chẽ với nhân viên môi giới trong việc phân phối hiệu quả sản phẩm đến khách hàng. Ngoài ra, bộ phận Tư vấn Đầu tư cũng sẽ tích cực mở rộng kinh doanh sản phẩm của mình để tạo thêm nguồn thu cho Dịch vụ Chứng khoán.



DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Đẩy mạnh kiểm soát rủi ro và các ứng dụng để kiểm soát rủi ro.

Với việc tăng cường tính thực thi và hiệu quả các quy trình nghiệp vụ, SSI sẽ tiếp tục kiểm soát rủi ro một cách tốt nhất, đồng thời đẩy mạnh đầu tư công nghệ, phát triển các phần mềm hỗ trợ môi giới đặt lệnh, hạn chế tối đa rủi ro có thể phát sinh trong quá trình giao dịch.

Chuẩn hóa mô hình hoạt động các chi nhánh, phòng giao dịch theo hướng cơ cấu lại hoạt động của các chi nhánh, phòng giao dịch nhằm đảm bảo sự phù hợp giữa mục tiêu, hiệu quả kinh tế và tình hình thị trường.

Con người là yếu tố quan trọng nhất để đạt các mục tiêu SSI đặt ra trong mảng Dịch vụ Chứng khoán.

Luôn hướng tới mục tiêu xây dựng hình ảnh một đội ngũ nhân viên tư vấn, môi giới chuyên nghiệp, cung cấp đến khách hàng dịch vụ tốt nhất, song song việc tuyển chọn kỹ lưỡng đầu vào, Dịch vụ Chứng khoán SSI tiếp tục tăng cường các khóa đào tạo nội bộ cho nhân viên nhằm cập nhật và nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng mềm và nâng cao chuẩn mực đạo đức kinh doanh. Các chuyên đi thực địa, khóa học ngắn hạn kết hợp với các đối tác nước ngoài sẽ được công ty chú trọng thực hiện nhằm học tập, chia sẻ kinh nghiệm về thị trường, sản phẩm, và hệ thống.





DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2011

Do ảnh hưởng của nền kinh tế vĩ mô và sự sụt giảm mạnh của thị trường chứng khoán Việt Nam, kết quả kinh doanh của Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI năm 2011 giảm so với năm 2010 - năm được đánh giá là đặc biệt thành công của mảng hoạt động này. Kết thúc năm 2011, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI đã ký mới 58 hợp đồng với tổng doanh thu đạt 44,5 tỷ đồng. Dù mức doanh thu 2011 sụt giảm, song Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI đã đạt được những bước tiến mới trong hoạt động với những hợp đồng tư vấn được coi là “đầu ấn” trong lĩnh vực hoạt động này.

Duy trì vị trí đứng đầu trong việc thực hiện sứ mệnh kết nối nhu cầu vốn giữa các Nhà Đầu tư và các tổ chức phát hành

Trong điều kiện các doanh nghiệp Việt Nam gặp nhiều khó khăn trong việc huy động vốn, sự kiện Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (HAG) thực hiện phát hành thành công 90 triệu đô la Mỹ trái phiếu ra thị trường quốc tế dưới sự tư vấn tài chính của SSI là điểm nhấn nổi bật trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng đầu tư năm 2011. Đây là lần đầu tiên một doanh nghiệp tư nhân Việt Nam tham gia huy động thành công vốn trên thị trường vốn quốc tế. Sự thành công của đợt phát hành này đánh dấu một bước ngoặt đáng kể đối với các doanh nghiệp Việt Nam trong việc sẵn sàng tham gia vào thị trường vốn lớn hơn, đòi hỏi phải đáp ứng các yêu cầu chuẩn hóa cao hơn trong bối cảnh khó khăn của thị trường vốn Việt Nam và xáo trộn của thị trường vốn toàn cầu, đặc biệt khi Việt Nam vừa bị hạ bậc tín nhiệm, Nhật Bản vừa xảy ra động đất, sóng thần và Châu Âu rơi vào cuộc khủng hoảng nợ công. Thêm vào đó, sự thành công của đợt phát hành cũng khẳng định mức độ quan tâm của các Nhà Đầu tư quốc tế đối với tiềm năng phát triển của doanh nghiệp Việt Nam nói riêng và thị trường tài chính Việt Nam nói chung. Riêng với SSI, sự thành công của thương vụ phát hành này đã giúp SSI “vượt qua” các ứng cử viên với các thương vụ lớn hơn rất nhiều tại Trung Quốc, Indonesia, Ấn Độ, v.v. để nhận giải thưởng “Thương vụ tư vấn phát hành trái phiếu tốt nhất Đông Nam Á” do tạp chí Alpha South East Asia trao tặng.

Cũng trong năm 2011, sự kiện SSI tư vấn thành công cho đợt phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) của Petrolimex vào tháng 07 trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam sụt giảm mạnh đã phần nào đem lại hy vọng cho các đợt IPO sắp tới của các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa. Với số lượng cổ phần đầu giá là 27,4 triệu cổ phần, số lượng cổ phần bán hết là 100% - tương đương với số vốn huy động thành công là 412 tỷ đồng, IPO của Petrolimex được xem là đợt IPO thành công lớn thứ nhì của năm 2011 tính về giá trị vốn huy động (chỉ đứng sau đợt IPO của BIDV vào tháng 12/2011).

Cung cấp các dịch vụ Ngân hàng Đầu tư đa dạng với tiêu chuẩn quốc tế

Trung thành với chiến lược cung cấp các sản phẩm tư vấn tài chính đa dạng, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, trong năm 2011, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI tiếp tục triển khai nhiều loại hình tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước, cụ thể:

DIỂM NHẤN 2011

Tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực Ngân hàng Đầu tư Việt Nam.

Tư vấn thành công đợt phát hành trái phiếu quốc tế doanh nghiệp tư nhân đầu tiên trên thị trường chứng khoán Việt Nam với trị giá lên tới 90 triệu USD.

Được vinh danh tại nhiều giải thưởng quốc tế uy tín do Finance Asia, The Asset và Alpha South East Asia trao tặng.



- Dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu chuyển đổi: SSI đã huy động thành công gần 1.400 tỷ đồng cho các công ty lớn đã niêm yết như Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (HAG - HOSE), Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam (DBC - HNX) v.v...
- Dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu thường: cùng với Credit Suisse là đơn vị tư vấn chào bán, SSI là nhà tư vấn tài chính trong nước duy nhất cho thương vụ phát hành thành công 90 triệu đô la Mỹ trái phiếu quốc tế cho Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (HAG - HOSE).
- Dịch vụ tư vấn phát hành cổ phiếu riêng lẻ và phát hành ra công chúng: SSI đã huy động thành công hơn 720 tỷ đồng cho các doanh nghiệp lớn và uy tín như Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam (DBC - HNX), Công ty Cổ phần Đại Châu (DCS - HNX) v.v... Ngoài ra còn một số hợp đồng đã ký trong năm 2011 có giá trị phát hành lớn sẽ được SSI tiếp tục thực hiện trong năm 2012.
- Dịch vụ tư vấn IPO: Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI đã tư vấn IPO cho 2 doanh nghiệp với tổng giá trị huy động thành công là 413 tỷ đồng.
- Dịch vụ tư vấn niêm yết: trong năm 2011, SSI đã tư vấn thành công 3 doanh nghiệp niêm yết trên thị trường, có tổng giá trị vốn hóa tính đến 31/12/2011 là 541 tỷ đồng.
- Dịch vụ tư vấn mua bán và sáp nhập (M&A): giá trị cổ phiếu sụt giảm mạnh trong năm 2011 đã mở ra nhiều cơ hội cho các thương vụ M&A giữa các công ty trong nước với nhau và của các Nhà Đầu tư nước ngoài vào các doanh nghiệp tiềm năng tại Việt Nam. Do đó, SSI đánh giá đây là loại hình dịch vụ sẽ được bộ phận tăng cường và mở rộng hoạt động. Trong năm 2011, SSI đã tham gia thực hiện khoảng 10 hợp đồng tư vấn M&A, trong đó có một số hợp đồng sẽ được thực hiện tiếp trong năm 2012.

Được vinh danh tại nhiều giải thưởng lớn trong khu vực








Năm 2011 là năm đặc biệt khó khăn cho các hoạt động tư vấn dịch vụ ngân hàng đầu tư tại Việt Nam. Tuy nhiên, với những nỗ lực và cố gắng không ngừng, được chứng minh bằng những thành quả đạt được mang tính bước ngoặt trong lĩnh vực hoạt động, năm 2011 là năm đánh dấu việc SSI nhận được nhiều giải thưởng có giá trị nhất từ các tổ chức uy tín trên thế giới.

- Giải thưởng “Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam” do tạp chí danh tiếng Finance Asia bình chọn. Đây là năm thứ 2 liên tiếp SSI nhận được giải thưởng này.
- Giải thưởng “Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam” và “Nhà Tư vấn tốt nhất Việt Nam” do tổ chức The Asset trao tặng.
- Giải thưởng “Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam”, “Nhà Tư vấn phát hành trái phiếu tốt nhất Việt Nam” và “Thương vụ tư vấn phát hành trái phiếu tốt nhất Đông Nam Á” do tạp chí Alpha South East Asia trao tặng.



DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

DỰ ÁN TIÊU BIỂU NĂM 2011

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Tư vấn phát hành trái phiếu quốc tế
 <ul style="list-style-type: none"> • Bất động sản • Khoáng sản • Cao su • Thủy điện • Sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> • Tổng giá trị phát hành: 90 triệu USD • Lãi suất danh nghĩa: 9,875% • Kỳ hạn: 5 năm • Giá phát hành ban đầu là 95,76 USD với lợi suất đáo hạn là 11%
Công ty Bảo hiểm BIDV	Tư vấn niêm yết
 <ul style="list-style-type: none"> • Bảo hiểm phi nhân thọ • Tái bảo hiểm • Đầu tư tài chính • Một số hoạt động khác 	<ul style="list-style-type: none"> • Vốn điều lệ: 660 tỷ đồng • Khối lượng niêm yết: 66.000.000 cổ phiếu • Thời gian niêm yết: Tháng 9/2011 • Giá trị vốn hóa (tại thời điểm niêm yết): 607 tỷ đồng
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Tư vấn IPO
 <ul style="list-style-type: none"> • Xuất nhập khẩu & kinh doanh xăng dầu, lọc - hóa dầu • Đầu tư vào Doanh nghiệp khác cùng ngành 	<ul style="list-style-type: none"> • Vốn điều lệ: 10.700 tỷ đồng • Khối lượng bán đầu giá: 27.425.933 cổ phần • Giá đầu thành công bình quân: 15.032 đồng/cổ phần • Tỷ lệ thành công: 100% • Khối lượng vốn huy động: 412.270.065.000 đồng
Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam	Tư vấn phát hành trái phiếu chuyển đổi
 <ul style="list-style-type: none"> • Sản xuất thức ăn chăn nuôi • Sản xuất và kinh doanh giống gia cầm, thủy sản... 	<ul style="list-style-type: none"> • Tổng mệnh giá phát hành: 254,5 tỷ đồng • Giá phát hành: 100.000 đồng/Trái phiếu • Kỳ hạn: 2 năm • Giá chuyển đổi: 70% giá thị trường tại thời điểm phát hành • Tỷ lệ thành công: 100%
Công ty Cổ phần Thủy sản Hùng Vương	Tư vấn M&A
   <ul style="list-style-type: none"> • Nuôi trồng thủy hải sản xuất khẩu • Chế biến các sản phẩm thủy sản xuất khẩu • Chế biến thức ăn thủy sản, gia cầm 	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty mua: Công ty Cổ phần Thủy sản Hùng Vương (HVG) • Công ty mục tiêu: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lâm Thủy Sản Bến Tre • Tổng giá trị thương vụ: 60,2 tỷ đồng

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 2012

Trong năm 2012, SSI sẽ phối hợp đồng bộ nhiều giải pháp để tiếp tục theo đuổi sứ mệnh “Kết nối vốn với các cơ hội đầu tư”, khẳng định vị trí dẫn đầu và đẩy mạnh sự phát triển hoạt động trong lĩnh vực này.

Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, tập trung vào các mảng dịch vụ mang tính chuyên nghiệp và có giá trị gia tăng cao. Trong năm 2012, SSI tập trung vào các mảng dịch vụ ngân hàng đầu tư chuyên nghiệp, có giá trị gia tăng cao như dịch vụ tư vấn tái cấu trúc tài chính, tái cấu trúc vốn, mua bán sáp nhập M&A, thầu tóm, sản phẩm phức hợp kết hợp cổ phiếu và công cụ nợ. Bên cạnh đó, SSI tiếp tục nghiên cứu, thiết kế các sản phẩm huy động mới để đa dạng hóa sản phẩm cung cấp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng cũng như những đòi hỏi của thị trường nhằm liên kết các Nhà Đầu tư nước ngoài với các doanh nghiệp trong nước và tận dụng dòng vốn từ thị trường quốc tế. SSI tập trung dịch vụ tư vấn doanh nghiệp cải thiện hệ thống tài chính và quản trị tài chính theo tiêu chuẩn quốc tế cũng như các bước chuẩn bị cơ bản, giúp doanh nghiệp huy động vốn tại thị trường vốn nước ngoài.

Tư vấn M&A tiếp tục là hướng hoạt động được ưu tiên đẩy mạnh. Giai đoạn kinh tế khó khăn vừa qua đã chứng kiến nhiều doanh nghiệp làm ăn không hiệu quả. Bên cạnh đó, thị trường còn rất nhiều doanh nghiệp hoạt động tốt có nhu cầu được hỗ trợ về tài chính để mở rộng thị phần hoặc hỗ trợ từ các đối tác trong ngành để mở rộng quy mô. Thực tế này đã mở ra cơ hội phát triển cho hoạt động M&A trong năm 2012. SSI với sự hiểu biết sâu sắc về mô hình hoạt động, mô hình quản trị tài chính, quản trị doanh nghiệp, kinh nghiệm tư vấn lâu năm và nguồn khách hàng sẵn có trong nước, kết hợp với đối tác là các Ngân hàng Đầu tư nước ngoài, sẽ nỗ lực kết nối nhu cầu hợp tác của các bên để đem lại lợi ích cao cho cả bên mua và bên bán.

Đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng là các doanh nghiệp có quy mô lớn, uy tín, tiềm năng và phát triển bền vững nằm trong các ngành kinh tế cơ bản và thế mạnh của đất nước để cung cấp các sản phẩm và giải pháp tài chính, từ đó, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

Mở rộng hợp tác với các tổ chức tài chính hàng đầu thế giới như JP Morgan, Daiwa Securities, Nomura, Credit Suisse v.v... để trao đổi kinh nghiệm và thúc đẩy tìm kiếm các cơ hội đầu tư, từ đó, cung cấp cho khách hàng các sản phẩm tài chính chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực là hoạt động mang tính chiến lược, là cơ sở vững chắc để tạo ra lợi thế cạnh tranh trong môi trường kinh doanh ngày càng khắc nghiệt hiện nay giữa các công ty chứng khoán. Do đó, SSI hướng trọng tâm vào việc đào tạo nhân sự đầy đủ năng lực chuyên môn sâu, kỹ năng mềm của một chuyên gia Ngân hàng Đầu tư tiêu chuẩn quốc tế, kết hợp với sự am hiểu chuyên sâu thị trường trong nước.





QUẢN LÝ QUỸ

QUẢN LÝ QUỸ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2011

Sự sụt giảm của thị trường chứng khoán trong năm 2011 đã tạo ra nhiều thách thức cho hoạt động kinh doanh của các công ty quản lý quỹ ở Việt Nam. Hoạt động quản lý quỹ và quản lý danh mục gặp nhiều khó khăn do thị trường dao động và thanh khoản kém. Những khó khăn của nền kinh tế Việt Nam cùng với hoạt động yếu kém của các doanh nghiệp đã khiến nhiều Nhà Đầu tư trong và ngoài nước lựa chọn việc đứng bên ngoài chờ đợi sự hồi phục của nền kinh tế. Các yếu tố này đã ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động huy động vốn trong năm 2011.

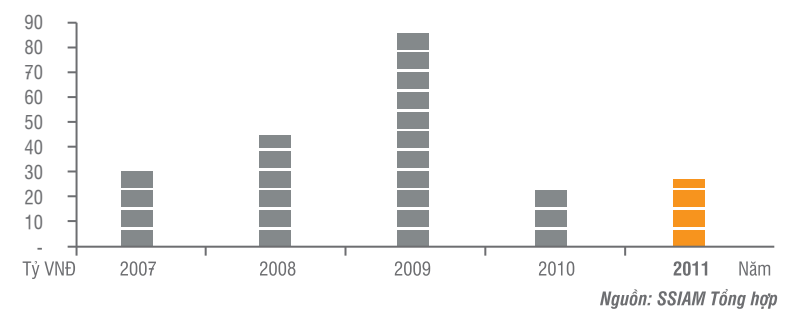
Trong bối cảnh khó khăn chung của toàn thị trường, Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) vẫn luôn nỗ lực quản lý hiệu quả các quỹ và danh mục hiện có, đồng thời huy động thêm tài sản mới từ SSI và các Nhà Đầu tư ủy thác khác. Năm 2011, SSIAM đã gặt hái được một số thành công nhất định và tạo dựng được nền tảng cơ bản và bền vững cho sự phát triển của Công ty trong các năm tiếp theo.

Tăng trưởng doanh thu trong điều kiện thị trường khó khăn

Vượt qua khó khăn chung của thị trường, năm 2011, doanh thu của SSIAM tăng 10% lên 37,2 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 5,1 tỷ đồng (sau khi đã chủ động trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán). Công ty đã huy động thêm 768 tỷ đồng, nâng tổng số tài sản quản lý lên hơn 3.500 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, SSIAM tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới, giải ngân các Quỹ và danh mục đầu tư theo kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt, chuẩn bị huy động Quỹ mới bao gồm cả việc chuẩn bị cơ sở kỹ thuật và hạ tầng công nghệ cho sự ra đời của Quỹ Mở.

Doanh thu Quản lý Quỹ và Danh mục



Chiến lược đầu tư thận trọng và dài hạn trong hoạt động quản lý quỹ đầu tư và danh mục đầu tư mang lại hiệu quả tốt trong điều kiện thị trường 2011

Hoạt động quản lý quỹ và danh mục đầu tư trong năm 2011 được xác định theo hướng đầu tư thận trọng, tập trung vào hiệu quả hoạt động và tìm kiếm tiềm năng tăng trưởng dài hạn của các khoản đầu tư. Do đó, SSIAM đã cơ cấu lại các Quỹ và danh mục đầu tư do SSIAM quản lý theo định hướng đầu tư dài hạn, bền vững nêu trên. Kết thúc 2011, giá trị ròng của các quỹ và danh mục do SSIAM quản lý hầu hết đều tốt hơn so với mức biến động của thị trường. Nếu so với VN - Index (giảm 28% trong 2011) thì giá trị tài sản ròng của Quỹ Tầm nhìn SSI (SSIVF) chỉ giảm 14%. Các danh mục đầu tư chứng khoán như Danh mục "Cổ tức" & "Cân bằng" đều có kết quả hoạt động cao hơn từ 20% - 40% so với VN - Index.

ĐIỂM NHẤN 2011

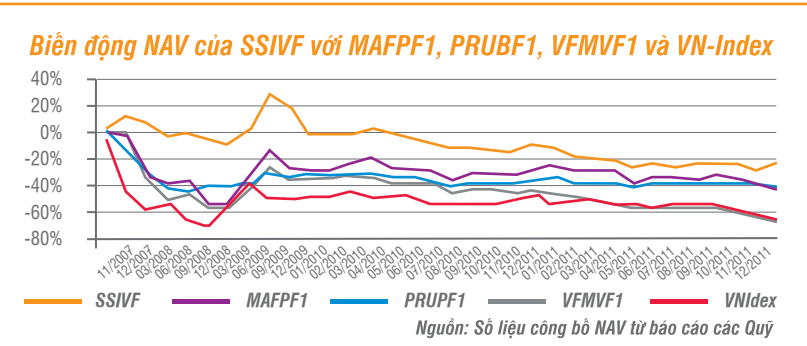
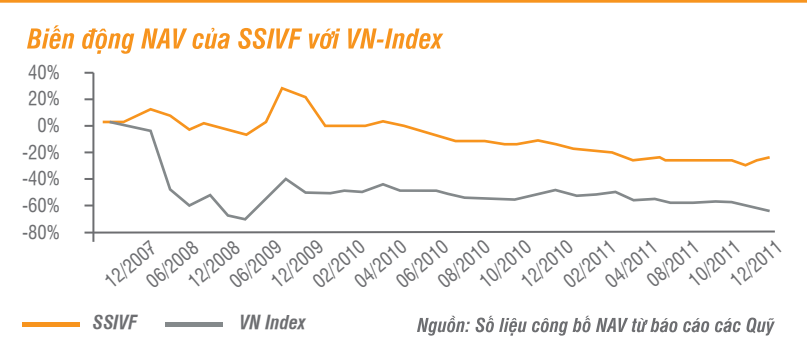
Tài sản ủy thác năm 2011 tăng thêm 768 tỷ đồng so với năm 2010, nâng tổng tài sản SSIAM quản lý lên hơn **3.500 tỷ đồng**.

Các quỹ và danh mục do SSIAM quản lý đều có **hiệu quả hoạt động tốt so với diễn biến chung của thị trường**, trong đó Quỹ Tầm nhìn SSI (SSIVF) vẫn là một trong những Quỹ nội địa hoạt động hiệu quả.

Giải ngân gần hết Quỹ Đầu tư thành viên SSI (SSIIMF).

Hoàn thiện quy trình vận hành, cơ sở hạ tầng công nghệ.





SSIAM nhận thức được rằng các cơ hội đầu tư vẫn xuất hiện trong hoàn cảnh khó khăn, bởi khó khăn là điều kiện để sàng lọc lại các doanh nghiệp có căn bản tốt, tiềm năng tăng trưởng lâu dài và đang được định giá thấp. Bằng chứng là trong năm 2011, Quỹ DSCAP - SSIAM Vietnam Growth Fund (đồng quản lý với Daiwa Corporate Investment Ltd) và Quỹ Đầu tư thành viên SSI (SSIIMF) vẫn tiếp tục giải ngân vào các cơ hội đầu tư mới.

Đẩy mạnh hoạt động huy động vốn và quản lý danh mục đầu tư

Đền giữa năm 2011, SSIAM nhận ủy thác để quản lý phần lớn Danh mục đầu tư của Công ty mẹ SSI. Với chức năng và vị thế của một Công ty Quản lý Quỹ chuyên nghiệp, có kinh nghiệm và uy tín trên thị trường, SSIAM đã và sẽ nỗ lực để quản lý Danh mục đầu tư này nhằm góp phần tăng cường tính hiệu quả và sự minh bạch trong hoạt động đầu tư của SSI.

Năm 2011, SSIAM tập trung đẩy mạnh hoạt động quản lý danh mục đầu tư bằng việc xây dựng gói sản phẩm quản lý danh mục SSI Prestige. Sản phẩm quản lý danh mục SSI Prestige hướng tới nhóm khách hàng cá nhân giàu có và các khách hàng tổ chức, cung cấp cho những khách hàng này gói giải pháp đầu tư toàn diện bao gồm tư vấn, hoạch định kế hoạch tài chính, xây dựng chiến lược đầu tư và thực hiện đầu tư.

Hoàn thiện quy trình vận hành, cơ sở hạ tầng công nghệ

SSIAM tiếp tục là một trong những công ty quản lý quỹ tiên phong trong việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh. Công ty đã thành công trong việc tự phát triển phần mềm quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư, cảnh báo giao dịch, hệ thống chăm sóc khách hàng. Đây là một trong những mốc quan trọng trong nỗ lực không ngừng nâng cao dịch vụ quản lý tài sản, tăng hiệu quả đầu tư, tính minh bạch và là nền tảng kỹ thuật quan trọng chuẩn bị cho hoạt động của Quỹ Mở dự kiến sẽ được Công ty triển khai trong năm 2012.

QUẢN LÝ QUỸ

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 2012

Bước sang năm 2012, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn song cũng tạo ra nhiều cơ hội cho hoạt động đầu tư, đặc biệt khi nhiều doanh nghiệp hiện đang được định giá rất thấp và có nhiều tiềm năng phát triển. Trong năm 2012, một loạt các văn bản pháp lý sẽ được ban hành để mở đường cho các sản phẩm mới mà cả thị trường đã trông đợi từ vài năm nay như: Quỹ mở, Quỹ tín thác Bất động sản, Công ty Đầu tư Chứng khoán. Các văn bản mới này sẽ giúp các công ty quản lý quỹ trong nước có thể cung cấp thêm các sản phẩm và dịch vụ mới cho khách hàng. Từ đó, có thể tạo ra bước ngoặt trong việc huy động vốn ủy thác quản lý danh mục và thành lập quỹ mới nếu được kết hợp với tình hình kinh tế vĩ mô thuận lợi hơn trong năm 2012.

Xét toàn diện nền kinh tế nói chung, thị trường tài chính và hoạt động quản lý quỹ nói riêng, SSIAM đã xây dựng kế hoạch cho năm 2012 bao gồm:

Đầu tư theo hướng an toàn, linh hoạt, cùng phát triển với doanh nghiệp

Song song việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới và tiếp tục giải ngân các quỹ, danh mục hiện có theo lộ trình, SSIAM tiếp tục tập trung nâng cao công tác quản trị rủi ro, định hướng hoạt động các quỹ theo hướng đầu tư dài hạn, an toàn vốn và linh hoạt theo diễn biến của thị trường. Với quan điểm đầu tư lâu dài, đồng hành cùng doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp hoạch định chiến lược kinh doanh bền vững nhằm phát huy các thế mạnh của doanh nghiệp, SSIAM tin rằng các danh mục đầu tư do SSIAM quản lý sẽ mang lại hiệu quả đầu tư và lợi nhuận cao.

Thu hút thêm tài sản ủy thác từ khách hàng tổ chức

Song hành cùng sự phát triển của nền kinh tế và thị trường tài chính trong nước, nhu cầu của các tổ chức kinh tế trong nước tìm tới các công ty quản lý tài sản chuyên nghiệp sẽ tăng lên. SSIAM nhận định Việt Nam tiếp tục là thị trường đầu tư tiềm năng đối với các Nhà Đầu tư nước ngoài. Với lợi thế thừa hưởng từ Công ty mẹ SSI, mạng lưới đối tác lớn và kinh nghiệm, uy tín của SSIAM trong lĩnh vực quản lý tài sản, SSIAM tiếp tục sẽ là điểm đến của các khách hàng trong nước và quốc tế.

Chú trọng thị trường khách hàng cá nhân

Thị trường khách hàng cá nhân hiện đang bị bỏ ngỏ và có nhiều tiềm năng trong tương lai. Năm 2012, SSIAM tiếp tục hoàn thiện và giới thiệu các sản phẩm dành cho nhóm đối tượng này, đồng thời dự kiến hợp tác cùng các ngân hàng thương mại, công ty bảo hiểm... để mở rộng hơn nữa các loại sản phẩm dành cho cá nhân.

Chuẩn bị nguồn lực để đón đầu Quỹ Mở

Hành lang pháp lý đã sẵn sàng cho Quỹ Mở. Nắm bắt cơ hội và đi trước đón đầu, SSIAM sẽ tiếp tục chuẩn bị về nhân sự, công nghệ để có thể triển khai sản phẩm mới này trong năm 2012.



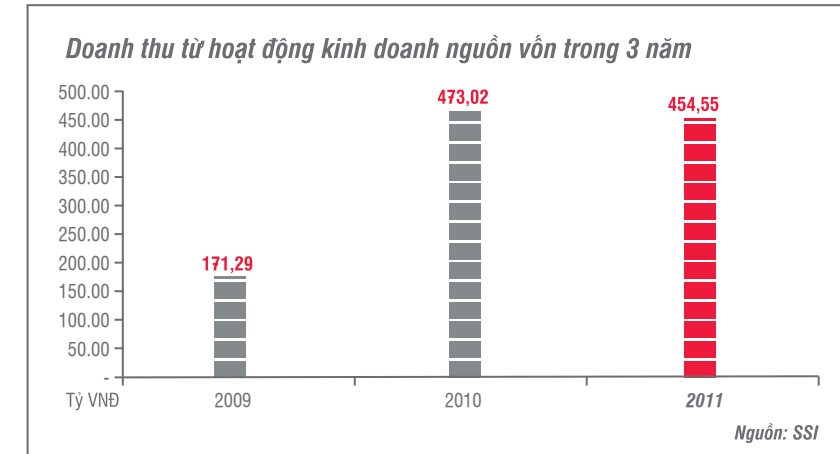


NGUỒN VỐN & KINH DOANH TÀI CHÍNH

NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2011

Vượt qua những biến động lớn về lãi suất, khó khăn thanh khoản trên thị trường tiền tệ và sự sụt giảm trên thị trường chứng khoán, nguồn vốn và kinh doanh tài chính SSI trong năm 2011 hoạt động theo hướng đảm bảo an toàn, duy trì tỷ lệ sinh lời hiệu quả và đóng góp tỷ trọng lợi nhuận cao vào kết quả kinh doanh chung của toàn SSI.



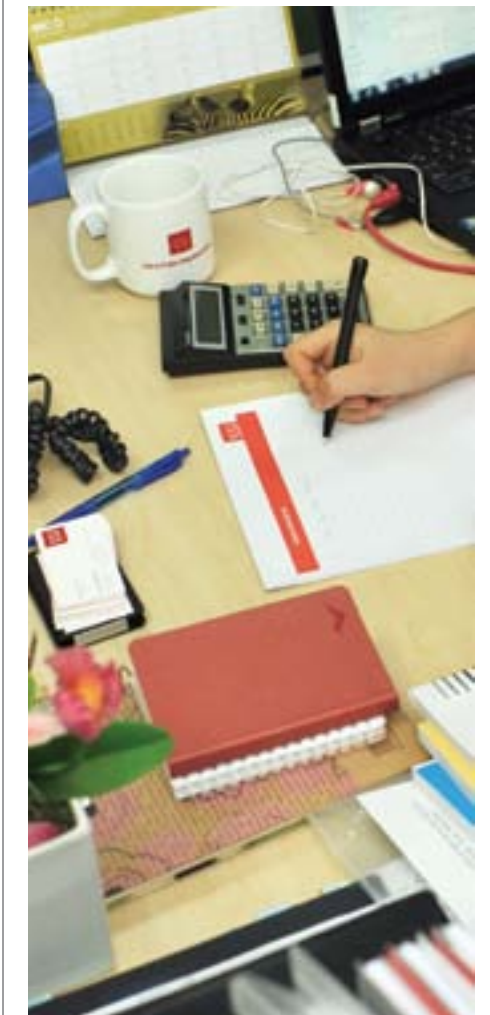
Đảm bảo tính thanh khoản và an toàn tài sản cho Nhà Đầu tư

Năm 2011, trạng thái thanh khoản trên thị trường tiền tệ rất khó khăn, dẫn đến lãi suất biến động thất thường với mức chênh lệch khá lớn giữa các ngân hàng và giữa các địa bàn. Trong hàng chục năm qua, năm 2011 mới lại xảy ra tình trạng nợ xấu liên ngân hàng với một số ngân hàng mất thanh khoản không trả được vốn vay trên thị trường 2. Và cũng lần đầu tiên kể từ khi thị trường chứng khoán thành lập cuối năm 1999 mới có tình trạng công ty chứng khoán mất thanh khoản dẫn tới bị dừng hoạt động lưu ký... Trong bối cảnh đó, mục tiêu quản lý an toàn tài sản cho Nhà Đầu tư, đảm bảo đáp ứng đủ, kịp thời yêu cầu thanh toán của khách hàng được đặt lên hàng đầu trong hoạt động nguồn vốn và kinh doanh tài chính SSI năm 2011.

Để hoàn thành mục tiêu đó, SSI đặt trọng tâm trong việc lựa chọn ngân hàng có độ tin nhiệm cao, thanh khoản tốt, chất lượng dịch vụ nổi trội để quản lý tiền gửi của Nhà Đầu tư. Năm 2011, SSI đã không để xảy ra bất cứ trường hợp nào chậm trễ, thiếu hụt tiền thanh toán theo yêu cầu của Nhà Đầu tư, cũng như chưa từng phải sử dụng tới dịch vụ hỗ trợ thanh toán khẩn cấp từ ngân hàng chỉ định thanh toán. Đặc biệt, tại SSI không phát sinh một khiếu nại nào liên quan đến vấn đề quản lý tiền gửi của Nhà Đầu tư. Kết quả đạt được năm 2011 đã khẳng định nỗ lực nâng cao hiệu quả hoạt động nguồn vốn và kinh doanh tài chính trong điều kiện thị trường tiền tệ và thị trường chứng khoán diễn biến theo chiều hướng không ổn định.

Tối đa hóa lợi ích của khách hàng qua các sản phẩm tài chính SSI cung cấp

Năm 2011, SSI tiếp tục duy trì dịch vụ hỗ trợ đầu tư nhằm giúp cho Khách hàng tận dụng tối đa hiệu quả sinh lời của đồng vốn nhàn rỗi, trong khi vẫn đảm bảo tính linh hoạt khi cần sử dụng vốn cho mục đích khác thông qua sản phẩm Hợp tác đầu tư vốn (Investlink) với mức lãi suất cố định hấp dẫn, linh hoạt về thời hạn và thủ tục đầu tư.



Khách hàng của SSI cũng được hưởng lợi khi sử dụng nghiệp vụ giao dịch ký quỹ được Ủy ban Chứng khoán cho phép triển khai trong năm 2011 khi chỉ phải trả lãi vay ký quỹ từ ngày T+3. Đây là nghiệp vụ hết sức phức tạp trong điều hòa thanh khoản do giải ngân vốn vay/thu hồi vốn vay không có kế hoạch trước mà bị động theo kết quả giao dịch, đòi hỏi SSI phải quản lý nguồn vốn hiệu quả, tối ưu hóa mọi số dư tài khoản, cân đối thanh toán bù trừ hài hòa,... để mang lại lợi ích trên cho khách hàng.

Kinh doanh tài chính an toàn và sinh lời hiệu quả, đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của SSI

SSI duy trì lượng tiền mặt dồi dào và là nguồn sinh lợi đáng kể trong năm 2011. Nguồn tiền mặt này được vận động linh hoạt trong các hoạt động đầu tư vốn: tiền gửi ngân hàng, mua bán trái phiếu, repo - tái repo, cho vay ký quỹ, hợp tác đầu tư,... Ngoài tiền mặt, SSI luôn duy trì một lượng lớn các tài sản có tính thanh khoản cao, vừa mang tính dự phòng cho nhu cầu thanh khoản, vừa đảm bảo kinh doanh tài chính hiệu quả, tận dụng tối đa các cơ hội đầu tư của thị trường khi cần thiết.

Trong hoạt động tiền gửi ngân hàng, với lượng tiền mặt quản lý bình quân là 1.500 tỷ đồng, SSI đảm bảo duy trì cân đối giữa kế hoạch sử dụng vốn và đầu tư tài chính ở những thời hạn phù hợp, lựa chọn mức lãi suất tốt với những ngân hàng tín nhiệm cao. Trong khi thực tế, một số ngân hàng lớn cũng gặp phải nợ xấu trên thị trường liên ngân hàng, thì SSI không mắc phải bất kỳ một khoản nợ xấu hay thanh toán chậm nào từ ngân hàng/đối tác khác cho mọi loại hình đầu tư tài chính. SSI luôn luôn và sớm nhận biết những ngân hàng có nguy cơ rủi ro về thanh khoản để lập hạn mức tiền gửi phù hợp thông qua thực hiện đánh giá đối tác thường xuyên.

Quy mô vốn chủ sở hữu lớn, lượng tiền mặt dồi dào, cách thức quản lý hiệu quả và an toàn đã đem lại cho SSI doanh thu lớn từ các hoạt động kinh doanh tài chính là 454,5 tỷ đồng, góp tỷ trọng lớn (53,6%) trong tổng doanh thu của toàn Công ty trong năm 2011.

Chuyển phần lớn danh mục đầu tư do SSI quản lý sang Công ty Quản lý Quỹ SSIAM để tăng tính chuyên môn hóa trong công việc

Giữa năm 2011, SSI đã chuyển phần lớn các danh mục đầu tư của Công ty do Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính quản lý sang cho SSIAM quản lý. Hiện tại, danh mục đầu tư ở SSI chỉ còn khoảng 2.717 tỷ đồng với tỷ lệ lớn là trái phiếu và cổ phiếu chưa niêm yết. Công ty sẽ tiếp tục chuyển phần danh mục niêm yết còn lại cho SSIAM và xem xét việc chuyển cả danh mục chưa niêm yết sang SSIAM trong năm 2012.

NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 2012

Đa dạng hóa cấu trúc sản phẩm nghiệp vụ, xây dựng sản phẩm mới linh hoạt

Nhìn nhận thị trường tiền tệ 2012 có xu thế lãi suất giảm dần và tiếp tục cạnh tranh gay gắt trong việc phát triển quy mô khách hàng, SSI đặt mục tiêu hàng đầu là đa dạng hóa cấu trúc sản phẩm nghiệp vụ nguồn vốn và kinh doanh tài chính, xây dựng các sản phẩm mới linh hoạt để tận dụng các nhu cầu vay vốn cũng như đầu tư vốn của thị trường với mức lãi suất tối ưu, cơ cấu thời hạn đầu tư hợp lý, đẩy mạnh hoạt động tư vấn, giới thiệu sản phẩm nhằm tiếp cận được mạng lưới khách hàng và đối tác rộng hơn.

Đầu tư vốn trên cơ sở thận trọng

Quan ngại về tình trạng rủi ro thanh khoản tại một số ngân hàng vẫn tồn tại, SSI sẽ triển khai các nghiệp vụ nguồn vốn và kinh doanh tài chính trên cơ sở thận trọng, thẩm định đối tác kỹ càng, cơ cấu giao dịch chặt chẽ để bảo toàn nguồn vốn. SSI cũng tiếp tục thực hiện nhiệm vụ quan trọng là cân đối dòng tiền triệt để để tận dụng tối ưu nguồn vốn nhàn rỗi nhưng đồng thời vẫn bảo đảm thanh khoản tuyệt đối cho SSI và Nhà Đầu tư.





IV

QUẢN TRỊ

RỦI RO

Tóm tắt hệ thống quản trị rủi ro tại SSI	62
Rủi ro thị trường	63
Rủi ro tín dụng	64
Rủi ro thanh khoản	65
Rủi ro vận hành	66
Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin	66
Rủi ro tuân thủ	67
Rủi ro thương hiệu	68
Rủi ro quản trị nguồn nhân lực	69
Rủi ro pháp luật	70
Kế hoạch hoạt động năm 2012	71



TÓM TẮT HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI SSI

Hoạt động trong điều kiện nền kinh tế và thị trường tài chính có nhiều biến động, SSI luôn đề cao quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống. Tại SSI, công tác quản trị rủi ro được thực hiện xuyên suốt từ cấp quản lý cao nhất là Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc tới các bộ phận nghiệp vụ, kết hợp với việc kiểm tra, kiểm soát thường xuyên của bộ phận Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ, bộ phận Kiểm toán nội bộ. Bằng việc thiết lập các quy định quản trị rủi ro tổng thể, SSI đã giảm thiểu những tác động tiêu cực có khả năng ảnh hưởng tới năng lực tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty.

Mô hình quản trị rủi ro tại SSI

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	<ul style="list-style-type: none"> Xác định chiến lược, chính sách Quản lý rủi ro
GIÁM ĐỐC QUẢN LÝ RỦI RO, CÁC TRƯỞNG BỘ PHẬN	<ul style="list-style-type: none"> Nhận dạng rủi ro Xây dựng các mô hình, quy trình Quản lý rủi ro Giám sát việc thực hiện Quản lý rủi ro theo đúng quy trình đề ra
CÁC BỘ PHẬN	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện đúng quy trình Quản lý rủi ro để giảm thiểu mọi rủi ro Phát hiện các rủi ro mới phát sinh Đóng góp ý kiến xây dựng hệ thống Quản lý rủi ro

QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là khả năng thay đổi các yếu tố nội tại trong nền kinh tế nói chung và thị trường tài chính nói riêng, bao gồm cả những thay đổi trong chính sách tài khoá, tiền tệ và các chính sách điều tiết thị trường của Chính phủ có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của SSI. Những thay đổi này thể hiện qua biến động trong các yếu tố như mặt bằng lãi suất, tỷ giá hối đoái, mức độ chấp nhận rủi ro, thanh khoản của thị trường, mức độ sẵn có của tín dụng, chi phí giá vốn, ... khiến giá trị của các khoản đầu tư tài chính cũng biến động theo. Hoạt động đầu tư của SSI vào chứng khoán và các sản phẩm đầu tư không tránh khỏi các rủi ro do giảm giá đầu tư, biến động lãi suất hay thiếu thanh khoản.

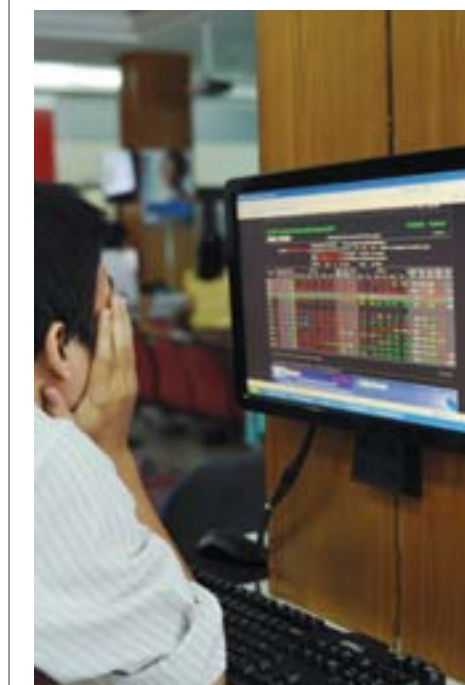
Đối với rủi ro thị trường, SSI sử dụng phương pháp xây dựng và phân tích các kịch bản (scenario analysis), lượng hóa mức độ ảnh hưởng của các rủi ro thị trường đối với tài sản tài chính của SSI, bao gồm cả các khoản nợ. Trên cơ sở đó, SSI thiết lập mức độ rủi ro cao nhất có thể chấp nhận dựa trên đặc tính của từng loại rủi ro và phương án phòng ngừa phù hợp để giảm thiểu các khoản lỗ, mất mát phát sinh.

Rủi ro thị trường sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới SSI qua hai nghiệp vụ chủ yếu sau:

Hoạt động đầu tư tiền gửi: Khi dòng tiền mất cân đối, nguồn tiền ngắn hạn được gửi dài hạn hoặc lãi suất biến động sẽ phát sinh rủi ro đối với hoạt động này. SSI quản lý rủi ro nêu trên bằng cách cân đối và duy trì dòng tiền với các khoản tiền gửi được phân bổ kỳ hạn hợp lý để hạn chế tối đa tác động của biến động lãi suất. Kết quả, năm 2011, SSI không phát sinh bất kỳ tổn thất nào đối với hoạt động này.

Hoạt động đầu tư cổ phiếu: Hoạt động này chịu rủi ro lớn khi giá cổ phiếu biến động giảm so với giá vốn. Đặc biệt với năm 2011, SSI đánh giá là năm nền kinh tế chịu tác động mạnh của lạm phát và tỷ giá, do đó, SSI đã xác định quan điểm đầu tư thận trọng và luôn có cơ chế dự phòng (back up) như tập trung vào chiến lược đầu tư giá trị, vào những ngành ít bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế, huy động quỹ đầu tư ra nước ngoài...

SSI xác định năm 2012 và các năm sau, việc tái cấu trúc nền kinh tế sẽ tạo ra nhiều rủi ro đối với hoạt động chung. Do đó, SSI vẫn giữ quan điểm đầu tư thận trọng, hướng về đầu tư giá trị và tập trung vào việc trở thành Nhà Đầu tư chiến lược trong các công ty có cơ bản tốt, có tiềm năng tăng trưởng và đồng hành với những doanh nghiệp đó trong quá trình xây dựng và phát triển.





RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng ảnh hưởng trực tiếp tới các hoạt động kinh doanh và khả năng sinh lời của SSI thông qua tác động trực tiếp tới ba hoạt động của công ty bao gồm: cho vay/gửi tiền, giao dịch ký quỹ, và đầu tư trái phiếu.

Hoạt động cho vay/gửi tiền có nguy cơ phát sinh rủi ro khi đối tác không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, trong năm 2011, SSI không có tình trạng nợ xấu hoặc chậm thanh toán, mặc dù thanh khoản trên thị trường tiền tệ gặp nhiều khó khăn. Để đạt được kết quả đó, SSI thực hiện đa dạng hóa đối tác, đánh giá, xếp hạng tín dụng cho khách hàng và đối tác dựa trên thông tin thị trường, thông tin khách hàng, lịch sử hợp tác. Từ đó, SSI phân bổ hạn mức tín dụng cụ thể cho từng đối tác, khách hàng và giám sát tình hình sử dụng hạn mức thông qua các báo cáo hàng ngày. Đối với các đối tác gửi tiền, SSI áp dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá rủi ro tín dụng dành cho các tổ chức tài chính và tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc chỉ lựa chọn tổ chức có uy tín, tài chính lành mạnh để cùng hợp tác.

Giao dịch ký quỹ có rủi ro khách hàng không bổ sung tài sản bảo đảm hoặc giảm dư nợ khi giá trị tài sản bảo đảm xuống dưới giá trị vay. Trong công tác quản trị rủi ro đối với dịch vụ này, SSI thực hiện một loạt các biện pháp phối hợp bao gồm lập danh mục hỗ trợ thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đồng thời, các cổ phiếu nằm trong danh mục ký quỹ phải đạt tiêu chuẩn quản lý rủi ro xét trên các yếu tố thanh khoản, biến động giá và định giá cổ phiếu dựa trên báo cáo phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp. Khách hàng sử dụng giao dịch ký quỹ phải đảm bảo các tiêu chí về đánh giá khách hàng, quản lý khoản vay, cảnh báo... theo các nguyên tắc do SSI quy định. SSI sử dụng hệ thống quản lý hạn mức tự động để quản lý nghiệp vụ này và giám sát thông qua báo cáo quản lý rủi ro hàng ngày. Trong mọi trường hợp, SSI luôn duy trì số dư nợ cho giao dịch ký quỹ ở mức cẩn trọng. Bằng việc thực hiện hàng loạt các biện pháp phối hợp như trên, năm 2011, SSI không để xảy ra trường hợp tổn thất vốn hỗ trợ nào và số dư nợ được duy trì chỉ ở mức từ 6% đến 10% tổng vốn chủ sở hữu.

Hoạt động đầu tư trái phiếu có rủi ro đơn vị phát hành mất thanh khoản khi đến hạn hoặc đơn vị phát hành phát sinh yếu tố làm trái phiếu có nguy cơ mất thanh khoản. Để hạn chế các rủi ro này, SSI thành lập Hội đồng Đầu tư để xem xét mọi đề xuất đầu tư trước khi thực hiện. Trước đó, đề xuất đầu tư được bộ phận đầu tư trình duyệt trên cơ sở báo cáo thẩm định doanh nghiệp. Với yêu cầu phải có sự nhất trí của Hội đồng đầu tư, SSI đã hạn chế tối đa khả năng phát sinh rủi ro. Năm 2011, SSI không mở rộng trạng thái đầu tư trái phiếu.

QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi SSI mất khả năng thực hiện nghĩa vụ trả các khoản nợ đến hạn. Khả năng thanh khoản của SSI có thể bị suy yếu trong trường hợp không thể phản ứng kịp với những biến cố của thị trường nói chung hoặc của thị trường cho một loại tài sản cụ thể nào đó nói riêng. Ngoài ra, nếu rất nhiều công ty khác cũng đang muốn bán cùng một loại tài sản với SSI tại cùng một thời điểm, khả năng thanh lý tài sản để tạo thanh khoản của SSI cũng sẽ bị ảnh hưởng.

Rủi ro thanh khoản tác động trực tiếp lên hoạt động cho vay/gửi tiền và quản trị dòng tiền của SSI. Trong đó, rủi ro đối với hoạt động cho vay/gửi tiền xảy ra khi đối tác gặp khó khăn về thanh khoản và không trả tiền đúng hạn đã được nêu biện pháp quản trị trong phần rủi ro tín dụng.

Rủi ro trong quản trị dòng tiền xảy ra khi SSI gặp khó khăn trong việc thanh toán đúng hạn do sai sót trong cân đối dòng tiền. Trong năm 2011, SSI không xảy ra sự cố về thanh khoản này do đã sử dụng biện pháp quản trị rủi ro thanh khoản hiệu quả. Trong đó, SSI thực hiện nghiêm ngặt kỷ luật đối với hoạt động thanh toán nội bộ. Việc cân đối dòng tiền được thực hiện hàng ngày với thông tin tổng hợp từ mọi khoản thu - chi, dự thu - dự chi. Báo cáo dòng tiền đó đồng thời được sử dụng làm cơ sở để bộ phận nguồn vốn quyết định các kỳ hạn gửi tiền.

Bên cạnh đó, SSI luôn duy trì một tỷ lệ tài sản và nợ hợp lý, áp dụng nguyên tắc cơ bản của quản trị rủi ro thanh khoản là đầu tư vào các tài sản có tính thanh khoản. Để đảm bảo khả năng thu xếp nguồn vốn ngắn hạn, SSI sở hữu danh mục gồm các tài sản như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, trái phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá khác có tính thanh khoản cao. Về dài hạn, SSI tìm kiếm hạn mức tín dụng từ các tổ chức tín dụng khác nhau trên thị trường và hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán của SSI tại các ngân hàng khác nhau. Các phương thức thu xếp nguồn vốn, đảm bảo khả năng thanh toán của SSI còn bao gồm sử dụng các công cụ phái sinh như repo, mua bán kỳ hạn, phát hành các giấy tờ có giá nhằm huy động nguồn vốn trung và dài hạn. Trong năm vừa qua, SSI đã thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính đến đối tượng khách hàng cá nhân để đảm bảo hai mục tiêu song hành là đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ theo nhu cầu của khách hàng và tăng tính thanh khoản.



RỦI RO VẬN HÀNH

Trong hoạt động kinh doanh, SSI có thể gặp rủi ro xuất phát từ các sự cố vận hành, bao gồm nguy cơ trộm cắp hoặc lừa đảo, nhân viên có hành vi kinh doanh không hợp lệ, thực hiện giao dịch trái phép, hoặc lưu trữ, đánh giá và hạch toán giao dịch sai nguyên tắc. Những rủi ro này có thể khiến SSI chịu các khoản lỗ tài chính, ảnh hưởng tới uy tín công ty, thậm chí chịu sự can thiệp từ chính quyền.

Để hạn chế các rủi ro vận hành, bên cạnh việc liên tục đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ của nhân viên, bộ phận chuyên trách quản trị rủi ro có trách nhiệm thiết lập những quy định mang tính bắt buộc chung như phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cá nhân, mỗi bộ phận; bộ phận chuyên trách xây dựng các quy trình, hướng dẫn tác nghiệp hoạt động kinh doanh hàng ngày, luôn đảm bảo có kiểm soát chéo trong mọi giao dịch, thực hiện tự động hóa vận hành nhằm giảm thiểu những lỗi do công việc thủ công, chủ quan con người gây ra. Trong năm 2011, SSI đã xây dựng thành công mô hình hoạt động Vận hành trung tâm nhằm kiểm soát tập trung các hoạt động thường ngày tại các chi nhánh, phòng giao dịch, từ đó giảm thiểu các rủi ro vận hành.

Rủi ro vận hành cũng được kiểm soát thông qua hệ thống kiểm soát nội bộ được trình bày ở mục Rủi ro tuân thủ.

RỦI RO HỆ THỐNG VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN

Với đặc thù của Công ty Chứng khoán, các rủi ro về hệ thống và bảo mật thông tin luôn là rủi ro lớn nhất mà đội ngũ công nghệ thông tin (CNTT) phải đương đầu. Tại SSI, việc bảo vệ những thông tin cá nhân và giao dịch của khách hàng được coi là yếu tố sống còn, song song với việc tuân thủ quy trình hoạt động hàng ngày để hệ thống hoạt động với hiệu suất cao, tránh các trường hợp trục trặc hệ thống hay ngừng hoạt động gây tổn hại về tài chính cho cả SSI và khách hàng, sụt giảm uy tín của SSI.

CNTT SSI luôn thực hiện chặt chẽ các quy trình ngặt nghèo về bảo mật, cũng như thường xuyên định kỳ rà soát hệ thống về độ an toàn liên quan đến lỗ hổng bảo mật, nguy cơ tấn công hay virus... SSI cũng định kỳ hợp tác với các đối tác bảo mật hàng đầu để đánh giá toàn diện hệ thống và phát triển các chiến lược bảo mật nhằm đảm bảo quản trị rủi ro cho hệ thống công nghệ được liên tục rà soát, chỉnh sửa, và cập nhật.

Năm 2011, bằng việc tự động hóa các quy trình nghiệp vụ và triển khai thành công hệ thống phòng chống thảm họa cho hệ thống giao dịch chạy song song thời gian thực cùng hệ thống chính, SSI đã đánh dấu một năm phát triển mạnh mẽ trong quản trị rủi ro hệ thống và an toàn thông tin. Các nghiệp vụ đòi chiều giao dịch, lưu ký, ngân hàng đa chiều được CNTT hóa cao đã đóng góp vai trò rất tích cực trong việc kiểm soát rủi ro. Năm 2012, SSI xác định tự động hóa toàn diện hệ thống tiếp tục là mục tiêu cần phát triển và hoàn thiện.



RỦI RO TUÂN THỦ

Rủi ro tuân thủ là những nguy cơ phát sinh khi Công ty không thực hiện đúng quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của mình, hoặc nhân viên Công ty không tuân thủ đúng quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Công ty. Hậu quả khi xảy ra rủi ro tuân thủ có thể dẫn đến thiệt hại về tài sản, uy tín, danh tiếng, mất cơ hội kinh doanh hoặc thậm chí trong trường hợp nghiêm trọng có thể bị tước giấy phép kinh doanh các nghiệp vụ chứng khoán.

SSI đánh giá năm 2011 là năm có nhiều nguy cơ xảy ra rủi ro tuân thủ do tình hình thị trường khó khăn buộc các công ty chứng khoán, nhân viên, các Nhà Đầu tư phải tìm nhiều cách để tồn tại. Thực tế đã chứng minh cho nhận định nêu trên khi hàng loạt các sai phạm của công ty chứng khoán và nhân viên công ty chứng khoán được nêu trên phương tiện truyền thông đại chúng; nhiều tranh chấp giữa Nhà Đầu tư và công ty chứng khoán đã phát sinh. Báo cáo kết quả công tác thanh tra, giám sát của UBCKNN đăng tải website www.ssc.gov.vn ngày 08/02/2012 nhận định “các vi phạm trên thị trường cũng diễn ra ngày càng tinh vi hơn, phức tạp hơn, đặc biệt là các vi phạm rất dễ nảy sinh trong bối cảnh thị trường gặp nhiều khó khăn.”

Tại SSI, hệ thống Kiểm soát nội bộ được thành lập từ nhiều năm là một thành phần quan trọng trong hệ thống kiểm soát rủi ro. Hệ thống gồm 10 nhân viên bao gồm 4 nhân viên thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ và 6 nhân viên kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát việc tuân thủ pháp luật và các qui trình, qui định nội bộ được ban hành. Việc kiểm soát được thực hiện thường xuyên tại các bộ phận nhằm đảm bảo việc tuân thủ cao. Lịch kiểm soát nội bộ được thực hiện định kỳ đối với các bộ phận, các nghiệp vụ nhằm sớm phát hiện và phòng ngừa rủi ro. Các báo cáo kiểm soát đã giúp các bộ phận nghiệp vụ rà soát, sửa đổi qui trình nghiệp vụ và đề xuất nhiều biện pháp khắc phục sai sót, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động.

Trong nỗ lực nhằm hạn chế nguy cơ xảy ra rủi ro tuân thủ, lãnh đạo SSI quán triệt ý thức tuân thủ trong toàn bộ Công ty. Các chính sách, thông tin từ ban lãnh đạo SSI được phổ biến đến từng bộ phận thông qua Trường bộ phận, đồng thời việc trao đổi thông tin từ nhân viên được Ban Lãnh đạo cập nhật qua các buổi họp giao ban hoặc qua mạng intranet của SSI. Bộ phận Quản lý rủi ro thường xuyên rà soát đánh giá rủi ro trong tất cả hoạt động của Công ty để đảm bảo việc tuân thủ. Tất cả các quyết định kinh doanh và quy trình được xây dựng trên quan điểm thận trọng và đề cao tính tuân thủ pháp luật.

Trong năm 2012, SSI tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh nhằm nâng cao tính hiệu quả của hệ thống Kiểm soát nội bộ.



RỦI RO THƯƠNG HIỆU

Rủi ro thương hiệu là tổn thất, thiệt hại về giá trị do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng về Công ty. Những sự thay đổi này có thể ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ của Công ty, ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động của Công ty. Đặc biệt đối với một tổ chức tài chính, những rủi ro liên quan đến việc phát tán các thông tin, lời đồn sai sự thật, truyền thông sai lệch về hình ảnh của Công ty sẽ gây ra những hậu quả khó lường, như sụt giảm niềm tin của Nhà Đầu tư, Cổ đông và Cộng đồng, dẫn đến những thiệt hại về tài chính đối với SSI.

SSI tiếp tục xây dựng và phát triển các quy định chặt chẽ liên quan đến Thương Hiệu, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định về công bố thông tin. SSI thực hiện các biện pháp định kỳ đo lường sức khỏe thương hiệu, đánh giá những điểm yếu mà thương hiệu SSI đang gặp phải nhằm có kế hoạch ứng phó và khắc phục những điểm yếu này. Trong mọi hoạt động hàng ngày, bộ chuẩn thương hiệu của SSI được toàn thể đội ngũ hiểu rõ và tuân thủ, nhằm giữ vững hình ảnh một SSI chuyên nghiệp.

Bên cạnh đó, các thông tin về SSI luôn được công bố đầy đủ, bao gồm những thông tin thường xuyên và bất thường, theo đúng quy định của pháp luật, và chủ động, kịp thời trong trường hợp phát sinh thông tin sai lệch, tin đồn thất thiệt. Các thông tin tài chính, kiểm toán báo cáo tài chính định kỳ, kết quả kiểm toán báo cáo tài chính cũng luôn được công bố đến cộng đồng Nhà Đầu tư nhằm đảm bảo duy trì luồng thông tin minh bạch, chính xác và kịp thời. Đội ngũ nhân viên SSI luôn nêu cao tinh thần tự hào về thương hiệu, nhận thức rõ giá trị của thương hiệu SSI đã đạt được, từ đó cẩn trọng trong mọi hành vi, phát ngôn có liên quan đến SSI để bảo đảm tránh những rủi ro đáng tiếc.



QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Trong bối cảnh thị trường khó khăn, các tổ chức tài chính nói chung và Công ty Chứng khoán nói riêng đều có nhu cầu thu hút những nhân sự giỏi. Đặc biệt theo các nghiên cứu về thị trường lao động gần đây, SSI đứng trước các rủi ro về nhân sự như sau:

- Thị trường lao động thiếu nhân lực cấp cao và nhân lực có chuyên môn giỏi, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính. Cạnh tranh gay gắt về nhân sự tài năng có thể dẫn đến các nhân sự cấp cao là đối tượng bị thu hút bởi các tập đoàn tài chính nước ngoài với khả năng tài chính hùng hậu.
- Tỷ lệ nhân viên nghỉ việc trong ngành tài chính rất cao: 06 tháng đầu năm 2011 là 13,7% trong khi trung bình thị trường là 8,8% theo thống kê của Mercer. Đặc biệt theo thống kê của Tower Watson Vietnam thì tỷ lệ này lên tới 17,8%. Điều này có thể gây bất ổn về mặt tổ chức.

Trước các rủi ro có thể xảy ra, SSI đặt mục tiêu xây dựng các chính sách đãi ngộ cạnh tranh với thị trường để duy trì được đội ngũ nhân tài, đồng thời xác định chính sách đào tạo là trọng điểm để nâng cao trình độ nhân viên, phát huy hết tiềm lực của đội ngũ nhân sự hiện tại. SSI cũng không ngừng đầu tư vào công tác tuyển dụng để thu hút những ứng viên giỏi, giàu kinh nghiệm, phù hợp với chiến lược phát triển dài lâu của SSI.

Để tạo động lực phát huy sức mạnh nguồn nhân lực sẵn có, chương trình đánh giá hiệu quả công việc không ngừng được cải thiện, chính sách chi trả thu nhập được đánh giá định kỳ so với thị trường.

Xây dựng môi trường làm việc sáng tạo, thân thiện, công bằng, hiệu quả, luôn tạo điều kiện để mỗi cá nhân hoàn thành tốt công việc và phát triển sự nghiệp cũng là một trong các biện pháp SSI áp dụng để duy trì và phát triển nguồn nhân lực tốt. Các hoạt động văn hóa tập thể cũng được SSI chú trọng để xây dựng môi quan hệ gắn bó lâu dài giữa các cá nhân trong Công ty ngoài thời gian làm việc chuyên môn.





RỦI RO PHÁP LUẬT

SSI là một Công ty Chứng khoán hoạt động trong môi trường kinh doanh trong đó hệ thống pháp luật đang trong quá trình hoàn chỉnh, số lượng văn bản pháp luật ban hành mỗi năm rất lớn và chính sách vĩ mô thay đổi linh hoạt trong từng giai đoạn ngắn hạn.

Trong điều kiện đó, một số rủi ro cụ thể có thể phát sinh bao gồm pháp luật thay đổi ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty; Công ty không kịp thời cập nhật sự thay đổi của pháp luật; hiểu sai hoặc vận dụng sai quy định của pháp luật trong từng trường hợp cụ thể,...

Để hạn chế những rủi ro mang tính luật pháp này, SSI thành lập Phòng Luật thực hiện chức năng của luật sư Công ty và sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thường xuyên của văn phòng luật sư chuyên nghiệp. Phòng luật và các đơn vị tư vấn có trách nhiệm cập nhật các văn bản pháp quy mới ban hành cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận có liên quan, nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật trong giai đoạn dự thảo sắp được ban hành đến các hoạt động của Công ty để có sự chuẩn bị thích hợp. Đồng thời, bộ phận này cũng chịu trách nhiệm tham gia vào quá trình xây dựng văn bản pháp quy có liên quan mật thiết đến hoạt động của Công ty, bằng cách tham gia các buổi hội thảo lấy ý kiến, góp ý cho dự thảo văn bản pháp quy sắp ban hành, phối hợp cùng các đơn vị trong ngành, thành viên các hiệp hội ngành nghề để góp ý chương trình xây dựng pháp luật, góp ý cho các dự thảo văn bản pháp quy được lấy ý kiến, tổng kết các vướng mắc phát sinh từ việc áp dụng các quy định hiện tại để báo cáo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đề xuất giải pháp xử lý khả thi.

Thực tế, trong năm 2011, Công ty đã hoàn toàn chủ động điều chỉnh hoạt động phù hợp với các thay đổi về pháp luật và không để xảy ra thiệt hại nào vì nguyên nhân này.

QUẢN TRỊ RỦI RO

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2012

SSI hướng tới sự phát triển bền vững trong dài hạn. Việc phát triển thị trường và lợi nhuận phải nằm trong giới hạn an toàn cho Khách hàng, Cổ đông, các Đối tác và Cán bộ nhân viên của Công ty. SSI đang và sẽ giữ vị trí là một trong số các Công ty Chứng khoán có hệ thống Quản trị rủi ro chất lượng hàng đầu.

Hiện tại, SSI đang thực hiện xây dựng hệ thống Quản trị rủi ro dựa trên chương trình đào tạo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phối hợp với Dự án VIE026. Hệ thống được xây dựng sẽ bao quát mọi khía cạnh rủi ro của SSI.

Về mặt tổ chức, SSI tiếp tục phát triển bộ phận Quản trị rủi ro với phương châm độc lập, chuyên môn và linh hoạt. Hoạt động của bộ phận tận dụng tối đa nguồn nhân lực sẵn có với vai trò nổi bật của những nhân sự quản lý giàu kinh nghiệm, bên cạnh chức năng giám sát và tư vấn của bộ phận Quản trị rủi ro. Để đảm bảo an toàn cho các hoạt động hàng ngày, Quản trị rủi ro đã và sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng để SSI duy trì vị thế hiện tại và phát triển vững chắc trong tương lai.





V

YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG

- Công nghệ thông tin 74
- Quản trị nguồn nhân lực 78
- Quan hệ Nhà Đầu tư 80
- Văn hoá doanh nghiệp 82
- Trách nhiệm cộng đồng 84

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Những khó khăn của thị trường năm 2011 đã đặc biệt đặt ra những thách thức lớn cho các hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) nói chung: làm sao hệ thống phải được vận hành liên tục, an toàn và hiệu quả, làm sao quản lý rủi ro và tuân thủ tốt nhất có thể và làm sao vẫn phải tiếp tục phát triển đưa những sản phẩm và dịch vụ mới đến nội tại doanh nghiệp cũng như khách hàng trong khi nguồn lực đầu tư bị giới hạn? Năm 2011, hệ thống công nghệ thông tin SSI đã có những bước chuyển mình cơ bản để nhanh chóng đổi mới với những thách thức đó, đồng thời đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển mạnh mẽ trong năm 2012 và tương lai.



CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Tái cấu trúc để có một tổ chức nhân sự gọn nhẹ nhưng chuyên môn hóa cao

Lấy yếu tố con người làm trọng tâm, SSI liên tục tinh lọc bộ máy, xây dựng đội ngũ CNTT chất lượng cao. Từng vị trí công việc được gắn với quy trình và trách nhiệm cụ thể đến từng chi tiết nhỏ nhất đảm bảo tính tuân thủ và trách nhiệm. Đồng thời hiệu quả công việc cũng được lượng hóa bằng những thước đo cụ thể nhằm nâng cao tính cạnh tranh, đánh giá hiệu suất và sàng lọc. Song song với việc đặt tuân thủ chặt chẽ lên hàng đầu, môi trường CNTT cũng luôn được chú trọng, liên tục làm mới thông qua đào tạo chuyên đề kỹ thuật nội bộ hay hội thảo cùng các đối tác hàng đầu để nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật những thông tin công nghệ mới và khuyến khích phát huy tính sáng tạo tối đa.

Duy trì hệ thống hạ tầng ổn định, bảo mật, an toàn đáp ứng đầy đủ nhu cầu cho các hoạt động kinh doanh hàng ngày

Hệ thống máy chủ, các thiết bị hạ tầng và các đường truyền kết nối liên tục được nâng cấp và hiện đại hóa nhằm đáp ứng nhu cầu không chỉ hiện tại mà còn sẵn sàng cho việc mở rộng trong tương lai. Trong năm 2011, SSI đã đưa vào vận hành hệ thống giám sát và điều khiển trung tâm nhằm theo dõi chặt chẽ mọi phần tử CNTT trên hệ thống. Hệ thống cảnh báo tích hợp theo dõi sức khỏe hệ thống 24/7 và tự động gửi cảnh báo cho người quản trị khi có hiện tượng bất thường xảy ra, giảm thiểu mọi ảnh hưởng trực tiếp, rủi ro xảy ra đối với hoạt động kinh doanh, qua đó có thể gián tiếp ảnh hưởng tới khách hàng.

Với đặc thù hoạt động trong ngành chứng khoán, SSI sở hữu những thông tin vô cùng quan trọng về thông tin cá nhân cũng như giao dịch của khách hàng. Đặt mục tiêu bảo vệ nhưng thông tin này là yếu tố sống còn của Công ty, song song với việc thực hiện các quy trình ngặt nghèo về sao lưu và khôi phục dữ liệu hệ thống liên tục được rà soát về độ an toàn liên quan đến những lỗ hổng bảo mật, nguy cơ tấn công hay virus. Các thiết bị bảo mật như tường lửa (firewall) hay hệ thống phòng chống virus liên tục được cập nhật và nâng cấp đảm bảo phát huy tối đa khả năng phòng chống. Theo định kỳ, SSI kết hợp cùng những đối tác bảo mật hàng đầu để đánh giá toàn diện hệ thống và hoạch định chiến lược bảo mật.

Năm 2011, SSI đã đi tiên phong và triển khai thành công hệ thống phòng chống thảm họa cho hệ thống giao dịch. Với hệ thống dự phòng chạy song song thời gian thực cùng hệ thống chính, SSI đã có khả năng hoạt động không gián đoạn trong trường hợp xấu nhất có thể xảy ra. SSI sẽ ban hành qui chế Tính liên tục trong kinh doanh (BCP - Business Continuity Planning) đáp ứng chuẩn mực của các định chế tài chính hàng đầu thế giới trong năm 2012.

Nâng cấp, phát triển hệ thống công nghệ hiện đại, đảm bảo hỗ trợ tối đa sự tăng trưởng của SSI

Hệ thống giao dịch chứng khoán đã được nâng cấp toàn diện trong năm 2011, đưa hiệu suất và năng lực xử lý hệ thống lên gấp đôi. Hệ thống phần mềm cũng luôn được phát triển và cập nhật liên tục, đảm bảo tính ổn định, linh hoạt trong việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đến khách hàng. SSI luôn là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên tuân thủ và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn khi có nâng cấp, chỉnh sửa hay sản phẩm mới từ UBCK, các Sở Giao Dịch, Trung tâm Lưu ký và các đơn vị liên quan khác.

Năm 2011, các hệ thống phục vụ khách hàng giao dịch tại SSI cũng liên tục được nâng cấp và thêm mới. Hệ thống SmartTrading, Web Trading, Contact Center và



SMS được cung cấp thêm nhiều chức năng và tiện ích giúp khách hàng giao dịch nhanh chóng, an toàn và hiệu quả. Năm 2012, SSI xác định chiến lược tiếp tục chú trọng vào việc cung cấp các giải pháp tích hợp và đồng bộ tới khách hàng.

Để khai thác thế mạnh của công nghệ tin điện tử trong việc quảng bá sản phẩm dịch vụ và công bố thông tin tài chính, website SSI luôn được chú trọng nâng cấp cả về giao diện, nội dung cũng như tốc độ truy cập với tiêu chí thân thiện với người sử dụng, nâng cao tiện ích cũng như nhanh chóng và chính xác trong việc công bố thông tin. Ngoài nhiệm vụ là một trang thông tin điện tử của Công ty, website SSI cung cấp những công cụ, báo cáo phân tích hỗ trợ cho Nhà Đầu tư đưa ra quyết định, và là cửa ngõ của các dịch vụ giao dịch điện tử SSI.

Không chỉ chú trọng vào việc đem lại những giá trị thiết thực đến khách hàng của mình, SSI cũng xác định công nghệ thông tin là xương sống cho hoạt động nội tại của doanh nghiệp. Hàng loạt các dự án đã được triển khai thành công trong năm 2011 như: hợp nhất Domain, triển khai Exchange, Intranet trên nền Microsoft Sharepoint và hệ thống ERP Oracle Finance đã giúp SSI hoạt động rất hiệu quả. Với những nền móng đã được xây dựng vững chắc, năm 2012 và những năm tiếp theo SSI sẽ tận dụng khai thác sức mạnh các ứng dụng trên đó để đưa lại những giá trị vượt trội cho doanh nghiệp và khách hàng.

Tối ưu hóa quy trình, tự động hóa tối đa hệ thống và đưa việc liên tục đánh giá rủi ro vào quy chế giúp quản lý rủi ro chặt chẽ

Với hệ thống công nghệ liên tục được chỉnh sửa, nâng cấp và thêm mới, việc liên tục đánh giá lại những rủi ro để đưa ra những biện pháp phòng chống là then chốt để kiểm soát. Năm 2012, IT sẽ đưa việc liên tục đánh giá rủi ro vào quy chế công nghệ thông tin để đảm bảo tính tuân thủ cao nhất trong thực hiện công việc quan trọng này.

Mỗi công việc cho dù nhỏ nhất được thiết lập quy trình và tối ưu hóa nhằm giảm thiểu tối đa sự phụ thuộc vào cá nhân ở vị trí đó giúp giảm thiểu rủi ro vận hành hệ thống. Cơ chế nhân sự dự phòng được thiết lập và được kiểm chứng định kỳ thông qua chính sách bắt buộc của Công ty.

Năm 2011 đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ trong việc IT hóa và tự động hóa các quy trình nghiệp vụ tại SSI. Việc tự động hóa cao đã giúp SSI thực hiện được những nghiệp vụ đòi hỏi dữ liệu giao dịch, lưu ký, ngân hàng đa chiều giúp kiểm soát rủi ro chặt chẽ. Năm 2012, IT tiếp tục xác định đây là mũi nhọn để phát triển và hoàn thiện.

Cơ chế Quản trị Công nghệ Thông tin

Với vai trò chiến lược đã đặt ra, SSI tiếp tục phát huy sức mạnh của Hội đồng Công nghệ thông tin với chức năng hoạch định các chiến lược phát triển Công nghệ thông tin, ra các quyết định đầu tư đối với các dự án IT trọng điểm và các vấn đề quản trị, nhân sự liên quan.

Hội đồng Công nghệ thông tin cũng thực hiện vai trò giám sát triển khai, đánh giá hiệu quả các dự án thực hiện, hỗ trợ Giám đốc Công nghệ thông tin (CIO) trong các nhiệm vụ quản lý, vận hành bộ máy tổ chức, nhân sự IT và giải quyết các vướng mắc trong quá trình vận hành, triển khai dự án.



QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Nhận thức rõ giá trị cốt lõi của doanh nghiệp nằm ở đội ngũ nhân viên, SSI luôn chú trọng xây dựng các chính sách nhân sự toàn diện nhằm tạo môi trường làm việc hiệu quả, công bằng, có trách nhiệm và phát huy tính sáng tạo. Trong năm 2011, SSI đã triển khai cải cách công tác quản lý nhân sự mạnh mẽ với các điểm nhấn như sau:



QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Đầu tư vào công tác tuyển dụng, kiện toàn chính sách đào tạo và đãi ngộ phù hợp nhằm thu hút và phát triển nhân tài

Công tác tuyển dụng tại SSI luôn tuân thủ theo quy trình chặt chẽ, với các tiêu chí đánh giá được thiết kế phù hợp với từng vị trí. Xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh doanh, trong năm 2011, SSI đã tuyển thêm 61 nhân viên có trình độ học vấn cao, tốt nghiệp các trường đại học uy tín trong và ngoài nước và đã đạt được đủ các chứng chỉ hành nghề và chứng chỉ chuyên môn về tài chính.

Để nắm bắt và hòa nhập nhanh vào môi trường làm việc, ngay từ những ngày đầu, các nhân sự mới được tham gia các khóa đào tạo hội nhập để hiểu rõ cơ cấu tổ chức và hoạt động SSI, thương hiệu SSI, những quy định nội bộ và quy trình tác nghiệp liên quan đến vị trí làm việc. Ngoài các khóa đào tạo kiến thức chuyên môn đặc thù và các chứng chỉ hành nghề bắt buộc của cơ quan quản lý nhà nước, SSI khuyến khích và có chính sách hỗ trợ nhân viên thi các chứng chỉ chuyên môn về Tài chính quốc tế như CFA, ACCA cũng như các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng mềm cho nhân viên như Kỹ năng giao tiếp hiệu quả, Kỹ năng thuyết trình, Kỹ năng đàm phán, v.v... Đặc biệt, trong năm 2011, SSI đã tổ chức khóa đào tạo Kỹ năng bán hàng chuyên nghiệp cho đội ngũ nhân viên môi giới để nâng cao khả năng chăm sóc khách hàng. Bên cạnh đó, SSI đề cao vai trò tự đào tạo của mỗi cá nhân, khuyến khích các cá nhân dành thời gian nghiên cứu, nâng cao kiến thức cũng như tích lũy kinh nghiệm.

Triển khai đánh giá vị trí và kiện toàn hệ thống cấp bậc nội bộ trên toàn hệ thống theo chuẩn quốc tế (Mercer IPE) và cải thiện chính sách chi trả thu nhập

Trong năm 2011, SSI đã triển khai và hoàn thiện Dự án xây dựng cấu trúc lương mới dựa trên kết quả đánh giá vị trí theo phương pháp của Mercer. Theo đó, hệ thống cấp bậc nội bộ được kiện toàn theo chuẩn quốc tế giúp cho việc quản lý các chính sách nhân sự và phúc lợi hiệu quả hơn. Công ty đã tiến hành điều chỉnh chính sách chi trả dựa trên các phân tích độc lập về tình hình chi trả thu nhập tại SSI so với thị trường lao động và đặc biệt là ngành dịch vụ tài chính năm 2010-2011. Nhờ đó, chính sách chi trả thu nhập đã gắn liền với yêu cầu công việc và giá trị công việc, đảm bảo công bằng nội bộ đồng thời giúp SSI nâng cao tính cạnh tranh về lương trên thị trường.

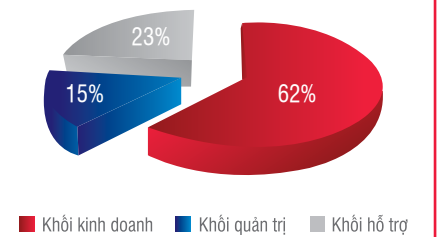
Với mục tiêu xây dựng văn hóa hiệu quả, SSI đã cải thiện hệ thống đánh giá hiệu quả công việc, để đảm bảo ghi nhận các đóng góp của nhân viên đồng thời chỉ ra những điểm cần khắc phục, các kỹ năng còn thiếu sót để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp giúp nhân viên có thể tự hoàn thiện trong các năm tới. Kết quả đánh giá là căn cứ áp dụng các chính sách đãi ngộ như lương, thưởng và đề bạt thăng tiến một cách công bằng, khuyến khích những cá nhân nỗ lực đạt được thành tích tốt, góp phần vào sự phát triển của SSI.

Cải thiện chế độ phúc lợi

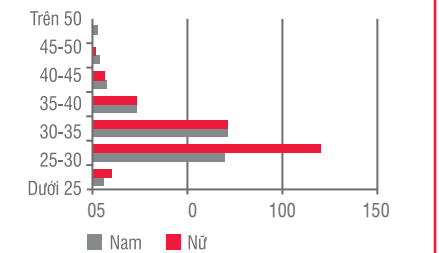
SSI vẫn tiếp tục duy trì chế độ bảo hiểm sức khỏe cao cấp cho nhân viên với quyền lợi và phạm vi bảo hiểm tốt giúp nhân viên có thể yên tâm trong công tác.

Trong năm 2011, SSI triển khai chương trình phát hành cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt nhằm mục đích thu hút, duy trì và thúc đẩy những cán bộ, nhân viên trong Công ty có năng lực, có thời gian công hiến và gắn bó lâu dài với SSI. Ngoài ra, chương trình cũng giúp gắn kết hiệu quả lao động của cán bộ, nhân viên với lợi ích chung và sự phát triển của SSI, cùng chia sẻ thành công với SSI hiện tại cũng như trong tương lai.

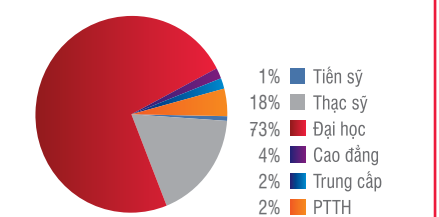
Thông kê số lượng nhân viên theo khối



Biểu đồ nhân sự theo tỷ lệ giới tính & độ tuổi



Thông kê trình độ học vấn



QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

SSI trân trọng giá trị đầu tư vào công ty của các Cổ đông và nhận thức rõ trách nhiệm cung cấp thông tin cho Cổ đông và Nhà Đầu tư một cách minh bạch, chính xác, đầy đủ, kịp thời. SSI hiểu rằng việc tăng cường trao đổi thông tin giúp cho Nhà Đầu tư hiểu rõ hơn về hoạt động của mình và hạn chế rủi ro phát sinh tin đồn thất thiệt làm ảnh hưởng đến hình ảnh của SSI. Chính vì vậy, SSI đánh giá cao vai trò quan trọng của hoạt động Quan hệ Nhà Đầu tư và triển khai nhiều hình thức để đẩy mạnh hoạt động này.



QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Chủ động cập nhật thông tin cho Nhà Đầu tư một cách chính xác, kịp thời

Mục Quan hệ Nhà Đầu tư trên website Công ty là nơi cung cấp tất cả các thông tin, tài liệu về SSI bao gồm các thông tin được công bố, dữ liệu về tài chính, các báo cáo thường niên, tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông qua các năm, biên động giá cổ phiếu và lịch sử giá cổ phiếu SSI... những văn bản quan trọng của SSI như Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Báo cáo quản trị công ty,... Những thông tin trên được cập nhật thường xuyên bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh để đảm bảo Nhà Đầu tư trong nước và nước ngoài quan tâm đều có thể theo dõi và tìm hiểu.

Báo cáo thường niên là tài liệu bắt buộc thực hiện đối với các công ty niêm yết. Bản thân SSI rất nỗ lực xây dựng Báo cáo chuyên nghiệp nhất, đầy đủ thông tin chính xác với mục tiêu truyền tải đến Nhà Đầu tư bức tranh toàn cảnh về hoạt động kinh doanh của SSI trong một năm qua và định hướng hoạt động trong năm tiếp theo. Sự nỗ lực của SSI được chứng minh bằng 2 năm liền SSI đoạt giải "Báo cáo thường niên xuất sắc nhất". Báo cáo được thể hiện bằng 2 phiên bản tiếng Anh và tiếng Việt, được cung cấp tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Công ty hoặc gửi trực tiếp tới Nhà Đầu tư khi có yêu cầu. Bản mềm của Báo cáo thường niên được đăng tải tại website của Công ty để Nhà Đầu tư có thể tìm đọc.

Đẩy mạnh hoạt động trao đổi thông tin hai chiều với Nhà Đầu tư

Bên cạnh việc chủ động cung cấp thông tin đến Nhà Đầu tư thông qua website và các ấn phẩm do Công ty thực hiện, SSI tăng cường các hoạt động trao đổi thông tin hai chiều với Nhà Đầu tư.

Đại hội đồng Cổ đông thường niên hàng năm là dịp gặp gỡ, trao đổi thẳng thắn giữa Ban Điều hành và Cổ đông về tình hình hoạt động kinh doanh, chiến lược phát triển của SSI. Là một Công ty đại chúng có phần sở hữu của Cổ đông nước ngoài chiếm gần 49% vốn điều lệ, SSI chuẩn bị tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt kèm theo phiên dịch tại buổi họp nhằm giúp cổ đông nước ngoài tham dự đại hội theo dõi được diễn biến nội dung cuộc họp. Thông tin về SSI còn được cung cấp trong các buổi trao đổi, gặp gỡ giữa Công ty và Nhà Đầu tư diễn ra nhiều lần trong năm dưới hình thức các buổi hội thảo, tọa đàm hoặc phỏng vấn với đại diện Công ty.

Nhà Đầu tư ngoài việc tìm hiểu về Công ty qua các tài liệu SSI cung cấp còn có thể gửi câu hỏi trực tiếp đến Công ty thông qua email của bộ phận phụ trách Quan hệ Nhà Đầu tư, hoặc yêu cầu Công ty sắp xếp cuộc gặp giữa Nhà Đầu tư với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc. Các quyền của Cổ đông như trên đều được Công ty cụ thể hóa trong quy chế Quản trị Công ty, được đăng tải rộng rãi trên website Công ty để Nhà Đầu tư nắm được thông tin và thực hiện. Trong năm 2011, SSI đã giải đáp mọi thắc mắc của Nhà Đầu tư về Công ty được gửi qua hình thức email và không nhận được bất kỳ yêu cầu nào về việc thu xếp các cuộc gặp trực tiếp giữa Nhà Đầu tư với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hoặc yêu cầu xem xét, trích lục tài liệu do SSI cung cấp.

Đầu mối cung cấp thông tin chính thức và tiếp nhận yêu cầu của Nhà Đầu tư về SSI, bao gồm:

- Người công bố thông tin chính thức: Ông Nguyễn Hồng Nam, Phó Tổng Giám đốc
- Website SSI: www.ssi.com.vn
- Email bộ phận phụ trách quan hệ Nhà Đầu tư: investorrelation@ssi.com.vn
- Văn phòng Công ty tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.



VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Qua 12 năm xây dựng và phát triển, SSI đã tạo lập được những nét riêng trong văn hóa doanh nghiệp, hình thành nên những giá trị cốt lõi của con người SSI. Những giá trị đó luôn được đề cao và hiện hữu trong mọi hoạt động hàng ngày và là nền tảng đưa SSI vượt qua những khó khăn, hướng tới phát triển bền vững trong tương lai.



VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Tinh thần đồng đội, chia sẻ, hợp tác và tính trách nhiệm là những nét văn hóa chủ đạo của Công ty

SSI đề cao tinh thần đồng đội, làm việc theo nhóm để nâng cao hiệu quả công việc. Mỗi cá nhân trong nhóm có những điểm mạnh, điểm yếu khác nhau, cùng nhau thể hiện ý tưởng của mình, cùng thảo luận để đưa ra các sáng kiến phù hợp. Mỗi cán bộ, nhân viên SSI được giao chuyên trách những mảng công việc cụ thể, chịu trách nhiệm với công việc đảm nhận. SSI hiểu rõ một tập thể thực sự vững mạnh phải được hình thành trên tinh thần hợp tác, chia sẻ, cùng chung định hướng phát triển của mỗi cá nhân, mỗi bộ phận trong tập thể đó.

Việc chia sẻ thông tin hai chiều giữa Lãnh đạo và Nhân viên SSI được khuyến khích tối đa thông qua các cuộc trưng cầu nội bộ, hình thức gửi mail trực tiếp, bình chọn trực tuyến hoặc thông qua mạng nội bộ. Cán bộ, nhân viên các cấp có thể bày tỏ ý kiến trực tiếp với Lãnh đạo về các hoạt động thường ngày, đóng góp các sáng kiến giúp SSI hoạt động hiệu quả hơn. Thông qua những sáng kiến đóng góp, Ban Lãnh đạo SSI xây dựng các chương trình hành động phù hợp. Bản thân Lãnh đạo SSI cũng thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh, các chính sách mới đến cán bộ, nhân viên qua hình thức gửi email và các buổi họp tổng kết định kỳ.

Trong năm 2012, bên cạnh các hoạt động đã thực hiện, SSI đặt kế hoạch xây dựng thêm các kênh thông tin nội bộ để mở rộng cơ hội trao đổi thông tin giữa mọi thành viên trong SSI.

Duy trì đời sống văn hóa tinh thần phong phú trong Công ty

SSI duy trì Chương trình gặp gỡ thường niên để nhìn lại một năm hoạt động, hướng tới mục tiêu năm kế tiếp, và là dịp để toàn thể nhân viên SSI trên mọi miền đất nước gặp mặt, trao đổi trực tiếp, tham gia các hoạt động tập thể, thể hiện năng khiếu nghệ thuật. Ngoài chương trình chung của cả SSI, các Khối, bộ phận được khuyến khích tăng cường các hoạt động giao lưu nhóm riêng nhằm mục tiêu gắn kết tinh thần đồng đội trong từng nhóm nhỏ và trong cả SSI.

Ngoài giờ làm việc, nhân viên SSI tích cực tham gia hoạt động thể thao để tăng tính giao lưu giữa các bộ phận, góp phần đẩy mạnh phong trào trong Công ty cũng như trong ngành. Trong năm 2011, SSI tham gia nhiều chương trình thi đấu giao hữu bóng đá giữa Công ty với các công ty chứng khoán cùng ngành, các ngân hàng thương mại và các đơn vị ban ngành khác.

Chăm lo và đảm bảo tối đa lợi ích của nhân viên

Ngoài việc mang đến cho nhân viên mức thu nhập cạnh tranh, đảm bảo các quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật, SSI tăng cường công tác chăm lo sức khỏe và đời sống của nhân viên thông qua các chương trình riêng do Công ty thực hiện. Kiểm tra sức khỏe toàn diện cho nhân viên toàn Công ty là hoạt động được thực hiện định kỳ hàng năm. Bên cạnh đó, SSI mang đến cho tất cả nhân viên chính sách bảo hiểm y tế đặc biệt với mức bảo hiểm cao.



TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG

Một trong chín tôn chỉ hoạt động của SSI chính là “Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng”. Với tôn chỉ đó, trong nhiều năm qua, SSI đã xây dựng được những chương trình phát triển giáo dục, thể chất cho thế hệ trẻ, cũng như chung tay cùng cộng đồng để góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp hơn.



TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG

Dự án xây dựng trường học kiên cố đồng thời kết hợp làm nơi tránh lũ tại tỉnh Hà Tĩnh

Trong năm 2011, dự án lớn nhất và xuyên suốt của SSI chính là việc thực hiện ý tưởng xây dựng trường học kiên cố đồng thời kết hợp làm nơi tránh lũ cho nhân dân khi xảy ra mưa lũ thiên tai tại bốn huyện Hương Khê, Hương Sơn, Vũ Quang và Đức Thọ thuộc tỉnh Hà Tĩnh. Dự án này đã được tiến hành với sự giám sát chặt chẽ của SSI từ những tháng cuối năm 2010.

Và với nỗ lực không ngừng, vào ngày 23 tháng 08 năm 2011, công trình tại bốn huyện này đã được khánh thành. Tại lễ khánh thành, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh đã trao Bằng khen cho SSI trong việc hỗ trợ nhân dân Hà Tĩnh khắc phục hậu quả lũ lụt năm 2010. Với trang bị đầy đủ về cơ sở vật chất, các em học sinh cũng như người dân tại các vùng khó khăn hay gặp phải thiên tai này có thể yên tâm sinh sống trong những điều kiện tốt nhất.

Bên cạnh đó, trong đợt đi này, đoàn cán bộ nhân viên SSI cũng đã đến thăm trường mẫu giáo Hòa Hải, huyện Hương Khê - một trong bốn trường học được xây mới và tặng một số đồ dùng học tập, đồ chơi để giúp các cháu có những điều kiện học tập, phát triển tốt nhất.

Các dự án chung tay cùng cộng đồng khác

- Tiếp tục phát động các phong trào quyên góp giúp đỡ các bệnh nhân gặp khó khăn tại bệnh viện Việt Đức, Viện Bỏng Quốc gia, Trung tâm Ung bướu, Bệnh viện nhân dân Gia Định...
- Tiếp tục tham gia các hoạt động đóng góp từ thiện có ý nghĩa: đóng góp cho chương trình Hỗ trợ giáo dục Mùa Căng Chải, Quỹ bảo trợ trẻ em Quận 1 (TP. HCM), các chương trình của Hội người mù Việt Nam, các đêm ca nhạc từ thiện,...
- Tiếp tục truyền thông trao quà vào cuối năm cho những hộ gia đình khó khăn.
- Tài trợ việc xây dựng Trung tâm giáo dục cộng đồng tại xã Quang Hán, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng.





VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG	88
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	90
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo Kiểm toán độc lập	91
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	92
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	96
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	98
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất	100
Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất	102

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB, do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động Kinh doanh chứng khoán số 03/GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 04 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 và đã chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 10 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đồng thời có các chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Vũng Tàu, Hải Phòng, Nha Trang và Quảng Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu/bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Được bầu lại ngày 28 tháng 04 năm 2010
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Được bầu lại ngày 24 tháng 04 năm 2009
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Được bầu ngày 21 tháng 04 năm 2007
Ông Alistair Marshall Bulloch	Ủy viên	Được bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2010 Được ĐHĐCĐ phê chuẩn ngày 28 tháng 04 năm 2011
Bà Đàm Bích Thuý	Ủy viên	Được bầu ngày 24 tháng 04 năm 2009
Ông Bùi Quang Nghiêm	Ủy viên	Được bầu ngày 24 tháng 04 năm 2009
Ông Yuichi Akai	Ủy viên	Được bầu ngày 28 tháng 04 năm 2010 Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2011
Ông Yoshio Urata	Ủy viên	Được bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2011

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu/bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng ban	Được bầu lại ngày 28 tháng 04 năm 2011
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên	Được bầu lại ngày 28 tháng 04 năm 2010
Bà Hồ Thị Hương Trà	Thành viên	Được bầu ngày 21 tháng 04 năm 2007

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu/ bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 03 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 09 năm 2003

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng, chức danh là Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và các công ty con trong từng năm tài chính tương ứng. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, các thông tư sửa đổi bổ sung và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 19 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60755007/15374503

Kính gửi: Các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) và các công ty con được trình bày từ trang 92 đến trang 144 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, các thông tư sửa đổi bổ sung và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Võ Tân Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0264/KTV

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 19 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Phương Nga
Kiểm toán viên phụ trách
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0763/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 Số trình bày lại
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.223.900.965.471	6.366.260.016.716
110	I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	4	1.945.764.811.547	2.969.211.607.544
111	1. Tiền		730.095.592.831	1.242.775.103.795
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.215.669.218.716	1.726.436.503.749
120	II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN		869.367.192.516	2.547.214.987.361
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6.1	1.053.037.748.335	2.663.571.961.736
122	2. Đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư	7	119.452.989.696	111.601.461.516
129	3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	6.2	(303.123.545.515)	(227.958.435.891)
130	III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN		397.623.486.933	833.140.464.747
131	1. Phải thu của khách hàng	8	291.054.053.897	701.200.855.316
132	2. Trả trước cho người bán	8	2.223.755.828	5.381.629.435
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	8	677.728	12.115.851
138	4. Các khoản phải thu khác	8	122.281.746.055	126.545.864.145
139	5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	9	(17.936.746.575)	-
150	IV. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	10	11.145.474.475	16.692.957.064
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		5.334.439.840	14.234.333.847
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		85.921.890	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	32	3.347.725.304	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		2.377.387.441	2.458.623.217
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.283.612.233.383	2.426.634.549.267
220	I. Tài sản cố định		165.128.640.442	179.887.068.428
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	35.668.894.339	40.419.238.801
222	Nguyên giá		97.855.281.879	89.554.391.895
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(62.186.387.540)	(49.135.153.094)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	128.541.196.863	128.833.600.459
228	Nguyên giá		154.196.831.839	145.785.353.179
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(25.655.634.976)	(16.951.752.720)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang		918.549.240	10.634.229.168
240	II. Bất động sản đầu tư	13	275.387.155.603	33.671.559.285
241	1. Nguyên giá		282.497.013.600	33.671.559.285
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(7.109.857.997)	-
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.772.963.610.114	2.159.596.487.905
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	14	1.062.004.865.058	567.438.087.550
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	6.1	1.128.856.979.464	1.439.817.191.957
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán		1.128.856.979.464	1.439.817.191.957
255	Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
258	4. Đầu tư dài hạn khác	6.1	749.788.390.000	226.171.390.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	6.2	(167.686.624.408)	(73.830.181.602)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		47.687.800.202	53.479.433.649
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	20.282.431.210	30.696.711.905
262	2. Tài sản thuê TNDN hoãn lại	31	8.330.545.610	5.532.841.362
263	3. Tiền nộp Quý hỗ trợ thanh toán	16	12.889.932.650	10.389.932.650
268	4. Tài sản dài hạn khác		6.184.890.732	6.859.947.732
269	V. Lợi thế thương mại		22.445.027.022	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.507.513.198.854	8.792.894.565.983

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 40 là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	Nguồn Vốn	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 Số trình bày lại
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.350.341.790.438	3.260.700.650.860
310	I. NỢ NGẮN HẠN		1.180.434.253.286	3.118.393.046.643
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	-	2.000.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		2.844.837.415	6.371.739.825
313	3. Người mua trả tiền trước	18	73.489.828.832	56.382.853.469
314	4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	19	5.642.394.016	26.349.567.740
315	5. Phải trả người lao động		19.057.374	24.348.181
316	6. Chi phí phải trả	20	6.182.323.553	69.046.222.196
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21	416.679.318.364	46.261.088.245
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	22	577.727.624.842	835.511.208.250
321	9. Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	23	6.476.918.423	4.261.464.657
322	10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		605.427.160	2.398.853.100
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24	90.064.800.637	69.431.253.766
328	12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		701.722.670	2.354.447.214
330	II. NỢ DÀI HẠN		169.907.537.152	142.307.604.217
333	1. Phải trả dài hạn khác	25	577.091.185	13.068.415.136
334	2. Vay và nợ dài hạn		-	-
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31	43.592.871.995	881.886.941
336	4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		3.233.478.696	3.759.653.696
341	5. Vốn nhận ủy thác đầu tư dài hạn	26	122.504.095.276	124.597.648.444
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	27	5.080.665.298.616	5.459.312.028.182
410	I. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.080.665.298.616	5.459.312.028.182
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.526.117.420.000	3.511.117.420.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		340.921.476.378	340.921.476.378
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		383.614.879	-
414	4. Cổ phiếu quỹ		(88.591.286.000)	(12.365.677.000)
416	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	6. Quỹ dự phòng tài chính và dự trữ pháp định		289.383.181.436	220.524.469.842
419	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	8. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		1.012.450.891.924	1.399.114.338.962
500	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	32	76.506.109.799	72.881.886.941
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.507.513.198.854	8.792.894.565.983

(*) Số trình bày lại liên quan đến việc bổ sung chi tiêu Doanh thu chưa thực hiện trên Bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn tại Thông tư 162/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2010 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2011 (Xem Thuyết minh 2.6 và 21).

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 40 là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	Chi tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
001	1. Tài sản cố định thuê ngoài	-	-
002	2. Vật tư, chứng chi có giá nhận giữ hộ	-	-
003	3. Tài sản nhận ký cược	-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
005	5. Ngoại tệ các loại	-	-
006	6. Chứng khoán lưu ký	12.020.499.450.000	11.820.316.310.000
	<i>Trong đó</i>		
007	6.1 Chứng khoán giao dịch	10.468.549.880.000	9.076.671.230.000
008	6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	442.902.530.000	765.510.730.000
009	6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	8.440.746.120.000	6.943.224.410.000
010	6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	1.584.901.230.000	1.367.936.090.000
011	6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
012	6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	427.008.780.000	2.100.775.920.000
013	6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	1.000.000.000	5.000.000.000
014	6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	420.463.780.000	2.074.807.380.000
015	6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	5.545.000.000	20.968.540.000
016	6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
017	6.3 Chứng khoán cầm cố	947.988.450.000	378.700.390.000
018	6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	-	-
019	6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	947.988.450.000	378.700.390.000
020	6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	-	-
021	6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	-	-
022	6.4 Chứng khoán tạm giữ	-	-
027	6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	168.833.120.000	246.968.100.000
028	6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	401.000.000	91.296.100.000
029	6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	167.869.720.000	150.535.200.000
030	6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	562.400.000	5.136.800.000
031	6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	-
032	6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
037	6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	8.119.220.000	17.200.670.000
038	6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
039	6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	3.962.860.000	16.716.960.000
040	6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	4.156.360.000	483.710.000
041	6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	-	-
042	6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	-	-
047	6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	Chi tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	303.065.520.000	191.936.160.000
	<i>Trong đó:</i>		
051	7.1 Chứng khoán giao dịch	302.130.730.000	190.637.660.000
052	7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	31.250.000	11.347.210.000
053	7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	291.003.630.000	173.917.160.000
054	7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	11.095.850.000	5.373.290.000
055	7.1.4 Chứng khoán giao dịch của của tổ chức khác	-	-
056	7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	405.190.000	522.900.000
057	7.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
058	7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	405.190.000	522.900.000
059	7.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
060	7.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
061	7.3 Chứng khoán cầm cố	309.600.000	309.600.000
066	7.4 Chứng khoán tạm giữ	-	-
071	7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	220.000.000	466.000.000
072	7.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
073	7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	220.000.000	466.000.000
074	7.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	-	-
075	7.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	-
076	7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
081	7.7 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	-	-
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	-	-
084	10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	-	-
TỔNG CỘNG TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG		12.323.564.970.000	12.012.252.470.000

Người lập

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt

Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 19 tháng 03 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 40 là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu	28	848.048.772.890	1.503.616.689.880
	Trong đó:			
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		96.005.005.216	176.043.714.129
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		227.702.451.908	710.010.595.072
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		6.420.000.000	13.140.023.320
01.4	- Doanh thu quản lý danh mục đầu tư cho người ủy thác đầu tư		18.328.050.969	19.811.488.075
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		38.076.296.310	108.242.078.334
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		2.487.230.802	2.421.084.957
01.7	- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	-
01.8	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		4.478.427.405	930.873.701
01.9	- Doanh thu khác		454.551.310.280	473.016.832.292
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28	5.850.000	250.000.000
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	28	848.042.922.890	1.503.366.689.880
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	29	656.773.739.348	592.325.572.635
	Trong đó:			
	- Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán		487.752.186.918	406.339.977.085
	- Chi phí dự phòng chứng khoán		169.021.552.430	185.985.595.550
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		191.269.183.542	911.041.117.245
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	27.938.858.746	11.145.589.606
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		163.330.324.796	899.895.527.639
31	8. Thu nhập khác		553.902.871	5.826.330.656
32	9. Chi phí khác		680.706.469	5.638.799.981
40	10. Lợi nhuận/(Lỗ) khác		(126.803.598)	187.530.675
41	11. Lợi nhuận/(Lỗ) từ các công ty liên kết	14	(36.599.141.321)	2.736.427.943
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		126.604.379.877	902.819.486.257
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	3.937.863.518	195.700.683.962
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31	39.913.280.804	17.649.799.417

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 40 là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		82.753.235.555	689.469.002.878
61	16. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	32	3.624.222.810	881.886.941
62	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ		79.129.012.745	688.587.115.937
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	227	1.982

Người lập

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 19 tháng 03 năm 2012

Người phê duyệt

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt

Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 40 là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN				
01	1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		126.604.379.877	902.819.486.257
	2. Điều chỉnh cho các khoản		177.342.019.957	(264.214.675.780)
02	Khấu hao tài sản cố định		31.684.925.138	22.079.250.762
03	Các khoản lập dự phòng		186.958.299.005	185.985.595.550
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(94.937.598)	4.692.095.549
05	Lãi lỗ hoạt động đầu tư		(59.784.044.364)	(541.749.415.450)
06	Chi phí lãi vay		18.577.777.776	64.777.797.809
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		303.946.399.834	638.604.810.477
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		390.332.648.163	(520.433.692.386)
10	Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn		1.036.658.022.705	(1.207.906.296.852)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(36.359.436.956)	(562.771.659.083)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		19.258.359.982	(33.486.758.656)
13	Tiền lãi vay đã trả		(80.975.944.421)	(30.372.378.398)
14	Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(22.900.576.918)	(230.330.622.825)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.500.000	20.900.000
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(30.070.439.246)	(41.881.240.175)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.579.896.533.143	(1.988.556.937.898)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(263.542.218.009)	(69.145.751.017)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		901.636.358	4.953.545.455
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(12.500.000.000)	(49.273.190.684)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		38.610.684.983	20.808.931.503
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(466.671.076.887)	(652.820.981.370)

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 40 là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		387.760.777.945	1.164.542.233.334
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		130.279.911.870	151.333.746.803
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(185.160.283.739)	570.398.534.024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		15.000.000.000	963.585.000
	Nhận góp vốn từ cổ đông thiểu số		-	72.000.000.000
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(85.816.286.000)	(2.775.000.000)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		60.000.000.000	2.000.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.060.000.000.000)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(347.461.697.000)	(328.127.562.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.418.277.983.000)	1.742.061.022.250
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.023.541.733.596)	323.902.618.376
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	2.969.211.607.544	2.650.001.084.717
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		94.937.598	(4.692.095.549)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	1.945.764.811.547	2.969.211.607.544

Người lập



Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 19 tháng 03 năm 2012

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 40 là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
		Ngày 01/01/2010	Ngày 01/01/2011	Năm 2010		Năm 2011		Ngày 31/12/2010	Ngày 31/12/2011
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	27	1.533.334.710.000	3.511.117.420.000	1.977.782.710.000	-	15.000.000.000	-	3.511.117.420.000	3.526.117.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	27	2.095.966.265.902	340.921.476.378	513.920.476	(1.755.558.710.000)	-	-	340.921.476.378	340.921.476.378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	383.614.879	-	-	383.614.879
4. Cổ phiếu quỹ	27	(449.664.524)	(12.365.677.000)	(12.365.677.000)	449.664.524	(76.225.609.000)	-	(12.365.677.000)	(88.591.286.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính và dự trữ pháp định	27	140.116.480.248	220.524.469.842	80.407.989.594	-	68.858.711.594	-	220.524.469.842	289.383.181.436
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	27	1.049.533.539.162	1.399.114.338.962	688.728.798.534	(339.147.998.730)	81.058.284.480	(467.721.731.467)	1.399.114.338.962	1.012.450.891.924
TỔNG CỘNG	27	4.818.501.330.788	5.459.312.028.182	2.735.067.741.604	(2.094.257.044.206)	89.075.001.952	(467.721.731.467)	5.459.312.028.182	5.080.665.298.616

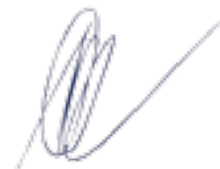
Người lập



Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 19 tháng 03 năm 2012

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH

CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB, do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 03/GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 04 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 và đã chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 10 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đồng thời có các chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Vũng Tàu, Nha Trang và Quảng Ninh.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 1999 là 6.000.000.000 đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng vốn điều lệ của Công ty theo giấy phép điều chỉnh gần nhất số 322/UBCK-GP của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 05 năm 2010 là 3.511.117.420.000 đồng Việt Nam.

Trong tháng 12 năm 2011, Công ty đã thực hiện chào bán 1.500.000 cổ phiếu cho các cán bộ chủ chốt của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2011 và các quyết định liên quan ban hành bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty. Sau đợt chào bán, nguồn vốn kinh doanh của Công ty tăng 15.000.000.000 đồng Việt Nam. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty chưa nhận được giấy phép điều chỉnh mới cho đợt phát hành cổ phiếu bổ sung này, nên tổng vốn điều lệ của Công ty vẫn giữ nguyên so với thời điểm trước khi phát hành cổ phiếu bổ sung tháng 12 năm 2011.

Mạng lưới Hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có một (01) trụ sở chính, một (01) chi nhánh và hai (02) phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh, hai (02) chi nhánh và một (01) phòng giao dịch tại Hà Nội, một (01) chi nhánh tại Hải Phòng, một (01) chi nhánh tại Vũng Tàu, một (01) chi nhánh tại Nha Trang và một (01) chi nhánh tại Quảng Ninh.

CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM).	Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 03 tháng 08 năm 2007.	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.	30 tỷ đồng Việt Nam.	100%
Quỹ Đầu tư Thành viên SSI.	Thông báo về việc xác nhận thành lập quỹ thành viên số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 07 năm 2010.	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản.	360 tỷ đồng Việt Nam.	80%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có một (01) công ty con sở hữu gián tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn đầu tư tối đa	% sở hữu
Công ty Quốc tế SSI.	Số đăng ký SRV 090813396-4724807 ngày 27 tháng 08 năm 2009 tại bang Delaware, Mỹ. Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 249/BKH-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 03 tháng 07 năm 2009; và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 249/BKH-ĐTRNN-ĐC1 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31 tháng 08 năm 2010.	Đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ.	18,5 triệu đô la Mỹ.	80%, sở hữu gián tiếp thông qua Quỹ Đầu tư Thành viên SSI.

Công ty liên kết, liên doanh

Quỹ Tầm nhìn SSI

Năm 2007, Công ty đầu tư vào Quỹ Đầu tư Tầm nhìn SSI với tổng số vốn đầu tư là 485 tỷ đồng Việt Nam, chiếm 28,53% tổng giá trị vốn góp của Quỹ. Quỹ Tầm nhìn SSI là quỹ thành viên đóng với tổng giá trị vốn góp ban đầu là 1.700.000.000.000 đồng Việt Nam, có thời hạn hoạt động 5 năm và có khả năng gia hạn thêm 2 năm nữa, và được chấp thuận thành lập theo Thông báo xác nhận việc lập quỹ thành viên số 126/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2007. Trong năm 2010, Công ty đã mua thêm 16 triệu chứng chỉ quỹ từ Credit Suisse AG chi nhánh Singapore. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã sở hữu được 37,94% tổng giá trị vốn góp của Quỹ.

Công ty Cổ phần Thủy sản Bến Tre

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011, tổng giá trị khoản đầu tư của Công ty và các công ty con vào Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (mã chứng khoán ABT) là 139.825.864.611 đồng, chiếm 26,73% số lượng cổ phiếu ABT đang lưu hành. Công ty có ý định nắm giữ dài hạn khoản đầu tư này. Do đó, kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2011, khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết.

Trong quý 4 năm 2011, Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre đã mua thêm cổ phiếu quỹ. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tỉ lệ sở hữu của Công ty và các công ty con tại Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre là 28,45%. Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại

của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 136.072.070.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là chế biến xuất khẩu thủy sản; nhập khẩu vật tư hàng hóa; nuôi trồng thủy sản; kinh doanh nhà hàng và dịch vụ.

Công ty Cổ phần Thủy sản Hùng Vương

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng giá trị khoản đầu tư của Công ty và các công ty con vào Công ty CP Thủy sản Hùng Vương (mã chứng khoán HVG) là 381.165.255.115 đồng, chiếm 20,01% số lượng cổ phiếu HVG đang lưu hành. Công ty có ý định nắm giữ dài hạn khoản đầu tư này. Do đó, kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2011, khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết. Công ty CP Thủy sản Hùng Vương là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, vốn điều lệ của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 659.980.730.000 đồng. Ngành nghề kinh doanh chính bao gồm nuôi trồng, chế biến thủy sản xuất khẩu; sản xuất thức ăn thủy sản, gia súc, gia cầm; kinh doanh kho lạnh, kinh doanh địa ốc.

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng giá trị khoản đầu tư của Công ty và các công ty con vào Công ty CP Xuyên Thái Bình (mã chứng khoán PAN) là 36.954.806.246 đồng, chiếm 21,90% số lượng cổ phiếu PAN đang lưu hành. Công ty có ý định nắm giữ dài hạn khoản đầu tư này. Do đó, kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2011, khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào Công ty liên kết. Công ty CP Xuyên Thái Bình là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 115.500.000.000 đồng. Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm mua bán hóa chất (từ hóa chất có tính độc hại mạnh); đại lý ký gửi hàng hóa; dịch vụ vệ sinh nhà cửa; mua bán thiết bị vệ sinh công nghiệp; mua bán dụng cụ thiết bị ngành công nghiệp – lâm nghiệp – xây dựng; dịch vụ thương mại; lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghiệp, hàng điện tử (không rên đúc, cán kéo kim loại, đập, gò, hàn, sơn; si mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở); dịch vụ sửa chữa nhà; dịch vụ chống môi mọt, diệt côn trùng; dịch vụ trang trí nhà cửa, phong cảnh, vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú; kinh doanh bất động sản; dịch vụ quản lý nhà cao tầng, căn hộ; cho thuê xe ô tô.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 400 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 520 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống Kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính (thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000 của Bộ Tài chính), Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Công ty cũng lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 hàng năm.

2.4 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (công ty mẹ) và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.6 Trình bày lại số đầu kỳ

Công ty đã bổ sung chỉ tiêu Doanh thu chưa thực hiện trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư 162/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2010. Do đó, khoản mục này đã được phân loại lại từ các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác thành một khoản mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty và công ty con sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán trình bày dưới đây.

3.1.1. Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới trong các báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày trong Thuyết minh số 34.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính cũng như các khái niệm liên quan như được trình bày theo Thuyết minh số 34 trên các báo cáo tài chính hợp nhất chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

3.1.2. Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các công ty chứng khoán

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các công ty chứng khoán có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 162/2010/TT-BTC yêu cầu trình bày bổ sung báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cũng như một số các thuyết minh bổ sung khác.

Công ty đã áp dụng Thông tư 162 và bổ sung thêm các thuyết minh mới trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo. Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Tài sản cố định vô hình khác	5 - 7 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản. Thời gian khấu hao là 20 năm.

3.8 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các chứng khoán này được ghi nhận tiếp theo giá gốc trừ khoản lãi dồn tích trước ngày mua thực nhận, nếu có.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Dự phòng giảm giá trái phiếu được lập cho từng loại trái phiếu dựa trên những đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi của mỗi trái phiếu trong tương lai.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

3.10 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được Công ty phân bổ trong khoảng thời gian ba (03) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Danh sách công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 14.

3.11 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản/ chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu/ khoản phải trả chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá vốn chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp

cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.19 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 01 tháng 02 năm 2000 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VNĐ)
Tiền mặt	152.163.551	339.243.758
Tiền gửi ngân hàng	729.943.429.280	1.242.435.860.037
<i>Trong đó:</i>		
- Tiền gửi ngân hàng của Công ty	88.757.731.296	239.629.743.431
- Tiền của người ủy thác đầu tư	39.347.154.701	12.741.193.422
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (tiền ký quỹ của nhà đầu tư)	601.838.543.283	990.064.923.184
Các khoản tương đương tiền	1.215.669.218.716	1.726.436.503.749
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	1.215.669.218.716	1.726.436.503.749
- Tiền của người ủy thác đầu tư	-	-
	1.945.764.811.547	2.969.211.607.544

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (Đơn vị)	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (VNĐ)
Của Công ty chứng khoán	65.499.652	2.586.798.495.325
- Cổ phiếu	40.356.722	1.073.759.692.339
- Trái phiếu	14.435.050	1.472.348.858.986
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)	10.707.880	40.689.944.000
Của nhà đầu tư	2.194.096.271	55.109.028.916.344
- Cổ phiếu	2.103.510.825	48.219.909.010.710
- Trái phiếu	66.405.606	6.748.125.888.634
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)	24.179.840	140.994.017.000
	2.259.595.923	57.695.827.411.669

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**6.1 Tình hình đầu tư tài chính**

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty như sau:

Chi tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng	Giảm	
I. Đầu tư ngắn hạn					
Chứng khoán thương mại	48.217.355	1.052.561.099.307	15.286.727.179	(303.123.545.516)	764.724.280.970
Cổ phiếu niêm yết	44.540.705	873.223.160.334	15.286.727.179	(292.141.620.516)	596.368.266.998
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.017.150	93.173.000.000	-	(10.981.925.000)	82.191.075.000
Trái phiếu					
- Phần xác định được giá trị thị trường	-	-	-	-	-
- Phần không xác định được giá trị thị trường (*)	659.500	86.164.938.973	-	-	86.164.938.973
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	476.649.028	-	-	476.649.028
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	-	476.649.028	-	-	476.649.028
	48.217.355	1.053.037.748.335	15.286.727.179	(303.123.545.516)	765.200.929.998
II. Đầu tư chứng khoán dài hạn					
Chứng khoán sẵn sàng để bán	22.456.423	1.128.856.979.464	3.163.320.881	(166.853.124.408)	965.167.175.937
Cổ phiếu niêm yết	9.195.965	346.141.584.971	3.163.320.881	(133.643.284.762)	215.661.621.090
Cổ phiếu chưa niêm yết	6.355.458	87.791.294.397	-	(14.220.179.920)	73.571.114.477
Trái phiếu					
- Phần xác định được giá trị thị trường	600.000	63.298.865.753	-	(18.989.659.726)	44.309.206.027
- Phần không xác định được giá trị thị trường (*)	6.305.000	631.625.234.343	-	-	631.625.234.343
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	-
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-
Trái phiếu	-	-	-	-	-
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	32.622.499	749.788.390.000	-	(833.500.000)	748.954.890.000
Phần xác định được giá trị thị trường dựa trên giá trị tài sản ròng	22.355.499	226.171.390.000	-	(833.500.000)	225.337.890.000
- Công ty Xi măng Vissai Miền Trung	900.000	10.000.000.000	-	(833.500.000)	9.166.500.000
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	19.955.500	201.171.400.000	-	-	201.171.400.000
- Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	1.499.999	14.999.990.000	-	-	14.999.990.000
Phần không xác định được giá trị thị trường (*)	10.267.000	523.617.000.000	-	-	523.617.000.000
- Công ty CP Cao su Hoàng Anh Gia Lai	10.267.000	523.617.000.000	-	-	523.617.000.000
	55.078.922	1.878.645.369.464	3.163.320.881	(167.686.624.408)	1.714.122.065.937

(*) Giá trị thị trường của các chứng khoán không xác định được giá trị thị trường được trình bày theo giá trị ghi sổ kế toán do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng	Giảm	
I. Đầu tư ngắn hạn					
Chứng khoán thương mại	63.825.031	1.950.141.961.736	12.009.682.811	(227.958.435.891)	1.734.193.208.656
Cổ phiếu niêm yết	44.795.733	1.156.347.569.054	12.009.682.811	(219.948.936.180)	948.408.315.685
Cổ phiếu chưa niêm yết	12.908.423	571.005.729.998	-	(8.009.499.711)	562.996.230.287
Trái phiếu (*)	6.120.875	222.788.662.684	-	-	222.788.662.684
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	713.430.000.000	-	-	713.430.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	-	713.430.000.000	-	-	713.430.000.000
	63.825.031	2.663.571.961.736	12.009.682.811	(227.958.435.891)	2.447.623.208.656
II. Đầu tư chứng khoán dài hạn					
Chứng khoán sẵn sàng để bán	32.914.955	1.439.817.191.957	36.342.922.051	(73.830.181.602)	1.402.329.932.406
Cổ phiếu niêm yết	18.279.498	646.290.077.926	36.342.922.051	(61.649.284.780)	620.983.715.197
Cổ phiếu chưa niêm yết	7.855.457	111.103.013.936	-	(12.180.896.822)	98.922.117.114
Trái phiếu (*)	6.780.000	682.424.100.095	-	-	682.424.100.095
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	-
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-
Trái phiếu	-	-	-	-	-
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	22.355.499	226.171.390.000	-	-	226.171.390.000
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	19.955.500	201.171.400.000	-	-	201.171.400.000
- Công ty Xi măng Vissai Miền Trung	900.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	1.499.999	14.999.990.000	-	-	14.999.990.000
	55.270.454	1.665.988.581.957	36.342.922.051	(73.830.181.602)	1.628.501.322.406

(*) Giá trị thị trường của các chứng khoán không xác định được giá trị thị trường được trình bày theo giá trị ghi sổ kế toán do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản góp vốn của Công ty vào các đơn vị nhận đầu tư với mục tiêu nắm giữ dài hạn.

- ▶ Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Xăng dầu Petrolimex, tiền thân là Ngân hàng TMCP Đồng Tháp Mười, một Ngân hàng TMCP nông thôn thành lập năm 1993. Năm 2006, khi Ngân hàng này thực hiện tăng vốn cho mục đích chuyển đổi sang mô hình Ngân hàng TMCP đô thị, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã góp vốn vào Ngân hàng với tư cách cổ đông chiến lược và có một đại diện trong Hội đồng Quản trị của Ngân hàng. Hoạt động chính của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex là cung cấp các dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính có liên quan tại Việt Nam. Trong năm 2010, Công ty thực hiện góp thêm 99.777.500.000 đồng vào Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex trong đợt tăng vốn năm 2010 của Ngân hàng. Tỷ lệ sở hữu của Công ty sau khi mua thêm không thay đổi, và là 9,98%.
- ▶ Ngày 16 tháng 12 năm 2011, Công ty tham gia góp vốn vào Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai. Theo hợp đồng góp vốn, phần góp vốn của Công ty chiếm 2,62% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai. Các ngành sản xuất kinh doanh chính của Công ty này bao gồm: trồng cây cao su; trồng cây lâu năm khác; trồng rừng và chăm sóc rừng; bán buôn cao su; sản xuất và mua bán giống cây trồng; dịch vụ trồng trọt; sản xuất phân bón và hợp chất nitơ; mua bán thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; mua, bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); khai thác đá; mua, bán, ký gửi hàng hóa; mua, bán, xuất khẩu mù cao su có nguồn gốc hợp pháp, sản xuất, chế biến từ mù cao su; khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; khai thác và thu gom than bùn; khai thác quặng sắt, sản xuất kim loại màu và kim loại quý; sản xuất sắt thép gang.
- ▶ Khoản góp vốn vào Công ty Xi măng Vissai Miền Trung, tiền thân là Công ty Xây dựng và Đầu tư Đại Việt, được thực hiện năm 2007. Hoạt động chính của Công ty bao gồm: khai thác sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất, ngoại thất; thi công lắp đặt, hoàn thiện và trang trí nội ngoại thất cho các công trình xây dựng.
- ▶ Năm 2007, Công ty cũng thực hiện góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI với tư cách là Cổ đông sáng lập. Hiện tại, chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn cũng đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI. Hoạt động chính của Công ty bao gồm: kinh doanh nhà; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, cao ốc văn phòng; dịch vụ quản lý, cho thuê mặt bằng, văn phòng.

6.2 Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Chi tiêu	Số lượng	Giá trị ghi sổ	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị thị trường
Cổ phiếu niêm yết				
DAC	47.366	2.251.325.570	(1.351.371.570)	899.954.000
DBC	2.728.233	67.877.636.822	(33.774.724.322)	34.102.912.500
DCC	226.120	6.131.898.718	(3.983.758.718)	2.148.140.000
DTL	617.180	14.032.594.892	(4.528.022.892)	9.504.572.000
ELC	1.835.960	74.662.992.562	(16.830.252.562)	57.832.740.000
FPT	815.412	40.824.272.333	(472.914.549)	40.351.357.784
HAI	251.906	7.509.687.439	(1.463.902.991)	6.045.784.448
NSC	1.620.363	70.117.538.742	(3.744.901.289)	66.372.637.453
NSP	418.273	4.182.730.000	(3.513.493.200)	669.236.800
NTP	646.230	30.685.666.984	(9.553.945.984)	21.131.721.000
PDN	105.750	3.213.235.281	(104.185.281)	3.109.050.000
PRUBF1	4.754.730	30.164.291.773	(6.390.641.773)	23.773.650.000
SSC	1.845.924	62.566.430.675	(12.300.712.476)	50.265.718.199
SVC	1.401.372	43.394.760.568	(18.870.750.569)	24.524.009.999
TMT	2.500.238	65.813.021.526	(48.546.140.241)	17.266.881.285
VCS	1.743.992	52.897.804.468	(34.235.970.207)	18.661.834.261
VFMV4	14.226.250	124.687.062.241	(79.163.062.241)	45.524.000.000
VHL	142.439	7.860.558.847	(3.544.657.147)	4.315.901.700
VSH	2.000.000	25.843.964.013	(9.243.964.013)	16.600.000.000
Khác	599.354	21.246.448.295	(524.248.490)	20.722.199.805
	38.527.092	755.963.921.749	(292.141.620.516)	463.822.301.233
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Công ty CP E Den	199.650	4.650.000.000	(2.753.325.000)	1.896.675.000
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(1.905.600.000)	94.400.000
Công ty CP Kim Tự Tháp Pythis	190.000	3.268.000.000	(323.000.000)	2.945.000.000
Công ty CP Phân Lân Nung chày	2.000.000	53.000.000.000	(6.000.000.000)	47.000.000.000
	2.589.650	62.918.000.000	(10.981.925.000)	51.936.075.000
Trái phiếu				
	-	-	-	-
Tổng cộng			(303.123.545.516)	

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Chi tiêu	Số lượng	Giá trị ghi sổ	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị thị trường
Cổ phiếu niêm yết				
DCC	398.470	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
HAG	3.571.654	168.907.913.443	(99.260.660.445)	69.647.252.998
PDN	1.134.721	38.486.340.864	(5.125.543.464)	33.360.797.400
DBC	1.262.133	31.299.191.230	(15.522.528.730)	15.776.662.500
ELC	195.000	7.650.000.000	(1.507.500.000)	6.142.500.000
FPT	338.910	17.563.228.640	(719.401.640)	16.843.827.000
PVD	938.836	34.387.038.072	(3.216.930.976)	31.170.107.096
VNM	154.770	14.139.116.732	(751.511.732)	13.387.605.000
	7.994.494	323.757.501.755	(133.643.284.762)	190.114.216.994
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Công ty CP Việt Tín	6.299	6.654.826.397	(1.453.742.100)	5.201.084.297
Công ty CP Việt Thái	700.000	10.500.000.000	(452.200.000)	10.047.800.000
Công ty Cp Địa Ốc An Lạc	3.750.000	37.500.000.000	(637.500.000)	36.862.500.000
Công ty CP Kinh Vĩglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(9.344.000.000)	5.856.000.000
Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(2.177.997.820)	9.821.990.180
CTCP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	49.160	2.686.480.000	(154.740.000)	2.531.740.000
	6.305.458	84.541.294.397	(14.220.179.920)	70.321.114.477
Trái phiếu				
Trái phiếu Vinashin	600.000	63.298.865.753	(18.989.659.726)	44.309.206.027
	600.000	63.298.865.753	(18.989.659.726)	44.309.206.027
Đầu tư góp vốn				
Công ty Cổ phần Xi măng miền Trung	900.000	10.000.000.000	(833.500.000)	9.166.500.000
	900.000	10.000.000.000	(833.500.000)	9.166.500.000
Tổng cộng			(167.686.624.408)	

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Dự phòng giảm giá trái phiếu được lập cho từng loại trái phiếu dựa trên những đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi của mỗi trái phiếu trong tương lai. Theo đó, Công ty đã trích lập dự phòng cho số trái phiếu Vinashin mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 ở mức 30% của tổng giá trị đầu tư.

7. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN CỦA NGƯỜI ỦY THÁC ĐẦU TƯ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VNĐ)
Cổ phiếu niêm yết	109.975.989.696	81.586.751.516
Cổ phiếu chưa niêm yết	9.477.000.000	29.780.710.000
Các khoản đầu tư khác	-	234.000.000
	119.452.989.696	111.601.461.516

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VNĐ)
Phải thu của khách hàng	291.054.053.897	701.200.855.316
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	26.751.833.547	38.485.273.958
- Phải thu khách hàng về hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ	260.956.194.312	657.874.361.876
- Phải thu phí tư vấn	2.323.014.127	1.697.000.000
- Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ	625.397.883	487.203.174
- Phải thu khác	397.614.028	2.657.016.308
Ứng trước cho người bán	2.223.755.828	5.381.629.435
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	677.728	12.115.851
- Phải thu của Sở Giao dịch Chứng khoán	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	677.728	12.115.851
Phải thu khác	122.281.746.055	126.545.864.145
- Lãi tiền gửi	6.586.311.679	34.830.697.536
- Phải thu tổ chức phát hành chứng khoán (trái tức, cổ tức, lãi kỳ phiếu)	51.594.391.003	48.910.424.579
- Phải thu theo các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	54.005.000.000	28.897.544.000
- Phải thu lãi của hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	6.440.323.295	11.148.249.713
Phải thu BHXH	75.982.084	-
- Phải thu khác	3.579.737.994	2.758.948.317
	415.560.233.508	833.140.464.747

9. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Số dư đầu kỳ	-	-
Số sử dụng trong kỳ	-	-
Số trích lập trong kỳ	17.936.746.575	-
Số dư cuối kỳ	17.936.746.575	-

Dự phòng các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm dự phòng cho số lãi trái phiếu Vinashin đã dự thu từ năm 2010 và dự phòng các khoản phải thu theo các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán.

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VNĐ)
Tạm ứng cho nhân viên	1.828.282.441	1.904.906.217
Chi phí trả trước ngắn hạn	5.334.439.840	14.234.333.847
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	549.105.000	553.717.000
Thuê TNDN được khấu trừ	3.347.725.304	-
Thuê GTGT được khấu trừ	85.921.890	-
	11.145.474.475	16.692.957.064

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VNĐ)	Máy móc thiết bị (VNĐ)	Phương tiện vận tải (VNĐ)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Nguyên giá					
Ngày 1/1/2011	2.609.391.520	68.300.664.775	16.875.816.403	1.768.519.197	89.554.391.895
Tăng trong kỳ	-	11.427.075.154	-	140.639.200	11.567.714.354
<i>Mua mới</i>	-	11.427.075.154	-	140.639.200	11.567.714.354
Giảm trong kỳ	-	(3.266.824.370)	-	-	(3.266.824.370)
<i>Bán thanh lý</i>	-	(3.266.824.370)	-	-	(3.266.824.370)
Ngày 31/12/2011	2.609.391.520	76.460.915.559	16.875.816.403	1.909.158.397	97.855.281.879
Hao mòn lũy kế					
Ngày 1/1/2011	855.111.469	38.270.847.918	8.760.878.331	1.248.315.376	49.135.153.094
Tăng trong kỳ	449.269.148	12.449.203.709	2.671.832.562	268.029.468	15.838.334.887
<i>Khấu hao</i>	449.269.148	12.449.203.709	2.671.832.562	268.029.468	15.838.334.887
Giảm trong kỳ	-	(2.787.100.441)	-	-	(2.787.100.441)
<i>Bán thanh lý</i>	-	(2.787.100.441)	-	-	(2.787.100.441)
Ngày 31/12/2011	1.304.380.617	47.932.951.186	11.432.710.893	1.516.344.844	62.186.387.540
Giá trị còn lại					
Ngày 1/1/2011	1.754.280.051	30.029.816.857	8.114.938.072	520.203.821	40.419.238.801
Ngày 31/12/2011	1.305.010.903	28.527.964.373	5.443.105.510	392.813.553	35.668.894.339

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm (VNĐ)	Quyền sử dụng đất vô thời hạn (VNĐ)	Tài sản cố định vô hình khác (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Nguyên giá				
Ngày 1/1/2011	34.424.368.491	109.671.558.000	1.689.426.688	145.785.353.179
Tăng trong kỳ	8.444.328.660	-	-	8.444.328.660
<i>Mua mới</i>	8.444.328.660	-	-	8.444.328.660
Giảm trong kỳ	-	-	(32.850.000)	(32.850.000)
Ngày 31/12/2011	42.868.697.151	109.671.558.000	1.656.576.688	154.196.831.839
Hao mòn lũy kế				
Ngày 1/1/2011	15.440.654.216	-	1.511.098.504	16.951.752.720
Tăng trong kỳ	8.660.905.756	-	75.826.500	8.736.732.256
<i>Khấu hao</i>	8.660.905.756	-	75.826.500	8.736.732.256
Giảm trong kỳ	-	-	(32.850.000)	(32.850.000)
Ngày 31/12/2011	24.101.559.972	-	1.554.075.004	25.655.634.976
Giá trị còn lại				
Ngày 1/1/2011	18.983.714.275	109.671.558.000	178.328.184	128.833.600.459
Ngày 31/12/2011	18.767.137.179	109.671.558.000	102.501.684	128.541.196.863

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà và đất (*) (VNĐ)	Bất động sản đầu tư khác (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Nguyên giá			
Ngày 1/1/2011	33.671.559.285	-	33.671.559.285
Tăng trong kỳ	248.825.454.315	-	248.825.454.315
<i>Mua mới</i>	248.825.454.315	-	248.825.454.315
Giảm trong kỳ	-	-	-
Ngày 31/12/2011	282.497.013.600	-	282.497.013.600
Hao mòn lũy kế			
Ngày 1/1/2011	-	-	-
Tăng trong kỳ	7.109.857.997	-	7.109.857.997
<i>Khấu hao</i>	7.109.857.997	-	7.109.857.997
Giảm trong kỳ	-	-	-
Ngày 31/12/2011	7.109.857.997	-	7.109.857.997
Giá trị còn lại			
Ngày 1/1/2011	33.671.559.285	-	33.671.559.285
Ngày 31/12/2011	275.387.155.603	-	275.387.155.603

(*) Bao gồm 6 (sáu) tòa nhà tại Mỹ mà công ty Quốc tế SSI đã mua với mục đích cho thuê. Nguyên giá của các tòa nhà là 13.769.423,66 USD, trong đó giá trị đất là 4.010.038,09 USD và giá trị nhà là 9.759.385,57 USD. Doanh thu từ hoạt động cho thuê tòa nhà trong năm 2011 là 3.443.942.428 đồng.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và trong năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

	% biểu quyết của Công ty	% sở hữu của Công ty	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VNĐ)
Quỹ Tầm nhìn SSI	37,94%	37,94%	483.846.448.559	567.438.087.550
Công ty CP Thủy sản Bến Tre	28,45%	27,12%	112.461.220.086	-
Công ty CP Thủy sản Hùng Vương	28,45%	27,12%	112.461.220.086	-
Công ty CP Xuyên Thái Bình	21,90%	21,48%	54.939.092.152	-
			1.062.004.865.058	567.438.087.550

Lợi nhuận/ (Lỗ) phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết (bao gồm lợi thế/bất lợi thương mại phát sinh tại ngày mua và phần chia sẻ lãi/lỗ trong năm kể từ ngày mua) được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong năm 2011 như sau:

	Năm nay (VNĐ)
Quỹ tầm nhìn SSI	(83.591.638.990)
Công ty CP Thủy sản Bến Tre	(584.637.381)
Công ty CP Thủy sản Hùng Vương	29.592.849.145
Công ty CP Xuyên Thái Bình	17.984.285.906
Kết quả ròng	(36.599.141.321)

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VNĐ)
Chi phí tư vấn trả trước	14.423.668.784	21.949.061.192
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	5.858.762.426	8.747.650.713
	20.282.431.210	30.696.711.905

16. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VNĐ)
Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	11.620.436.954	9.120.436.954
Tiền lãi phân bổ hàng năm	1.269.495.696	1.269.495.696
	12.889.932.650	10.389.932.650

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Lãi suất	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Vay ngân hàng		-	60.000.000.000	(60.000.000.000)	-
Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	16%/năm	-	60.000.000.000	(60.000.000.000)	-
Vay của đối tượng khác		2.000.000.000.000	-	(2.000.000.000.000)	-
Trái phiếu chuyển đổi SSICB2010	4%/năm	2.000.000.000.000	-	(2.000.000.000.000)	-
		2.000.000.000.000	60.000.000.000	(2.060.000.000.000)	-

Số dư vay và nợ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 thể hiện số gốc của 2.000.000 trái phiếu chuyển đổi SSICB2010 mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu với lãi suất 4%/năm. Ngày 28 tháng 3 năm 2011, Công ty đã thực hiện trả gốc và lãi cho số trái phiếu này.

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VNĐ)
Ứng trước phí tư vấn của khách hàng	4.995.842.440	4.933.308.000
Ứng trước trước tiền mua chứng khoán của khách hàng	65.009.400.000	45.180.000.000
Quý Tầm nhìn SSI trả trước phí quản lý cho SSIAM	3.484.586.392	6.269.545.469
	73.489.828.832	56.382.853.469

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VNĐ)
Thuế Giá trị Gia tăng	378.513.020	1.565.617.793
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (*)	-	17.494.080.074
Thuế Thu nhập Cá nhân	3.160.205.887	5.741.963.172
Thuế khác	2.103.675.109	1.547.906.701
	5.642.394.016	26.349.567.740

(*) Chi phí thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành ước tính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 31.

Bảng tổng hợp tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày dưới đây:

STT	Chi tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VNĐ)	Số phải nộp trong kỳ (VNĐ)	Số đã nộp trong kỳ (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)
I	Thuế	26.349.567.740	66.148.749.099	90.203.648.127	2.294.668.712
1	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	1.565.617.793	8.473.729.496	9.660.834.269	378.513.020
2	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-	-
3	Thuế nhập khẩu	-	-	-	-
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.494.080.074	2.058.771.540	22.900.576.918	(3.347.725.304)
5	Thuế nhà đất	-	-	-	-
6	Tiền thuê đất	-	-	-	-
7	Các loại thuế khác	7.289.869.873	55.616.248.063	57.642.236.940	5.263.880.996
	<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>2.527.026.731</i>	<i>20.562.101.642</i>	<i>20.340.334.416</i>	<i>2.748.793.957</i>
	<i>Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư</i>	<i>3.214.936.441</i>	<i>17.365.196.738</i>	<i>20.168.721.249</i>	<i>411.411.930</i>
	<i>Thuế môn bài</i>	<i>-</i>	<i>18.000.000</i>	<i>18.000.000</i>	<i>-</i>
	<i>Thuế khác</i>	<i>1.547.906.701</i>	<i>17.670.949.683</i>	<i>17.115.181.275</i>	<i>2.103.675.109</i>
II	Các khoản phải nộp khác	-	10.513.643	10.513.643	-
1	Các khoản phí, lệ phí	-	-	-	-
2	Các khoản phải nộp khác	-	10.513.643	10.513.643	-
		26.349.567.740	66.159.262.742	90.214.161.770	2.294.668.712

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VNĐ)
Chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả	-	62.483.242.021
Chi phí phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm lưu ký Chứng khoán	2.159.660.934	3.758.643.012
Phí phải trả cho Ngân hàng lưu ký	21.000.000	-
Phải trả Công ty Tài chính Dầu khí	7.755.626	91.874.435
Chi phí lãi hợp đồng mua và bán lại chứng khoán, hợp tác kinh doanh phải trả	1.579.498.264	181.113.793
Phải trả chi phí đào tạo, hội thảo, tư vấn	260.000.000	1.400.000.000
Phí kiểm toán	896.079.600	592.770.750
Phí hoa hồng phải trả cho đối tác	1.011.901.617	-
Các khoản khác	246.427.512	538.578.185
	6.182.323.553	69.046.222.196

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VNĐ)
Phải trả hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán	155.589.925.000	-
Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	204.905.766.183	22.311.739.854
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	13.175.868.406	16.359.209.923
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư	4.685.000.000	-
Phải trả tiền mua chứng khoán	36.356.801.104	-
Các khoản khác	1.965.957.671	9.944.585.682
Số đã báo cáo	416.679.318.364	48.615.535.459
Phân loại lại Doanh thu nhận trước ngắn hạn (*)	-	(2.354.447.214)
Số trình bày lại	416.679.318.364	46.261.088.245

(*) Theo hướng dẫn tại Thông tư 162/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2010, Bảng cân đối kế toán sẽ bổ sung thêm chỉ tiêu Doanh thu chưa thực hiện, do đó, chỉ tiêu này được phân loại lại từ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.

22. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VNĐ)
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	21.916.153.444	37.901.932.740
Phải trả người đầu tư về giao dịch chứng khoán	555.811.471.398	797.609.275.510
- Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại trụ sở chính	415.294.012.656	502.359.236.030
- Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại Chi nhánh Hà Nội	60.188.344.404	129.743.140.621
- Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư của các chi nhánh và phòng giao dịch khác	80.329.114.338	165.506.898.859
	577.727.624.842	835.511.208.250

23. PHẢI TRẢ CỔ TỨC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	4.045.926.173	2.480.517.407
Phải trả cổ tức cho cổ đông và lãi trái phiếu SSI	2.430.992.250	1.780.947.250
	6.476.918.423	4.261.464.657

24. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	69.431.253.766
Trích lập quỹ trong năm	50.701.098.116
Sử dụng quỹ trong năm	30.067.551.245
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	90.064.800.637

Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi sử dụng trong năm chủ yếu cho mục đích thưởng và trả thù lao cho Ban Điều hành, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, nhân viên và cho các mục đích phúc lợi khác.

25. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VNĐ)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	-	13.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn khác	577.091.185	68.415.136
	577.091.185	13.068.415.136

Số dư phải trả dài hạn khác thể hiện số tiền đặt cọc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) cho giao dịch mua bán cổ phiếu với Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn.

26. VỐN NHẬN ỦY THÁC ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VNĐ)
Vốn nhận từ các khách hàng ủy thác quản lý danh mục đầu tư	122.504.095.276	124.597.648.444
	122.504.095.276	124.597.648.444

Khoản vốn này được quản lý tại công ty con của Công ty là SSIAM.

27. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VNĐ)	Thặng dư vốn cổ phần (VNĐ)	Vốn khác của chủ sở hữu (VNĐ)	Cổ phiếu quỹ (VNĐ)	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính (VNĐ)	Lợi nhuận chưa phân phối (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	3.511.117.420.000	340.921.476.378	-	(12.365.677.000)	220.524.469.842	1.399.114.338.962	5.459.312.028.182
Trích quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông cho năm 2010	15.000.000.000	-	-	-	-	-	15.000.000.000
Trích quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông	-	-	-	-	68.858.711.594	(68.858.711.594)	-
Trích quỹ từ thiện, phúc lợi, thù lao theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông	-	-	-	-	-	(50.701.098.116)	(50.701.098.116)
Trích 10% cổ tức năm 2010 - theo Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2011	-	-	-	-	-	(348.111.742.000)	(348.111.742.000)
Điều chỉnh lại thuế TNDN theo quyết toán thuế năm 2010	-	-	-	-	-	1.929.271.735	1.929.271.735
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(76.225.609.000)	-	-	(76.225.609.000)
Trích bổ sung nộp thuế TNDN 2010 theo QĐ 4992/QĐ-CT của Cục Thuế	-	-	-	-	-	(50.179.757)	(50.179.757)
Chênh lệch phát sinh do công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ	-	-	383.614.879	-	-	-	383.614.879
Lợi nhuận sau thuế năm 2011	-	-	-	-	-	79.129.012.745	79.129.012.745
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	3.526.117.420.000	340.921.476.378	383.614.879	(88.591.286.000)	289.383.181.436	1.012.450.891.924	5.080.665.298.616

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VNĐ)	Thặng dư vốn cổ phần (VNĐ)	Cổ phiếu quỹ (VNĐ)	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính (VNĐ)	Lợi nhuận chưa phân phối (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	1.533.334.710.000	2.095.966.265.902	(449.664.524)	140.116.480.248	1.049.533.539.162	4.818.501.330.788
Trích thuế TNDN bổ sung theo quyết toán thuế TNDN năm 2008 và 2009	-	-	-	-	(2.776.148.543)	(2.776.148.543)
Tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi	222.224.000.000	-	-	-	-	222.224.000.000
Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, tỉ lệ 1:1 từ nguồn thặng dư vốn	1.755.558.710.000	(1.755.558.710.000)	-	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(12.365.677.000)	-	-	(12.365.677.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	513.920.476	449.664.524	-	-	963.585.000
Trích lập quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông từ lợi nhuận sau thuế năm 2009	-	-	-	80.407.989.594	(80.407.989.594)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông từ lợi nhuận sau thuế năm 2009	-	-	-	-	(80.407.989.594)	(80.407.989.594)
Trích cổ tức đợt 2 năm 2009 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông	-	-	-	-	(175.555.871.000)	(175.555.871.000)
Thuế hoãn lại 5% của dự phòng trợ cấp thôi việc bị trừ ra khi tính thuế TNDN năm 2008	-	-	-	-	141.682.596	141.682.596
Lợi nhuận sau thuế năm 2010	-	-	-	-	688.587.115.938	688.587.115.938
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	3.511.117.420.000	340.921.476.378	(12.365.677.000)	220.524.469.842	1.399.114.338.962	5.459.312.028.182

27.2 Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Ghi chú
1 - Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành	Không có
2 - Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	Không có
3 - Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	Không có

27.3 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	352.611.742	351.111.742
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	352.611.742	351.111.742
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	352.611.742	351.111.742
- Cổ phiếu phổ thông	352.611.742	351.111.742
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	(3.000.000)	(399.770)
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(3.000.000)	(399.770)
- Cổ phiếu phổ thông	(3.000.000)	(399.770)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ do Công ty con của Công ty nắm giữ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	349.611.742	350.711.972
- Cổ phiếu phổ thông	349.611.742	350.711.972
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

28. DOANH THU

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	848.048.772.890	1.503.616.689.880
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	96.005.005.216	176.043.714.129
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	227.702.451.908	710.010.595.072
- Cổ tức	102.012.851.566	85.226.610.964
- Trái tức	76.681.221.020	86.296.822.398
- Lãi kỳ phiếu	-	238.888.889
- Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	27.069.379.734	513.321.632.833
- Doanh thu tự doanh từ ủy thác danh mục tại SSIAM	21.062.545.191	19.363.775.626
- Doanh thu hoạt động đầu tư khác	876.454.397	5.562.864.362
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	6.420.000.000	13.140.023.320
Doanh thu quản lý DM đầu tư cho người UTĐT	18.328.050.969	19.811.488.075
Doanh thu hoạt động tư vấn	38.076.296.310	108.242.078.334
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	2.487.230.802	2.421.084.957
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	4.478.427.405	930.873.701
Doanh thu khác	454.551.310.280	473.016.832.292
- Thu lãi tiền gửi	349.915.821.340	363.863.270.171
- Doanh thu hoạt động dịch vụ tài chính	76.286.827.390	108.110.455.716
- Doanh thu khác	28.348.661.550	1.043.106.405
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.850.000	250.000.000
Doanh thu thuần	848.042.922.890	1.503.366.689.880

29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Chi phí môi giới, lưu ký chứng khoán	27.024.047.794	35.971.502.034
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	112.128.653.441	38.178.928.212
Chi phí dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán	169.021.552.430	185.985.595.550
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	96.018.703.656	109.003.096.841
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư tài chính, tư vấn khác	403.560.250	1.341.597.990
Các chi phí trực tiếp khác về kinh doanh chứng khoán	252.177.221.777	221.844.852.008
- Chi phí nhân viên	112.668.098.962	104.823.936.168
- Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	3.014.796.536	4.429.956.308
- Chi phí khấu hao và phân bổ	36.429.144.908	26.093.891.419
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.943.561.622	55.214.691.945
- Chi phí thuê văn phòng	32.629.956.289	29.445.252.699
- Chi phí khác	1.491.663.460	1.837.123.469
	656.773.739.348	592.325.572.635

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Chi phí nhân viên	9.113.451.121	8.831.154.274
Chi phí khấu hao và phân bổ	334.425.000	954.118.418
Chi phí dự phòng	17.936.746.575	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	554.236.050	1.360.316.914
	27.938.858.746	11.145.589.606

Chi phí dự phòng bao gồm dự phòng cho số lãi trái phiếu Vinashin đã dự thu từ năm 2010 và dự phòng các khoản phải thu theo các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán. Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh 9.

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục

không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty cho năm 2011 và năm 2010 được trình bày dưới đây:

	Năm nay (VNĐ)	Năm trước (VNĐ)
Lợi nhuận thuần trước thuế	126.604.379.877	902.819.486.257
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	(216.926.467.105)	(142.580.659.777)
Các khoản điều chỉnh tăng	82.304.498.347	20.496.200.219
- Lỗ từ công ty con	-	386.803.686
- Chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết của năm nay	45.025.264.646	20.109.396.533
- Lỗ từ công ty liên kết	36.599.141.321	-
- Các chi phí không hợp lý	680.092.380	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(299.230.965.451)	(163.076.859.996)
- Lợi nhuận từ công ty con	(17.488.856.427)	(27.819.647.766)
- Lợi nhuận từ công ty liên kết	-	(2.736.427.943)
- Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức	(100.209.611.566)	(76.134.278.797)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết (đã tính thuế năm trước)	(20.109.396.533)	(55.574.822.490)
- Hoàn nhập dự phòng đã trích của công ty liên kết	(160.611.417.925)	-
- Chi phí trợ cấp thôi việc trích trước năm 2008 tính thuế cho năm hiện hành	(811.683.000)	(811.683.000)
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	(90.322.087.228)	760.238.826.480
Thuế suất thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
- Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành của Công ty mẹ	-	190.059.706.620
- Thuế TNDN phải trả của công ty con	3.937.863.518	5.640.977.343
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.937.863.518	195.700.683.962
Thuế TNDN phải trả đầu năm	17.494.080.074	48.781.140.010
Điều chỉnh tăng/ (giảm) thuế TNDN theo quyết toán thuế năm 2010	(1.929.271.735)	3.342.878.926
Trích bổ sung nộp thuế TNDN 2010 theo QĐ 4992/QĐ-CT của Cục thuế	50.179.757	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(22.900.576.918)	(230.330.622.825)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	(3.347.725.304)	17.494.080.074

Lỗ chuyển sang các kỳ sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản lỗ tính thuế phát sinh là 90.322.087.228 đồng Việt Nam có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*) (VNĐ)	Đã chuyển lỗ lũy kể đến ngày 31/12/2010 (VNĐ)	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2011 (VNĐ)
2011	2016	(90.322.087.228)	-	(90.322.087.228)
Tổng cộng		(90.322.087.228)	-	(90.322.087.228)

(*) Lỗ tính thuế ước tính của Công ty cho năm 2011 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty không thực hiện tính thuế hoãn lại trên khoản lỗ có thể chuyển sang các kỳ sau do chưa chắc chắn về khả năng thu được lợi nhuận trong tương lai để sử dụng khoản lỗ tính thuế này.

31.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Biến động của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm 2011 như sau:

	Số tiền (VNĐ)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	5.532.841.362
Phân bổ thuế hoãn lại phần chi phí trợ cấp mất việc năm 2008	(202.920.750)
Thuế hoãn lại của công ty con	3.000.624.998
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	8.330.545.610

Biến động của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm 2011 như sau:

	Số tiền (VNĐ)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	881.886.941
Thuế từ lợi nhuận trong năm 2011 của cổ đông thiểu số tại công ty con	2.690.898.407
Thuế từ lợi nhuận trong năm 2011 của cổ đông thiểu số tại công ty liên kết	40.020.086.647
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	43.592.871.995

32. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	Số tiền (VNĐ)
Ngày 1 tháng 1 năm 2011	72.881.886.941
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số năm nay	3.624.222.810
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	76.506.109.799

33. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng trong công tác quản trị của Công ty. Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thông nhất các chính sách quản lý các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như tổng hợp dưới đây.

33.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy cảm như trình bày dưới đây liên quan đến trạng thái của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Các phân tích độ nhạy cảm này được lập trên cơ sở giá trị nợ thuần, tỷ suất giữa lãi suất cố định với lãi suất thả nổi của các khoản nợ và tỷ lệ các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ đều cố định.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng:

- ▶ Độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- ▶ Độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty và các công ty con nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2010.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn, và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Độ nhạy lãi suất

Phân tích về mức độ nhạy cảm với lãi suất không được thực hiện cho năm 2011 do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty rất nhỏ và các khoản nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc tiền tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Độ nhạy ngoại tệ

Tại ngày báo cáo, Quỹ Đầu tư Thành viên SSI và Công ty Quốc Tế SSI, công ty con của Công ty, sở hữu 3.459.652,21 đô la Mỹ, tương đương 72.057.636.230 đồng Việt Nam được quy đổi theo tỷ giá liên ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 20.828 đồng. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của tỷ giá liên ngân hàng có thể làm tăng tài sản của Công ty tăng (hoặc giảm) 7.205.763.623 đồng, và làm tăng (hoặc giảm) lợi nhuận của Công ty lên một khoản tương ứng.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại ngày báo cáo, giá trị hợp lý của chứng khoán vốn niêm yết là VNĐ 793.579.840.028 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: VNĐ 1.521.039.426.020). Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

33.2 Rủi ro giá hàng hóa

Công ty không có rủi ro về thay đổi giá hàng hóa.

33.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khác hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản bảo đảm đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận Nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức thấp.

33.4 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Không kỳ hạn (VNĐ)	Đến 3 tháng (VNĐ)	Từ 3 - 12 tháng (VNĐ)	Từ 1 - 5 năm (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Vay và nợ phải trả	-	-	-	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	555.811.471.398	21.916.153.444	-	-	577.727.624.842
Chi phí phải trả	3.501.916.461	2.515.367.192	165.039.900	-	6.182.323.553
Các khoản phải trả, phải nộp khác	220.047.509.259	196.631.809.105	-	-	416.679.318.364
	779.360.897.118	221.063.329.741	165.039.900	-	1.000.589.266.759
Ngày 31 tháng 12 năm 2010					
Vay và nợ phải trả	-	-	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	797.609.275.510	37.901.932.740	-	-	835.511.208.250
Chi phí phải trả	5.522.169.711	63.524.052.485	-	-	69.046.222.196
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	46.237.324.493	23.763.752	-	-	46.261.088.245
	849.368.769.714	101.449.748.977	2.000.000.000.000	-	2.950.818.518.691

(*) Số trình bày lại. Chi tiết được trình bày ở Thuyết minh 21.

Công ty đã đánh giá mức độ rủi ro tập trung thông qua khả năng các khoản nợ được tái tài trợ hoặc được tái tục với chủ nợ hiện tại, khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là tiền gửi của nhà đầu tư được quản lý tách biệt khỏi tiền gửi Công ty và đối ứng bằng số dư tiền luôn luôn sẵn có tại ngân hàng.

33.5 Các khoản đảm bảo

Tại ngày báo cáo, Công ty đang có các hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán. Chi tiết các tài sản của Công ty được dùng để thế chấp cho các hợp đồng này được trình bày dưới đây.

Tài sản thế chấp	Số lượng	Ngày bán	Ngày mua lại	Giá trị bán	Giá trị mua lại
BID1_206	525.000	30/12/2011	13/1/2012	52.281.600.000	52.451.700.000
BID1_206	525.000	28/12/2011	11/1/2012	52.223.325.000	52.406.025.000
BID1_206	500.000	15/12/2011	16/1/2012	49.935.000.000	50.601.000.000
HAG	10.000	24/5/2011	30/1/2012	440.000.000	685.696.000
SSIREIT	35.500	25/8/2011	30/01/2012	710.000.000	837.800.000
	1.595.500			155.589.925.000	156.982.221.000

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty cũng nắm giữ 4.685.000.000 đồng Việt Nam tài sản cầm cố của khách hàng để đảm bảo cho nghĩa vụ thực hiện hợp đồng cho các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán.

34. TRÌNH BÀY BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210/2009/TT-BTC

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính cũng như các khái niệm liên quan như được trình bày trong thuyết minh dưới đây chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty và các công ty con theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán thương mại, chứng khoán sẵn sàng để bán, các khoản đầu tư dài hạn khác, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác (không bao gồm các khoản ứng trước cho khách hàng).

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- **Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- **Các khoản phải thu:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- **Tài sản sẵn sàng để bán:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty và các công ty con theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản vay các tổ chức tín dụng, tiền gửi của khách hàng, vốn ủy thác đầu tư, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Bảng so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VND)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VND)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VND)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VND)	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VND)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VND)
Tài sản tài chính						
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	1.053.037.748.335	2.663.571.961.736	(303.123.545.516)	(227.958.435.891)	765.200.929.998	2.447.623.208.656
- Chứng khoán thương mại	1.052.561.099.307	1.950.141.961.736	(303.123.545.516)	(227.958.435.891)	764.724.280.970	1.734.193.208.656
Cổ phiếu niêm yết	873.223.160.334	1.156.347.569.054	(292.141.620.516)	(219.948.936.180)	596.368.266.998	948.408.315.685
Cổ phiếu chưa niêm yết	93.173.000.000	571.005.729.998	(10.981.925.000)	(8.009.499.711)	82.191.075.000	562.996.230.287
Trái phiếu (*)	86.164.938.973	222.788.662.684	-	-	86.164.938.973	222.788.662.684
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	476.649.028	713.430.000.000	-	-	476.649.028	713.430.000.000
Tiền gửi ngắn hạn	476.649.028	713.430.000.000	-	-	476.649.028	713.430.000.000
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	413.336.477.680	827.758.835.312	(17.936.746.575)	-	395.399.731.105	827.758.835.312
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.128.856.979.464	1.439.817.191.957	(166.853.124.408)	(73.830.181.602)	965.167.175.937	1.402.329.932.406
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	1.128.856.979.464	1.439.817.191.957	(166.853.124.408)	(73.830.181.602)	965.167.175.937	1.402.329.932.406
Cổ phiếu niêm yết	346.141.584.971	646.290.077.926	(133.643.284.762)	(61.649.284.780)	215.661.621.090	620.983.715.197
Cổ phiếu chưa niêm yết	87.791.294.397	111.103.013.936	(14.220.179.920)	(12.180.896.822)	73.571.114.477	98.922.117.114
Trái phiếu (*)	694.924.100.096	682.424.100.095	(18.989.659.726)	-	675.934.440.370	682.424.100.095
Đầu tư dài hạn khác	749.788.390.000	226.171.390.000	(833.500.000)	-	748.954.890.000	226.171.390.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.945.764.811.547	2.969.211.607.544	-	-	1.945.764.811.547	2.969.211.607.544
Tổng cộng	5.290.784.407.026	8.126.530.986.549	(488.746.916.498)	(301.788.617.493)	4.820.487.538.587	7.873.094.973.918
Nợ phải trả tài chính (*)						
Vay và nợ	-	2.000.000.000.000	-	-	-	2.000.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	577.727.624.842	835.511.208.250	-	-	577.727.624.842	835.511.208.250
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	605.427.160	2.398.853.100	-	-	605.427.160	2.398.853.100
Chi phí phải trả	6.182.323.553	69.046.222.196	-	-	6.182.323.553	69.046.222.196
Phải trả vốn ủy thác	122.504.095.276	124.597.648.444	-	-	122.504.095.276	124.597.648.444
Các khoản phải trả, phải nộp khác khác	423.733.327.972	63.590.968.038	-	-	423.733.327.972	63.590.968.038
Tổng cộng	1.130.752.798.803	3.095.144.900.028	-	-	1.130.752.798.803	3.095.144.900.028

(*) Giá trị hợp lý của những khoản mục này được trình bày theo giá trị ghi sổ do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được tính theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bán hoặc thanh lý bắt buộc.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.
- Giá trị hợp lý của các khoản mục trái phiếu, các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2011 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền (VNĐ)
Quý Tầm nhìn SSI	Công ty liên kết	Doanh thu hoạt động môi giới	3.101.131.542
Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào công ty TNHH	Trả gốc và lãi trái phiếu chuyển đổi	235.040.000.000
		Nhận tiền thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh	81.593.173.271
		Thanh lý 1 phần/toàn bộ hợp đồng hợp tác kinh doanh	52.139.768.582
		Trả cổ tức bằng tiền	28.705.036.000
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	Công ty nhận vốn đầu tư và có cùng Chủ tịch HĐQT	Nhận tiền thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh	108.917.436.855
		Thanh lý một phần/toàn bộ hợp đồng hợp tác kinh doanh	48.814.192.344
		Nhận lại tiền hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	4.892.544.000
		Mua bán trái phiếu	39.150.000.000
		Tiền thuê mặt bằng	3.933.474.133
		Trả tiền thuê	3.933.474.133
		Trả gốc và lãi trái phiếu chuyển đổi	83.200.000.000
Công ty CP Xuyên Thái Bình	Tổng Giám đốc Công ty CP Xuyên Thái Bình là Trưởng Ban Kiểm soát của SSI	Thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh	76.136.262.355
		Thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh	38.405.017.355
		Nhận trước tiền bán chứng khoán	25.000.000.000
		Phí thuê văn phòng và dịch vụ đã trích	1.369.733.777
		Phí thuê văn phòng và dịch vụ đã trả	1.333.697.623
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược	Trả gốc và lãi trái phiếu chuyển đổi	248.640.000.000
		Trả cổ tức bằng tiền	35.471.420.000
Ngân hàng ANZ	Cổ đông chiến lược	Trả cổ tức bằng tiền	61.934.420.000
Công ty CP Thủy sản Bến Tre	Công ty liên kết	Cổ tức đã nhận	4.718.595.000
		Phí giao dịch chứng khoán tại SSI	223.465.912
		Tiền hợp tác kinh doanh phải thu	104.193.212.428
		Tiền hợp tác kinh doanh đã thu	98.140.439.509

Số dư của Công ty với các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Các giao dịch	Khoản phải thu (VNĐ)	Khoản phải trả (VNĐ)
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	Công ty nhận vốn đầu tư và có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Góp vốn đầu tư	14.999.990.000	-
		Thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	61.205.780.079
		Lãi hợp tác kinh doanh còn phải trả	-	180.579.666
Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH	Nhận tiền Hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	29.453.404.689
		Lãi hợp tác kinh doanh còn phải trả	-	87.728.473
Ngân hàng ANZ	Cổ đông chiến lược	Tiền gửi của nhà đầu tư tại ngân hàng ANZ	531.443.562	-
		Tiền gửi của công ty tại NH ANZ	2.315.082.474	-
Công ty CP Xuyên Thái Bình	Tổng Giám đốc Công ty CP Xuyên Thái Bình là Trưởng Ban Kiểm soát của SSI	Tiền hợp tác kinh doanh	-	37.731.245.000
		Nhận trước tiền bán chứng khoán	-	50.100.000.000
		Tiền thuê văn phòng	-	36.036.154
		Lãi hợp tác kinh doanh	-	367.211.321
Công ty CP Thủy sản Bến Tre	Công ty liên kết	Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	54.939.092.152	-
		Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	112.461.220.056	-
		Số phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh	7.153.858.819	-
Công ty CP Thủy sản Hùng Vương	Công ty liên kết	Lãi hợp tác kinh doanh phải thu	5.811.934	-
		Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	410.758.104.260	-
Quý Tầm nhìn SSI	Công ty liên kết	Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	483.846.448.559	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2011 là 12.426.781.224 đồng (bao gồm cả thuế Thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty chưa tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính hoặc do thiếu thông tin về thị trường.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VNĐ	79.129.012.745	688.587.115.937
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	348.408.905	347.449.772
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VNĐ	227	1.982

37. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

	Môi giới và dịch vụ khách hàng (VNĐ)	Tự doanh (VNĐ)	Kinh doanh nguồn vốn (VNĐ)	Quản lý danh mục (VNĐ)	Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Năm 2011						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	121.532.222.571	243.162.673.129	431.511.323.730	18.328.050.969	49.522.776.267	864.057.046.666
2. Các chi phí trực tiếp	30.138.949.461	339.255.247.495	108.112.221.211	313.684.996	843.876.011	478.663.979.174
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	147.133.917.176	23.316.825.552	36.787.123.862	18.050.317.907	33.500.503.118	258.788.687.615
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	(55.740.644.066)	(119.409.399.919)	286.611.978.657	(35.951.934)	15.178.397.138	126.604.379.877
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011						
1. Tài sản bộ phận	767.607.023.824	3.865.893.491.022	1.406.121.827.080	159.425.542.267	2.323.014.127	6.201.370.898.320
2. Tài sản phân bổ	142.210.720.099	16.044.286.370	5.105.000.209	14.585.714.882	24.795.715.299	202.741.436.859
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	103.400.863.675
Tổng tài sản	909.817.743.923	3.881.937.777.392	1.411.226.827.289	174.011.257.149	27.118.729.426	6.507.513.198.854
1. Nợ phải trả bộ phận	575.836.850.809	86.925.553.444	366.792.198.183	162.706.660.240	6.274.656.295	1.198.535.918.971
2. Nợ phân bổ	65.456.405.245	7.384.825.207	2.349.717.111	6.713.477.461	11.412.911.684	93.317.336.708
3. Nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	58.488.534.760
Tổng công nợ	641.293.256.054	94.310.378.651	369.141.915.294	169.420.137.701	17.687.567.979	1.350.341.790.439

4. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**38.1 Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VNĐ)
Đền 1 năm	24.863.298.120	28.106.295.744
Trên 1 - 5 năm	63.931.012.480	80.387.468.112
Trên 5 năm	-	19.797.949.680

Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

38.2 Cam kết hỗ trợ hợp đồng hợp tác đầu tư

Công ty đã ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư đối với các Nhà Đầu tư, trong đó Công ty sẽ góp vốn đầu tư bằng tiền để mua chứng khoán.

Giá trị các cam kết góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Chi nhánh	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VNĐ)
TP. Hồ Chí Minh	11.805.335	3.236.811.628
Chi nhánh Hà Nội	736.125	148.387.638
Hải Phòng	-	220.393.566
Nguyễn Công Trứ	9.219.850	9.363.226
Nha Trang	-	13.812.998
Vũng Tàu	-	12.332.165
Quảng Ninh	-	10.413.313
Mỹ Đình	-	14.970.084
Hàm Long	-	677.131.884
	21.761.310	4.343.616.502

38.3 Nghiệp vụ ký quỹ

Trong năm 2011, Công ty đã cung cấp dịch vụ ký quỹ dành cho các Nhà Đầu tư. Theo đó, giá trị các cam kết của Công ty theo các hợp đồng ký quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Chi nhánh	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (VNĐ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (VNĐ)
Trụ sở chính (TP. Hồ Chí Minh)	2.466.749.515	-
Chi nhánh Hà Nội	4.524.849.695	-
Hải Phòng	135.861.803	-
Nguyễn Công Trứ	270.225.814	-
Nha Trang	69.622.417	-
Vũng Tàu	30.565.645	-
Quảng Ninh	55.284.865	-
Mỹ Đình	151.880.195	-
Hàm Long	-	-
	7.705.039.949	-

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KÊ TOÁN

Ngày 30 tháng 01 năm 2012, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 72/GPĐC-UBCK để điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPHĐKD của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn ghi nhận mức vốn điều lệ mới là 3.526.117.420.000 đồng (Ba nghìn năm trăm hai mươi sáu tỷ, một trăm mười bảy triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng)

40. DỮ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính, Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, do đó một số số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được trình bày lại cho phù hợp với hình thức trình bày báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này.

Người lập

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
 Kế toán trưởng

Người phê duyệt

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
 Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt

Ông Nguyễn Duy Hưng
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 19 tháng 3 năm 2012

NHẬN XÉT CỦA
KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Nhận xét chung:

Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm 2011, và báo cáo tài chính đã tuân thủ đúng các quy định có liên quan hiện hành. Tỷ lệ vốn khả dụng và các chỉ tiêu an toàn tài chính của Công ty luôn được duy trì đúng theo quy định của Bộ Tài chính. Các sai sót trong công tác kế toán đã được khắc phục, chỉnh sửa kịp thời theo các kiến nghị định kỳ của kiểm toán nội bộ.

TM Kiểm toán nội bộ SSI

Giám đốc

Trần Dương Anh Việt



VII

THÔNG TIN KHÁC

Thông tin Cổ đông và Quản trị Công ty	148
Thông tin Doanh nghiệp	154
Mạng lưới hoạt động	156

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội Đồng Quản Trị/Ban Kiểm Soát

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban Kiểm soát: Thông tin chi tiết về thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát được trình bày chi tiết tại mục Cơ Cấu Tổ Chức.
- Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và nhân viên Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số chứng chỉ QTCT	Ngày cấp
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT/TGD	36 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
2	Nguyễn Hồng Nam	Phó TGD	22 QTCT 122/QĐ-TTNC	29/01/2010
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	10 QTCT 53/QĐ-TTNC	07/05/2009
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	29 QTCT 158/QĐ-TTNC	08/09/2009
5	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	22 QTCT 123/QĐ-TTNC	29/01/2010
6	Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	18 QTCT 17/QĐ-TTNC	20/01/2010
7	Nguyễn Thị Thanh Hà	GD Tài Chính	38 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
8	Nguyễn Kim Long	Giám đốc Luật & KSNB	31 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
9	Hoàng Thị Minh Thủy	Kê toán trưởng	61 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
10	Trần Thị Thúy	GD CN Hà Nội	37 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009

Số lượng người được đào tạo về Quản trị Công ty năm 2011 giảm một người so với số lượng của năm 2010 do cơ quan chức năng không tổ chức lớp đào tạo về Quản trị Công ty trong suốt năm 2011 và một nhân viên nghỉ việc. Các thành viên HĐQT là người nước ngoài cũng khó có thể tham gia các lớp đào tạo này vì ngôn ngữ, tài liệu đào tạo là tiếng Việt.

Các dữ liệu thống kê về Cổ đông

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã giao dịch SSI và được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu: Đến ngày 30/01/2012, vốn điều lệ của SSI là 3.526.117.420.000 đồng được chia thành 352.611.742 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông. Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 30/01/2012 là 3.000.000 cổ phiếu.

Cơ cấu Cổ đông: Cơ cấu Cổ đông của Công ty và tỉ lệ sở hữu của Cổ đông nội bộ được trình bày tại Phụ lục 02 của bản Báo cáo thường niên này. Số liệu được cập nhật theo danh sách Cổ đông chốt ngày 31/08/2011 và số theo dõi Cổ đông đợt phát hành cho cán bộ chủ chốt ngày 29/12/2011.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Phụ lục 1: Giao dịch của Cổ đông nội bộ/Cổ đông lớn và người liên quan:

Giao dịch cổ phiếu:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với Cổ đông nội bộ/Cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
1	Công ty CP Xuyên Thái Bình	Người có liên quan của ông Nguyễn Văn Khải, Trưởng BKS	999.960	0,285%	660.000	0,188%	Đăng ký giao dịch trên sàn từ ngày 09/12/2010 đến ngày 09/02/2011 Báo cáo kết quả giao dịch 28/01/2011
2	Công ty CP Xuyên Thái Bình	Người có liên quan của ông Nguyễn Văn Khải, Trưởng BKS	660.000	0,188%	-	0,000%	Đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn từ ngày 17/02/2011 đến 17/04/2011 Báo cáo kết quả giao dịch ngày 14/04/2011
3	Công ty TNHH Nguyễn Duy Hưng	Là Cổ đông lớn và là Công ty thuộc sở hữu của ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch HĐQT	28.505.036	8,119%	28.705.036	8,175%	Đăng ký mua 1 triệu cp, thời gian giao dịch từ 18/11/2010 đến 17/01/2011 Báo cáo kết quả giao dịch ngày 18/01/2011
4	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	208.840	0,059%	8.840	0,003%	Đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn (đăng ký giao dịch ngày 21/07/2011) Báo cáo kết quả giao dịch ngày 03/08/2011
5	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	8.840	0,003%	16.840	0,005%	Mua cổ phiếu phát hành cho cán bộ chủ chốt tháng 12/2011
6	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	-	0,000%	186.000	0,053%	Mua cổ phiếu phát hành cho cán bộ chủ chốt tháng 12/2011
7	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	15.687.968	4,468%	15.747.968	4,466%	Mua cổ phiếu phát hành cho cán bộ chủ chốt tháng 12/2011
8	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	20.000	0,006%	40.000	0,011%	Mua cổ phiếu phát hành cho cán bộ chủ chốt tháng 12/2011
9	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	100.012	0,028%	115.012	0,033%	Mua cổ phiếu phát hành cho cán bộ chủ chốt tháng 12/2011

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với Cổ đông nội bộ/Cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
10	Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	12.168	0,003%	20.168	0,006%	Mua cổ phiếu phát hành cho cán bộ chủ chốt tháng 12/2011
11	Hoàng Thị Minh Thủy	Kê toán trưởng	200	0,000%	20.200	0,006%	Mua cổ phiếu phát hành cho cán bộ chủ chốt tháng 12/2011

Ghi chú: (*) Tính trên vốn điều lệ tại thời điểm thay đổi số lượng cổ phiếu.

Các giao dịch khác: (các giao dịch của Cổ đông nội bộ/Cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (đồng)
Quý Tâm nhìn SSI	Công ty liên kết	Doanh thu hoạt động môi giới	3.101.131.542
Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Duy Hưng	Cổ đông lớn và người có liên quan của Chủ tịch HĐQT	Trả gốc và lãi trái phiếu chuyển đổi	235.040.000.000
		Trả cổ tức bằng tiền	28.705.036.000
		Nhận tiền Hợp đồng hợp tác kinh doanh	81.593.173.271
		Trả tiền Hợp đồng hợp tác kinh doanh	52.139.768.582
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	Công ty nhận vốn đầu tư và có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Nhận tiền Hợp đồng hợp tác kinh doanh	108.917.436.855
		Trả tiền Hợp đồng hợp tác kinh doanh	48.814.192.344
		Mua bán trái phiếu Vnecobond	39.150.000.000
		Tắt toán hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	4.892.544.000
		Tiền thuê mặt bằng phải trả	3.041.414.338
		Tiền thuê mặt bằng đã trả	3.041.414.338
		Ủy thác đầu tư đã nhận	962.163.549.666
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con 100% sở hữu	Ủy thác đầu tư đã thanh lý	101.055.090.125
		Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	50.000.000.000
		Phí quản lý danh mục trích trong kỳ	7.893.412.410
		Phí quản lý danh mục đã trả trong kỳ	14.960.883.295

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (đồng)
Ngân hàng ANZ	Cổ đông lớn và là người có liên quan của thành viên HĐQT	Trả cổ tức bằng tiền	61.934.420.000
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông lớn và là người có liên quan của thành viên HĐQT	Trả gốc và lãi trái phiếu chuyển đổi	248.640.000.000
		Trả cổ tức bằng tiền	35.471.420.000
Công ty CP Xuyên Thái Bình	Người có liên quan của Trưởng Ban Kiểm soát	Trả gốc và lãi trái phiếu chuyển đổi	83.200.000.000
		Nhận trước tiền mua chứng khoán	25.000.000.000
		Nhận tiền Hợp đồng hợp tác kinh doanh	76.136.262.355
		Trả tiền Hợp đồng hợp tác kinh doanh	38.405.017.355
		Phí thuê kho và dịch vụ phải trả	1.369.733.777
		Phí thuê kho và dịch vụ đã trả	1.333.697.623
Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	Trả cổ tức bằng tiền	15.687.968.000
Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	Trả cổ tức bằng tiền	20.000.000
Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	Trả cổ tức bằng tiền	177.920.000
Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	Trả cổ tức bằng tiền	100.012.000
Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	Trả cổ tức bằng tiền	12.168.000
Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	Trả cổ tức bằng tiền	8.840.000
Hoàng Thị Minh Thủy	Kê toán trưởng	Trả cổ tức bằng tiền	200.000

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Phụ lục 2: Cơ cấu vốn Cổ đông và tỷ lệ sở hữu đến ngày 30/01/2012

Cơ cấu sở hữu và tỉ lệ sở hữu của Cổ đông lớn sau khi tăng vốn điều lệ (vốn điều lệ 3.526.117.420.000 đồng):
(căn cứ danh sách Cổ đông chốt ngày 31/08/2011 - chi trả cổ tức cho năm 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam tổng hợp và sổ theo dõi cổ đông đợt phát hành cho cán bộ chủ chốt ngày 29/12/2011)

Cơ cấu sở hữu:

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn đầu tư CSH	1.871.753.600.000	53,083%	1.654.363.820.000	46,917%	3.526.117.420.000	100,000%
Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-	-
Cổ đông sáng lập	-	-	-	-	-	-
Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên	287.050.360.000	8,141%	974.058.400.000	27,624%	1.261.108.760.000	35,765%
Cổ đông sở hữu từ 1 đến dưới 5%	382.861.080.000	10,858%	0.000%	0,000%	382.861.080.000	10,858%
Cổ đông sở hữu dưới 1 %	1.171.842.160.000	33,233%	680.305.420.000	19,293%	1.852.147.580.000	52,527%
Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	30.000.000.000	0,850%	-	-	30.000.000.000	0,850%

Sở hữu cổ phần của Cổ đông lớn và Cổ đông nội bộ sau khi tăng vốn điều lệ ngày 30/01/2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

STT	Tên Cổ đông	Chức danh/Quan hệ với Công ty	Số lượng cổ phần (Tại ngày 31/01/2012)	Tỷ lệ sở hữu (tính trên vốn điều lệ 3.526.117.420.000 đồng)
1	Australia and New Zealand Banking Group	Cổ đông lớn	61.934.420	17,564%
2	Daiwa Securities Group Inc.	Cổ đông lớn	35.471.420	10,060%
3	Công ty TNHH Nguyễn Duy Hưng	Cổ đông lớn	28.705.036	8,141%
4	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	186.000	0,053%
5	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	15.747.968	4,466%
6	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	40.000	0,011%
7	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	177.920	0,050%
8	Alistair Marshall Bulloch	Thành viên HĐQT	Không có	0,000%
9	Yoshio Urata	Thành viên HĐQT	Không có	0,000%
10	Đàm Bích Thủy	Thành viên HĐQT	Không có	0,000%
11	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	115.012	0,033%
12	Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	20.168	0,006%
13	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	16.840	0,005%
14	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	20.200	0,006%

Ghi chú số liệu căn cứ vào:

- Danh sách Cổ đông chốt ngày 31/08/2011 - chi trả cổ tức cho năm 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tổng hợp;
- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt ngày 28/12/2011 đã nộp UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM và TTLKCK VN;
- Công bố thông tin giao dịch chứng khoán của Cổ đông lớn và Cổ đông nội bộ (nếu có).

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Thông tin doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
Tên tiếng Anh:	Saigon Securities Inc (SSI)
Đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
Ngày thành lập:	30/12/1999
Vốn điều lệ (tại 30/01/2012):	3.526.117.420.000 đồng
Trụ sở chính:	72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tổng số nhân viên (tại 31/12/2011):	400 trong đó có 124 người có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán

Thông tin cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu phổ thông (tại thời điểm 30/01/2012):	352.611.742 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ (tại thời điểm 30/01/2012):	3.000.000 cổ phiếu
Sàn niêm yết:	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE)
Mã chứng khoán niêm yết:	SSI
Giá giao dịch (giá đóng cửa ngày 30/12/2011):	13.700 đồng/cổ phiếu
Chia cổ tức năm 2010 bằng tiền mặt	10%
Ngày thực hiện	22/09/2011
Ngày giao dịch không hưởng quyền	29/08/2011
Ngày chốt danh sách Cổ đông chia cổ tức bằng tiền mặt	31/08/2011
Tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt	15.000.000.000 đồng
Ngày kết thúc đợt phát hành	28/12/2011
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.500.000 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông, hạn chế chuyển nhượng
Thời hạn hạn chế chuyển nhượng	Từ 28/12/2011 đến hết ngày 28/12/2012
Niêm yết bổ sung	1.500.000 cổ phiếu
Ngày niêm yết bổ sung	19/01/2012
Ngày giao dịch bổ sung	Sau khi hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng

Thông tin liên hệ

Khối Truyền Thông - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn

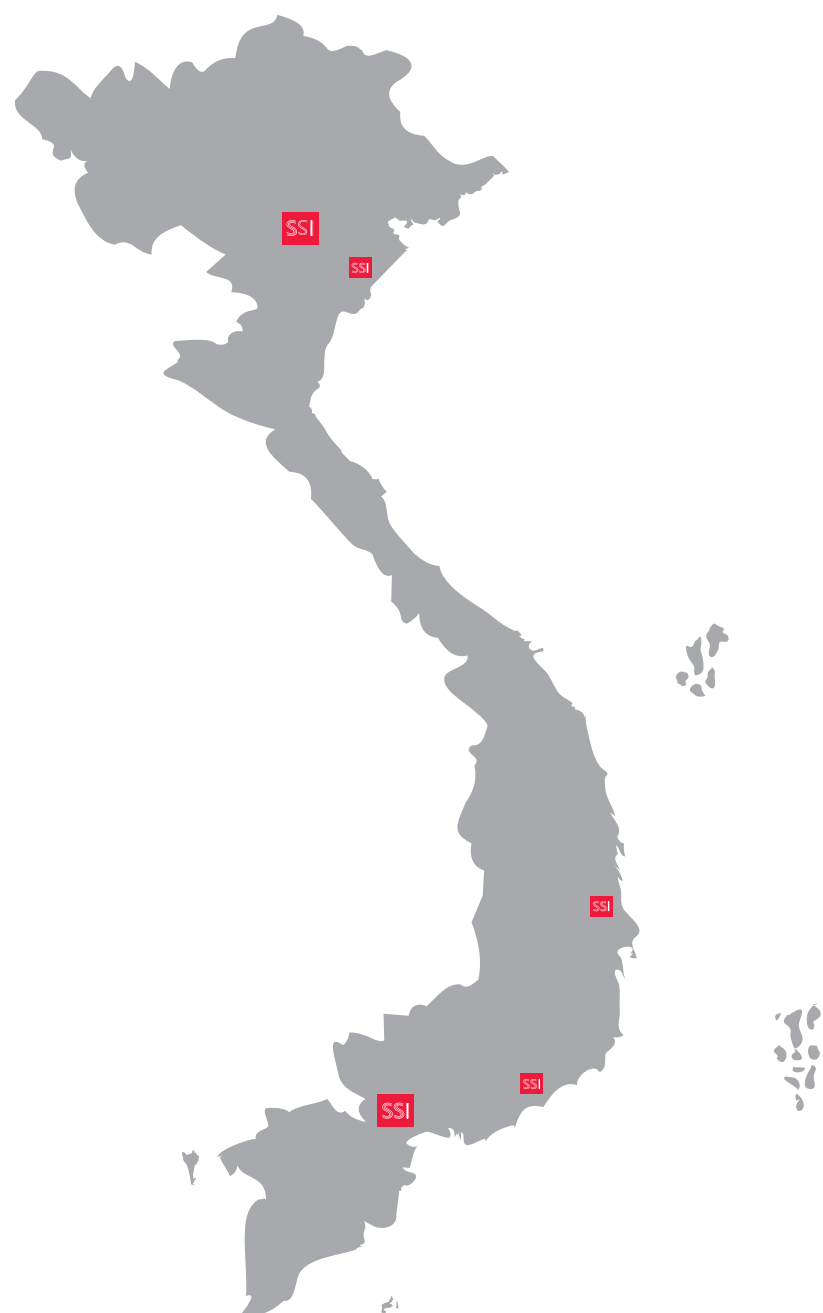
1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

ĐT. +84 4 3936 6321 Fax: +84 4 3936 6311

www.ssi.com.vn/InvestorRelations/

Email: pr@ssi.com.vn

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

TRỤ SỞ CHÍNH

72 NGUYỄN HUỆ, QUẬN 1, TP. HCM

ĐIỆN THOẠI: +84 8 3824 2897

FAX: +84 8 3824 2997

CHI NHÁNH NGUYỄN CÔNG TRÚ

92-94-96-98 NGUYỄN CÔNG TRÚ, QUẬN 1, TP. HCM

ĐIỆN THOẠI: +84 8 3821 8567

FAX: +84 8 3821 3867

CHI NHÁNH VŨNG TÀU

4 LÊ LỢI, THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

ĐIỆN THOẠI: +84 64 352 1906

FAX: +84 64 352 1907

CHI NHÁNH NHA TRANG

TẦNG 3, CAO ỐC QUEEN, 50 LÊ THÀNH PHƯƠNG, P. PHƯƠNG SÀI, TP. NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

ĐT: +84 58 381 6969

FAX: +84 58 381 6968

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI

1C NGÔ QUYỀN, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: +84 4 3936 6321

FAX: +84 4 3936 6311

CHI NHÁNH MỸ ĐÌNH

TẦNG G, TÒA NHÀ THE MANOR - MỸ ĐÌNH, MỀ TRÌ, TỪ LIÊM, HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: +84 4 3794 6699

FAX: +84 4 3794 6677

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

22 LÝ TỰ TRỌNG, QUẬN HỒNG BÀNG, TP. HẢI PHÒNG

ĐIỆN THOẠI: +84 31 356 9123

FAX: +84 31 356 9130

PHÒNG GIAO DỊCH TRẦN BÌNH TRỌNG

SỐ 25, TRẦN BÌNH TRỌNG, QUẬN HOÀN KIẾM, HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: +84 4 3941 3383

FAX: +84 4 3941 3385

PHÒNG GIAO DỊCH HỒNG BÀNG

SỐ 769, HỒNG BÀNG, QUẬN 6, TP. HCM

ĐIỆN THOẠI: +84 8 3969 5898

FAX: +84 8 3969 5894

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI

1C NGÔ QUYỀN, HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: +84 4 3936 6321

FAX: +84 4 3936 6337